



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **38**

(2797)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 21 - 9 - 2013

LỜI THỀ SINH TỬ

Truyện ngắn của PHẠM THANH THÚY
(Xem trang 20)



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

MONG MỘT CÁCH ỨNG XỬ NHÂN VĂN

ĐÀO VĨNH

Đời công tác của một cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước được hiện hành quy định bằng việc đóng Bảo hiểm xã hội. Tối thiểu 20 năm và ở ngưỡng 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ. Đường nhiên còn có những trường hợp nhanh chậm do vị trí, đặc thù công việc riêng. Và khi nhận tháng lương hưu đầu tiên cũng đồng nghĩa "an phận thủ thường" với mọi công vụ, chức trách trước đây. Sự chuyển giao quan trọng ấy sao tránh khỏi những xáo trộn vui buồn của mỗi cá nhân? Lại càng buồn hơn khi nhiều ngành nghề ứng xử với họ như thể với quả chanh, lúc đã vắt hết hoặc gần hết nước thì đầu để ý đến vỏ?...

Tôi có một ông chủ công tác ở Ngân hàng Nhà nước, chức vụ cao nhất là trưởng phòng cấp tỉnh. Từ khi nghỉ hưu 1981 đến nay, năm nào các dịp lễ tết ông cũng được cơ quan gửi thiệp chúc mừng kèm chút quà nhỏ trên dưới trăm ngàn đồng. Còn các bạn tôi ở ngành Bưu điện, nay là Thông tin Truyền thông, cho biết khoảng mười lăm năm nay tất cả cán bộ, công nhân, viên chức của ngành trước khi nghỉ hưu đều được bố trí đi thăm quan du lịch 10 ngày ở các nước Asian hoặc Trung Quốc. Còn sau đó hàng năm đều nhận được những lời thăm hỏi động viên của cơ quan vào những dịp lễ tết, thành lập ngành... Hẳn ngoài các ngành Ngân hàng, Bưu điện như vừa kể trên, trong xã hội vẫn còn có những Bộ ngành khác làm được như thế.

Tôi là một viên chức cấp chuyên viên chính của ngành Xây dựng đã nghỉ chế độ cả gần thập niên. Từ bấy đến giờ hầu như chưa bao giờ được các cơ quan cũ tổ chức họp mặt, chứ đừng thì nói chỉ đến quan tâm lễ tết, kể đến một tấm thiệp, tờ lịch chúc mừng năm mới cũng vắng bóng. Nghĩ mà tủi thân khi nhìn bạn, nhìn mình?

Thiết tưởng, con người dù trong thời cuộc, thế chế, hoàn cảnh nào thì bản ngã Nhân văn cũng mãi là tài sản quý hơn mọi tài sản. Với đội ngũ cán bộ đã từng đem công sức và tâm huyết cả đời ra đóng góp cho cơ quan, nay đến tuổi an bài, đến buổi "nửa ngày về chiếu" thì sự động viên về tinh thần mới là hàng đầu, chứ vật chất nào có đáng gì. Chính vì vậy mà mỗi sự thăm hỏi, động viên đối với những cán bộ công nhân viên chức đã nghỉ hưu vào những dịp lễ tết không chỉ là sự quan tâm của những người lãnh đạo, người quản lý đương nhiệm, mà còn thể hiện một thái độ ứng xử văn hóa, cũng là một cách để đắp bồi truyền thống, lớn là của dân tộc, nhỏ hơn là của ngành, của một tập thể cơ quan. Mong các cơ quan Bộ ngành, các ông bà chủ sử dụng lao động cùng nhìn nhận để có một cách ứng xử Nhân văn, "có trước có sau" như đạo lý ngàn đời ông cha ta vốn có... ■

HÀNG SỐ VÔ DỤNG?...

HOÀNG QUỐC HẢI

ĐỌC báo Dân Trí thấy cái tựa đề hơi lạ: Hàng loạt lãnh đạo trượt kỳ thi nâng ngạch công chức. Tôi chưa từng nghe cán bộ đương chức thi nâng ngạch, bậc bị trượt, nên chăm chú đọc tiếp.

Phần mở bài, báo Dân Trí viết: Sau khi Bộ Nội vụ tổ chức thi tuyển công chức trực tuyến thành công, đến nay Bộ Tài chính, Thành phố Hà Nội, các tỉnh Tuyên Quang, Khánh Hòa, Trà Vinh... có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào kỳ thi tuyển cán bộ công chức tại địa phương.

Trong đợt thi nâng ngạch chuyên viên chính lên chuyên viên cao cấp, có hàng loạt lãnh đạo bị đánh trượt. Tôi không nghĩ có ai đó bị đánh trượt mà đây là dịp để cán bộ, kể cả cán bộ lãnh đạo, tự phơi bày năng lực của chính mình. Ai không đủ các chỉ số cần và đủ cho công việc của mình thì người đó trượt. Đây là tự mình làm mình trượt thôi.

Báo Dân Trí cho biết thêm về cách thi tuyển: Việc ra đề thi, chấm thi, đánh giá kết quả và quản lý thời gian thi đều do máy tính thực hiện. Thí sinh biết kết quả làm bài của mình sau khi thi. Vậy là cuộc thi này đảm bảo được sự công khai và minh bạch. Đó là hai nhân tố xã hội ta đang thiếu một cách trầm trọng.

Nhà báo Quang Phóng, báo Dân Trí cho biết thêm: Kỳ thi tuyển cán bộ công chức vừa qua tại Bộ Nội vụ đã có hơn 600 người đăng ký dự thi. Dù chỉ tiêu Bộ Nội vụ lấy gần 60 người, nhưng cuối cùng chỉ có 30 người đạt được các yêu cầu... Trong đợt thi này có tới 30% công chức dự thi nâng ngạch đã không đạt kết quả; trong đó Bộ Nội vụ có 22 công chức dự thi 9 người không đạt yêu cầu (36,36%).

Tôi lần tìm trên internet thấy nhiều mạng đưa tin vui này. Trong đó có bài của nhà báo Chu Miến viết trên VOV online cũng khá ấn tượng. Trước sự kiện bất ngờ, nhà báo cũng phải ngạc nhiên, thể hiện ngay trên cái tựa của bài: Chuyện lạ khi nghe tin 30% công chức thi trượt nâng ngạch... Kết quả trên khiến chúng ta phải suy nghĩ về trình độ thực sự của cán bộ công chức hiện nay.

Bài báo còn cho biết: Trong lần thi tuyển này, Bộ Nội vụ tiến hành tổ chức thi theo phương thức trực tuyến, 3 môn thi trên máy tính, 2 môn thi viết do Hội đồng chấm.

Thật ra việc thi tuyển nâng ngạch, bậc cán bộ từ xưa tới nay ta vẫn thường làm. Nhưng cái khiến ta phải đặc biệt chú ý trong lần này là lần đầu tiên Bộ Nội vụ tiến hành một cách công khai, minh bạch. Chính vì công khai, minh bạch nên nó đạt được sự công bằng, và đánh giá thực chất, thực trạng năng lực của đội ngũ cán bộ hiện nay. Nếu việc thi tuyển kiểu này trở thành định chế, thì chắc chắn đây là một cánh cửa mở ra, để tiếp nhận những tài năng đích thực cho nền công vụ nước nhà.

Ngoài việc chọn đúng người để trao đúng việc, thì cách tuyển chọn công chức này là một trong những giải pháp mang tính khoa học nhất, trong công cuộc phòng chống tham nhũng muôn vàn khó khăn của bộ máy công quyền. Tuyển dụng cán bộ theo cách cũ, là khe hở lớn nhất của pháp luật, để kẻ có quyền lợi dụng chức quyền ăn hối lộ.

Việc tham nhũng trong khâu tuyển chọn cán bộ, đã có người trong giới lãnh đạo của Hà Nội nói công khai: Nghe đâu mỗi trường hợp cũng mất khoảng 200 triệu đồng... Dư luận xã hội cho rằng vị cán bộ này đã đưa ra một mức giá khá khiêm tốn. Sở dĩ tình trạng trên kéo dài trong nhiều năm, là bởi ta chưa có công cụ chế tài mang tính khoa học. Việc chúng ta làm hôm nay, nếu soi chiếu lại lịch sử thì cách đây cả ngàn năm, thời Lý, thời Trần ngoài quy chế tuyển dụng khá kỹ còn có chế độ Khảo khóa.

Khảo khóa theo định kỳ từ 3 đến 5 năm, cán bộ phải qua một kỳ kiểm tra chất lượng trên cơ sở nghiệp vụ của mình. Ai xuất sắc được cất nhắc ở cương vị cao hơn. Ai đạt yêu cầu được giữ chức cũ, ai kém thì biếm xuống thứ hai, người đã kém ở kỳ trước mà không vươn lên được thì đuổi về quê quán và không hề có chế độ hưu bổng gì...

Từng nghe Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nói: Trong bộ máy Nhà nước có tới 30% số công chức không có cũng được, bởi họ làm việc theo kiểu "sáng cắp ô đi tối cắp về" không đem lại bất cứ thứ hiệu quả nào...

Vào VOV online, Chu Miến còn cho biết thêm: Tại phiên họp thứ 6 của ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII diễn ra ngày 26/3 Phó Chủ nhiệm ủy ban Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội Lê Như Tiến

trích dẫn kết quả điều tra trình độ công chức tại một số tỉnh phía Nam. Theo đó, cơ quan chức năng đã phát hiện hơn 200 cán bộ cơ sở thuê người học hộ, thi hộ và kết quả của một cuộc khảo sát chưa đầy đủ cho thấy, chỉ có khoảng 30% số cán bộ sau tuyển dụng làm được việc, 30% "cầm tay chỉ việc", hơn 30% còn lại "cầm tay chỉ việc" vẫn không biết cách làm... Vậy là qua phát biểu của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, ta biết có 30% số cán bộ vô dụng. Qua báo cáo của Phó Chủ nhiệm ủy ban Giáo dục Thanh thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội cho con số 30% cán bộ dù có "cầm tay chỉ việc" cũng không biết làm, tức thuộc loại vô dụng.

Và nữa, kết quả thi trực tuyến để tuyển dụng và nâng ngạch, bậc của Bộ Nội vụ cũng là con số 30%. Do đó, 30% số công chức hiện có mặt trong bộ máy công quyền, không có khả năng làm được công việc ở chính nơi họ nhận lương là một hằng số.

Ta thử làm một bài toán giả định. Nếu như bộ máy công quyền của nước ta có khoảng 2 đến 3 triệu người, thì số người vô dụng theo hàng số 30% sẽ chiếm từ 700 ngàn đến 1 triệu người.

Ta lại giả định rằng, lương tháng bình quân cho mỗi người chỉ ở mức khiêm tốn là 5 triệu đồng. Và nếu như 1 triệu người vô dụng mỗi người một năm chỉ vờn vờn nhận có 60 triệu đồng lương (đấy là chưa kể những phát sinh khác), thì một năm quỹ lương phải chi tới 60 ngàn tỷ đồng, vào việc trả lương cho mục tiêu vô bổ, gây lãng phí ngân sách.

Trái lại nếu được giải phóng, số lao động kia làm việc đúng với sở trường của họ, thì sẽ tạo ra được của cải cho xã hội. Và họ trở nên người có ích. Ấy là chưa tính đến sức phá hoại do số cán bộ dốt nát, nhưng có tiềm lực tham nhũng này gây ra. Ví như các vị đầu ngành của mấy sở phục vụ dân sinh của Thành phố Hồ Chí Minh đã tác yếu tác quái bấy lâu nay, tự trả cho mình lương khủng trong khi hiệu quả công việc thì lại rất thấp, chẳng là bài học nhồn tiền sao?

Công khai, Minh bạch, cùng với Tự do, Dân chủ là sinh mệnh của một chính quyền dân sự lành mạnh. Hãy lấy việc làm của Bộ Nội vụ làm khâu đột phá. ■

NHÂN ĐÀM

TỪ CHUYỆN "LƯƠNG KHỦNG" CỦA SẾP CÔNG ÍCH...

TRẦN ANH

SỰ kiện bốn "sếp công ích" nhận lương khủng, đã khiến công luận mất không ít thời gian bàn tán trong thời gian qua. Sau khi báo chí vào cuộc, ủy ban nhân dân Thành phố cũng đã có những biện pháp khả rồi rào để kiểm tra xử lý, giải quyết, như đình chỉ chức vụ bốn "sếp công ích" nhận "lương khủng", thành lập hội đồng kỷ luật để xem xét vụ việc, chỉ đạo thu hồi lại số lương của các cán bộ quản lý, lãnh đạo đã cấp sai qui định... và có lẽ đường đi của nó cũng sẽ giống như những vụ việc sai phạm tiêu cực khác, sau khi được xử lý (với những mức độ khác nhau) sẽ bị vùi đi trong lãng quên, giữa một xã hội truyền thông luôn quá tải thông tin. Nhìn lại vụ việc này, chúng ta thấy nổi lên hai vấn đề cần chú ý: Thứ nhất là câu chuyện về "quản lý nhà nước" cũng như rất nhiều những vụ việc tiêu cực khác, thường thì truyền thông nặng về chỉ trích, lên án hành vi của những đối tượng trong vụ việc và đôi khi quên bẵng đi là các cá nhân hoặc tổ chức sai phạm đó, không thể "từ trên trời rơi xuống" mà họ chỉ có thể vận hành những sai phạm của mình được với hai điều kiện, một là có sự dung túng, hỗ trợ hai là tranh thủ sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm của những "mắt xích" nào đó trong hệ thống quản lý nhà nước.

Một hệ thống với những cơ chế kiểm tra, giám sát nếu chỉ đơn thuần xét từ góc độ lý thuyết thì độ chặt chẽ của nó, khiến cho không ai có thể nghĩ ngờ! Tuy nhiên, quản lý nhà nước ở nước ta, luôn là một câu chuyện dài và khó có thể nghĩ đến việc khép lại một sớm, một chiều.

Vấn đề thứ hai là, là câu chuyện về "đạo đức người lãnh đạo". Quan sát cách trả lời phỏng vấn của các "sếp công ích" mới thấy sự giống nhau ở thái độ "hồn nhiên" của họ. Lĩnh lương một năm vài tỷ đồng, trong điều kiện doanh nghiệp do họ lãnh đạo hàng năm vẫn nhận cả ngàn tỷ từ ngân sách nhà nước, vậy mà họ mặc nhiên coi mức lương đó là thành quả xứng đáng do tài trí lãnh đạo doanh nghiệp, đồng thời gần như họ quên khuấy đi một nghịch lý xót xa là có hàng trăm công nhân lao động dưới quyền đang phải nhận mức lương thấp chính do trò ma giáo chuyển hợp đồng lao động từ dài hạn sang ngắn hạn, để có thể vơ vét thêm những đồng tiền đầm mồ hôi trên lưng những người công nhân thuộc quyền. Điều đáng buồn là tất cả những vị này, phía trước tên họ đầy đủ của họ, lại là những chức danh đầy kiêu hãnh như: Bí thư đảng ủy, Phó Bí thư đảng ủy, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc này kia.

Lẽ ra với vai trò của người đứng đầu tổ chức thì họ phải bộc lộ những đức tính mẫu mực của người lãnh đạo như: sự liêm trực, sáng suốt, tính bao dung và lòng nhân ái, để phục vụ lợi ích quần chúng. Trớ trêu thay, sự bộc lộ duy nhất của họ chỉ nằm trong bốn chữ: ích kỷ và Tư lợi. Nhìn rộng ra các vụ việc sai phạm trong thời gian vừa qua, mới thấy, tuy hình thức thể hiện khác nhau, song tựu trung lại bản chất chất của các sự kiện đó chỉ là một. Nếu như các lãnh đạo công ích khiến dư luận phẫn nộ bởi sự hưởng lợi trên lưng người lao động, thì các lãnh đạo của Bệnh viện Hoài Đức lại tâng tọng đến mức sẵn sàng làm tiền trên sức khỏe và tính mạng của bệnh nhân. Ở một diễn biến khác của những vụ án tham nhũng cách đây chưa lâu, những lãnh đạo của một doanh nghiệp nhà nước về lĩnh vực hàng hải sẵn sàng vác mấy trăm tỷ tiền thuê của nhân dân ra nước ngoài tậu về một cái ư nổi... rồi sét vô dụng, cũng chỉ với một mục đích duy nhất là trục lợi cá nhân... rõ ràng đối với những người như các vị lãnh đạo trên đây, đạo đức đã là một cái gì quá xa xỉ, hoặc giả nếu có thì họ cũng định ra tiêu chuẩn hành động theo thang giá trị duy lợi của kẻ tiểu nhân. "tiểu nhân vì lợi". Cách đây hàng

ngàn năm, Nho gia đưa ra quan niệm về Quân tử - Tiểu nhân, trong đó người quân tử phải hội hợp nhiều đức tính tốt đẹp ví như: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Tư tưởng đó sau này được Phạm Trọng Yêm, một bậc túc nho thời Tống, khái quát rất hay "tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc". Tạm dịch "người quân tử biết lo trước cái lo thiên hạ, hưởng cái sướng sau thiên hạ". Nhìn từ góc độ một học thuyết trị quốc, thì người quân tử cũng có thể được hiểu là thành phần cán bộ quản lý lãnh đạo trong xã hội. Theo tinh thần trên, nếu như họ (người quân tử) biết phát huy đức sáng của mình, biết chăm lo cho cơ quan, đơn vị, địa phương, biết quan tâm đến quần chúng. Thì trong sự phát triển chung của cái tập thể mà họ dẫn đường ấy, cái sự "hậu nhi lạc" kia cách gì chẳng đến với họ như một sự kết cuộc có hậu tất yếu của một quá trình phát triển bền vững. Vậy mà tiếc thay, không ai bảo ai, sao họ lại nhất loạt hành xử như những kẻ "tiểu nhân" ngay khi vừa chiếm được địa vị của người "quân tử"?! Điều mà một xã hội cần phải làm là không tạo ra kẻ hở để cho những kẻ mang phẩm cách tiểu nhân lạm tiến những vị trí đứng ra chỉ dành cho người "quân tử". ■

VẤN ĐỀ HÔM NAY

N GÀY 11-9-2013 tại Đà Nẵng, Bộ Thông tin & Truyền thông đã cùng với Ban Tuyên giáo Trung ương, Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Báo chí Văn nghệ toàn quốc năm 2013. Đây là hội nghị thường niên dành cho các cơ quan báo chí văn nghệ, các chuyên trang văn hóa - nghệ thuật trên các tờ báo, bao gồm cả những chương trình văn hóa - nghệ thuật truyền hình và các tờ báo điện tử có chuyên trang văn hóa văn nghệ. Diện triệu tập tham gia Hội nghị khá rộng, theo thống kê của ban tổ chức, riêng các tờ báo và tạp chí in đã có tới 812 cơ quan với 1.084 ấn phẩm (trong đó hầu hết các ấn phẩm đều có trang văn hóa - nghệ thuật). Trong số 197 cơ quan báo chí có 84 cơ quan

nêu ra, ông cũng chỉ biết sẽ tiếp thu và kính chuyển lên cấp trên, nhưng có lẽ ông không có cơ hội được nhìn thấy thành tựu vì đã sắp đến lúc nghỉ hưu rồi. Ông cảm thấy day dứt. Các đại biểu tỏ ra xúc động và thông cảm với ông khi ông chân thành nói rằng, đó là những "món nợ" mà một người quản lý như ông còn nợ lại các cơ quan báo chí.

Những gút mắt đó tựu trung chỉ xoay quanh vấn đề các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các cơ quan báo chí văn nghệ. Các chính sách đó vừa đòi hỏi các cơ quan báo chí văn nghệ phải "là một bộ phận quan trọng của báo chí cách mạng... góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân" lại vừa

nhưng đem về in lại trên báo địa phương mình thì thành chuyện. Không bắt bẻ được tác giả thì làm hành làm tội anh em biên tập tờ báo của mình. Những chuyện đó không phải xảy ra trong những năm sáu mươi, bảy mươi, mà chỉ vừa mới đây thôi. Nhưng anh em làm báo văn nghệ ở các địa phương vẫn phải kiên nhẫn mà vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ cao cả của mình. Tuy vậy, cũng cần thấy một mặt khác của vấn đề là các báo văn nghệ ở địa phương đều thiếu các biên tập viên giỏi, chất lượng ấn phẩm thấp, sức thuyết phục không cao, độ tin cậy của độc giả và của các cấp lãnh đạo địa phương vì thế cũng chưa cao. Ngay các tờ báo lớn ở trung ương nhiều tờ báo cũng chưa có được những phóng viên,

người đọc và sự hào phóng của các nhà quản lý.

Báo cáo trung tâm của Ban tổ chức và tham luận của các đại biểu tại Hội nghị lần này đã dành khá nhiều thời lượng để nhận định đánh giá về các trang văn hóa - nghệ thuật của các tờ báo điện tử và các chương trình văn hóa - văn nghệ trên các kênh truyền hình. Lần đầu tiên tại một Hội nghị lớn về báo chí Văn nghệ, các cấp lãnh đạo báo chí đã đưa ra nhận định rằng: các trang báo mạng đã và đang trở thành một kênh quan trọng chuyển tải các thông điệp văn hóa tới công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Có lẽ cũng là lần đầu tiên các nhà quản lý báo chí văn nghệ đưa ra cảnh báo các cơ quan báo in rằng, đã có hiện tượng các tác giả quay lưng lại với phương thức công bố tác phẩm truyền

BÁO CHÍ VĂN NGHỆ NHÌN TỪ HỘI NGHỊ BÁO CHÍ VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC 2013

báo chí Trung ương, 113 cơ quan báo chí địa phương. Cũng theo số liệu của ban tổ chức các cơ quan báo chí chuyên về văn nghệ từ trung ương đến địa phương tính đến tháng 8 năm 2013 có 80 cơ quan. Trong số 63 Hội Văn học Nghệ thuật các tỉnh thành thì đã có 62 cơ quan báo chí (7 tờ báo và 55 tờ tạp chí).

Nhìn qua những con số kể trên thì có thể hình dung ra một lực lượng hùng hậu các cơ quan báo chí có liên quan đến mặt trận Văn hóa - văn nghệ. Tuy vậy, số đại biểu có mặt tham dự Hội nghị thì lại không được đông đảo như vậy. Có nhiều lý do cho sự vắng mặt của không ít các cơ quan báo chí văn nghệ, trong đó có một lý do khá tế nhị nhưng không ai muốn nói ra - Vì kinh phí đi lại, ăn ở của đại biểu do các cơ quan báo chí trung ương cũng như địa phương phải tự lo, nên nhiều cơ quan, nhất là các cơ quan báo chí văn nghệ các địa phương đành phải vắng mặt. Cái nghèo, cái khó của các cơ quan báo chí văn nghệ chẳng phải nói ra thì mọi người cũng đã hiểu và thông cảm hết. Vì thế, theo nhận xét của các đại biểu đã từng dự những kì họp trước thì kì họp năm nay vắng hơn và có lẽ vì thế cũng... nhạt hơn.

Nhưng vấn đề được nêu lên trong hội nghị thì vẫn giữ nguyên được độ nóng, độ bức xúc như các kì họp trước. Nghĩa là những vấn đề được nêu lên từ các kì Hội nghị trước dường như... vẫn còn nguyên đó nếu không muốn nói là có những vấn đề có thể đã trở nên trầm trọng hơn. Thứ trưởng Bộ Thông tin & Truyền thông Đỗ Quý Doãn, người đã có thâm niên nhiều năm quản lý báo chí, đã thừa nhận rằng, có những vấn đề mà ông, với tư cách người quản lý ngành, đã nhìn thấy, đã đề đạt phương án tháo gỡ lên "trên" từ nhiều năm trước nhưng vẫn chưa được giải quyết. Tại Hội nghị này các đại biểu lại



Toàn cảnh Hội nghị.

Ảnh: NGUYỄN THUY QUỲNH

phải tự bơi trong cái chợ đời của cơ chế thị trường để tồn tại và phát triển. Trong cuộc vật lộn này, các cơ quan báo chí văn nghệ luôn ở thế yếu (Trừ một vài chương trình văn nghệ truyền hình). Phần hỗ trợ của Nhà nước, nếu có, đều rất ít ỏi, chỉ đủ để các cơ quan báo chí này tồn tại như nó phải có, chứ không thể phát triển. Về tài chính, vật chất thì đã vậy, về bố trí con người, bố trí cán bộ còn đáng lo hơn. Có nơi còn bố trí cán bộ quản lý văn nghệ hết sức tùy tiện. Các cán bộ dôi dư, cán bộ khó bố trí vào bộ máy công quyền thì được bố trí vào các cương vị chủ trì các cơ quan văn nghệ, nhiều ông trong số đó kiêm luôn chức Tổng biên tập cơ quan báo chí Văn nghệ địa phương! Dẫn đến cách chỉ đạo của họ với báo chí văn nghệ nhiều khi rất ngẫu hứng chủ quan. Vì thế mới có hiện tượng, một tác phẩm văn học in ở trung ương thì không sao, in ở các tỉnh khác cũng không sao,

biên tập viên giỏi nghệ, am hiểu văn học - nghệ thuật cho các chuyên trang văn hóa, văn nghệ. Nói gì thì nói chất lượng các ấn phẩm vẫn là yếu tố quyết định tất cả. Một số tờ tạp chí Văn nghệ địa phương có chỉ số phát hành thấp (nhiều tờ chỉ từ 500 đến 1.000 bản) nguyên nhân đầu tiên là do chất lượng, sau đó mới nói tới chuyện các cấp chính quyền ở đó có quan tâm hay không? Các chuyên trang văn hóa văn nghệ trên các tờ báo lớn chất lượng cũng thất thường, còn xuất hiện những bài viết non kém về kiến thức, hiểu biết nông cạn về văn học - nghệ thuật, dẫn đến việc phản ánh chưa đúng đời sống văn hóa - nghệ thuật, khen chê, bình luận còn hồ đồ, thiếu chính xác. Vì thế, trước khi nói đến sự yếu kém của các nhà quản lý, các nhà báo văn nghệ hãy dừng cầm tự nhìn lại chính mình, nhìn lại đội ngũ của mình, đừng ỉ vào tính "đặc thù" để đòi hỏi sự châm chước của

thống mà họ đã lựa chọn các trang báo mạng, thậm trí các trang blog cá nhân để công bố tác phẩm.

Ban tổ chức Hội nghị báo chí văn nghệ toàn quốc năm 2013 cũng đã đưa ra thảo luận một số vấn đề có tính giải pháp để nâng cao chất lượng của các ấn phẩm báo chí văn nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, văn nghệ sĩ và năng lực lãnh đạo của các cơ quan quản lý. Tuy vậy, theo đánh giá của các đại biểu, những giải pháp có tính đột phá chưa có nhiều, những gì họ nghe được tại hội nghị lần này phần lớn vẫn là những giải pháp đã được nhắc tới từ những kì hội nghị trước, có chăng chỉ được nhấn mạnh hơn ở từng khía cạnh, từng nội dung mà thôi. Nghe phong thanh bên lề hội nghị rằng, hình như trong thời gian tới Đảng và Nhà nước sẽ nghiên cứu và thông qua một số chính sách có tính đột phá để hỗ trợ cho văn nghệ sĩ nói chung và các cơ quan báo chí văn nghệ nói riêng, trong đó có những chính sách về đào tạo, xây dựng đội ngũ và nhất là những chính sách hỗ trợ tài chính rất cụ thể để văn nghệ sĩ và các cơ quan báo chí văn nghệ có thể ứng dụng thư thái hơn mà thực hiện sứ mệnh góp phần xây dựng nền tảng tinh thần cho toàn xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Ai cũng hiểu rằng lao động nghệ thuật trước hết là những nỗ lực của mỗi cá nhân, nhưng sự hỗ trợ của nhà nước và sự ủng hộ của toàn xã hội cũng mang tới sự khích lệ và niềm hi vọng.

Hi vọng thì bao giờ cũng là hi vọng. Nó xứng đáng để chờ đợi.

SÔNG NÚI ĐẮK NÔNG...

Bút ký của NGUYỄN HOÀNG THU

SÔNG suối núi đồi tỉnh Đắk Nông dày đặc mệnh mông, trải rộng trên cao nguyên M'Nông với diện hơn 650.000 hecta, nằm về phía Nam Tây Nguyên cuối dãy Trường Sơn, có hàng trăm sông suối lớn nhỏ lượn vòng qua hàng ngàn quả đồi nối tiếp đồi, là phụ lưu ngọn nguồn đưa nước vào những dòng sông lớn: Krông Knô, Sêrêpôk và Đồng Nai. Cao nguyên M'Nông - tỉnh Đắk Nông có 3 dãy núi cao luôn được tự hào trong lòng người dân: Năm N'Jang tọa lạc trên địa bàn huyện Đắk Song, có đỉnh cao hơn 900 mét; Năm Nung trải rộng trên vùng đồi các huyện Đắk Song, Krông Knô, Đắk Glong, có đỉnh cao 1.523 mét; và dãy núi Tà Đùng nằm trên địa phận xã Đắk Som huyện Đắk Glong, có đỉnh cao 1.982 mét cách mặt nước biển, nhìn xuống lòng hồ Tà Đùng rộng lớn bên dòng nước thượng nguồn sông Đồng Nai trải dài đến tận Nam Cát Tiên, làm ranh giới cho hai tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng. Từ 3 dãy núi này quanh năm tích tụ nước trời đã phân phối cho những con suối dòng sông nông sâu chảy lượn vòng qua chân núi vùng đồi khắp các huyện thị trong tỉnh, tắm tưới phù sa cho ruộng lúa vườn cây hàng ngàn buôn làng thôn xã của Đắk Nông lên xanh trước khi đổ nước vào các dòng sông Krông Knô, Sêrêpôk và Đồng Nai...

Những dòng sông con suối lớn nhỏ chảy qua địa hình mệnh mông đồi núi chập chùng đã tạo nên những ghềnh những thác đẹp hoang sơ kỳ vĩ mà thiên nhiên giàu mộng mơ cảm xúc tạo nên để ban tặng cho người. Có đến 16 nhánh thác trắng hữu tình giữa ngàn xanh lồng lộng của đất trời cao nguyên M'Nông - tỉnh Đắk Nông. Huyện Chư Jut ở phía Bắc của tỉnh có cụm thác Trính Nữ, Drây Sáp và Gia Long đẹp trong vẻ hùng tráng nên thơ êm đềm cùng nằm trên dòng sông lớn Sêrêpôk giữa đôi bờ đầy bóng cây xanh trùng điệp rừng nguyên sinh; huyện Tuy Đức ở phía Tây - Nam của tỉnh có thác Đắk Buk So rộng 8 mét với chiều cao một tầng 50 mét thả dòng chảy xuống vực sâu tung đầy bụi nước trắng xóa như sương khói bay, và thác Đắk G'Lun tuyệt đẹp có chiều cao hơn 50 mét, rộng 15 mét rẽ thành hai dòng nước trắng treo lơ lửng dịu dàng bên vách đá ngàn năm; huyện Đắk Song có thác Len Gun nằm giữa khu bảo tồn

thiên nhiên Năm Nung, hùng vĩ từ đỉnh thác xuống chân thác, thả dòng nước nối nhau 7 tầng trên đoạn sông dài 1.000 mét; gần thị xã Gia Nghĩa có thác Liêng Nung thuộc nhánh sông Đồng Nai, có độ cao dòng nước 30 mét nằm giữa những ngọn đồi có rừng cây xanh vây quanh; còn nhiều tên thác nữa, mang dáng vẻ lung linh diệu kỳ khác nhau do sông suối vùng đồi Đắk Nông tạo nên với những tên gọi: thác Lưu Ly, thác Gấu, thác Ngắm, thác Cô Tiên...Bấy nhiêu dòng thác ấy, chất chứa nhiều tiềm năng cho ngành du lịch Đắk Nông tiếp tục đầu tư, khai thác thế mạnh sinh thái nhân văn qua quan hệ tốt đẹp giữa người với thiên nhiên, lôi cuốn khách lịch lãm khắp nơi đến với tỉnh này trong tương lai không xa, đem lại nhiều hứa hẹn làm đẹp giàu thêm cho cao nguyên vùng đồi M'Nông có những dòng sông lớn ở cực Nam Trường Sơn - Tây Nguyên...

Gần 10 năm qua, từ khi thành lập tỉnh Đắk Nông, diện mạo sông suối núi đồi và sắc mặt con người đã thay đổi tốt tươi; những vườn cây ăn quả thêm đầy, những trang trại đó đây được mở rộng vươn cao thêm sắc lá chum quả hồ tiêu, thêm màu hoa trắng cả phê bạt ngàn sau ngày nở rộ đầu năm đến cuối năm rộn ràng bàn tay người thu hoạch mùa quả đỏ. Có đến hơn 8.000 hecta hồ tiêu, gấp đôi 10 năm trước, và đáng nói, gần 120.000 hecta cà phê hiện nay, tăng thêm 40.000 hecta trong 4 năm qua, giờ đây quanh năm đơm hoa kết trái trên vùng đồi đất bazan ven sông ven suối, cho năng suất khá cao, đạt tổng sản lượng hơn 200.000 tấn/năm. Con số này tính thành giá trị đô la Mỹ là bao, xin dành cho những nhà kinh tế, riêng tôi nghe lòng mình vui với thành quả phát triển khi trở lại Đắk Nông vào những ngày vừa thu hoạch xong lúa đông-xuân, đó đây bắt đầu gieo trồng cây lúa vụ hè-thu khi đã có những cơn mưa đầu mùa tháng năm đổ nước xuống ruộng đồng. Tỉnh Đắk Nông hiện nay có hơn 5.000 hecta lúa nước, gấp đôi con số 10 năm trước, là cả sự nỗ lực đầu tư cùng trí tuệ và bàn tay con người mới có được. Do địa bàn chia cắt nhiều nơi bởi hàng ngàn quả đồi lớn nhỏ chỗ thấp chỗ cao nên khó thể nhanh chóng mở rộng thêm, nhưng năng suất lúa 2 vụ nhờ nước trời (vụ hè- thu) và chủ động nguồn nước tưới (vụ đông-xuân) từ hệ thống

thủy lợi cùng bàn tay cần mẫn trên đất đai màu mỡ đã cho năng suất rất cao, bình quân 15tấn/năm/ha, đạt tổng sản lượng lúa nước: 75.000 tấn/năm. Con số này thật đáng nói, chưa kể diện tích cây lúa khô và cây ngô đó đây trên nương rẫy vùng đồi cùng với 4.000 hecta các loại cây ăn quả trong vườn nhà của mấy mươi ngàn hộ nông dân...Chứng ấy sản lượng đồng lúa, nương ngô, vườn cây công nghiệp đã tỏ rõ niềm vui với ít nhiều lạc quan thì thấm trong lòng khi nghĩ đến tương lai ngày mới của Đắk Nông vào những năm sắp tới; chưa kể diện tích hàng vạn hecta cao su tư nhân và quốc doanh được chọn giống tốt, chăm sóc kỹ trên đất màu bazan vươn cao thẳng tắp, đã cho khai thác dòng mủ trắng từ thân cây thành thực phẩm nằm qua trên địa bàn các huyện Đắk R'Lấp, Tuy Đức, Đắk Song, Chư Jut và Krông Knô. Đắk Nông chưa giàu, nhưng những thành tựu đáng nói này đã xóa hẳn khó khăn ban đầu khi thành lập tỉnh cách đây 10 năm trước.

Từ thị xã Gia Nghĩa - tỉnh lỵ Đắk Nông ở độ cao 700 mét bên sông Đắk Nông, đi trên đường Quốc Lộ 14 đến thị trấn Ea T'Ling (huyện Chư Jut) rẽ phải con đường tỉnh lộ bên sông bên rừng phải qua hơn 130 kilô mét mới đến thị trấn Đắk Mâm - huyện lỵ Krông Knô ở độ cao gần 500 mét. Tỉnh Đắk Nông lấy tên sông Đắk Nông, huyện Krông Knô mang tên sông Krông Knô, cả hai dòng nước quanh năm hào phóng đem lại sự sống tốt tươi cho con người. Mọi sự phát triển kinh tế xã hội, từ kết cấu đô thị văn minh đến ứng xử văn hóa hài hòa đều không thể quên ơn dòng sông góp phần đem lại đời sống vật chất và tinh thần giữa người với người và thiên nhiên. Tên gọi của địa phương được lấy tên sông tên núi, hàm chứa trong lòng sự biết ơn nguồn cội xa xưa, là khởi đầu của hạnh phúc. Khi đặt chân nơi bến nước êm đềm bên sông, bước nhẹ nhàng vào một buôn làng thăm đậm sắc màu văn hóa người dân tộc bản địa với tên núi tên sông, cho lòng ta cảm xúc mới lạ và hạnh phúc để sống tốt hơn, nào ai có thể quên...Đến nay tôi vẫn nhớ những khuôn mặt chân thật, nụ cười hiền, ánh mắt trong veo của người M'Nông bon Đắk Buk So xã Đắk Buk So gần thác Đắk Buk So huyện Đắk R'Lấp hơn 20 năm trước, lần đầu tiên tôi đặt

chân đến vùng đất Tây Nguyên đầy sông suối núi đồi và rừng cây xanh trùng điệp màu xanh.

Anh Ngô Xuân Lộc chủ tịch UBND huyện Krông Knô không giấu vẻ hân hoan trên khuôn mặt khi nhắc đến đồng lúa nước cao sản 2 vụ đông-xuân và hè-thu, có nơi còn tranh thủ sản xuất thêm vụ thu-đông cùng với diện tích cây ngô đạt sản lượng lương thực chủ lực của huyện này, đưa con số tổng sản lượng lên gần 125.000 tấn/năm, chưa kể cây sắn còn cho thêm sản lượng gần 100.000 tấn trên đất màu bazan. Con người cần cù, thêm phần chủ động nguồn nước tưới, lại có các loại cây tiêu, cao su, ca cao, chủ lực là cây cà phê đưa tổng diện tích cây công nghiệp dài ngày lên đến 26.200 hecta đã đem lại cuộc sống tương đối vui và đầy đủ cho đa số người dân ở một huyện xa nhất tỉnh Đắk Nông. Tại cánh đồng lúa nước xã Buôn Choáh bên sông Krông Knô xa thị trấn huyện lỵ 20 kilômet, tôi mê mê ngắm nhìn lúa hè-thu vừa lên cao trải dài tít tắp hứa hẹn ngày đơm bông kết hạt thu hoạch mùa lúa vàng với năng suất cao. Nơi đây, gần trạm bơm bên dòng sông lớn thấm đậm nước phù sa, tôi gặp ông Dương Văn Lực chủ tịch xã Buôn Choáh, lại là người làm chủ 8 hecta đồng lúa nước cao sản. Ông Lực nói, giọng từ tốn nhẹ nhàng mà tự tin với nét vui trong đôi mắt:

- Trên cánh đồng lúa rộng này, có nhiều gia đình làm đến năm ba hecta, lại trồng thêm cây ngô, họ không để đất trống đâu! Ngay cả người dân tộc Êđê tại chỗ vốn quen làm lúa khô trên đồi, bây giờ cũng ham trồng cây lúa nước; còn người Tày, Nùng, Dao từ xa đến lập nghiệp, thấy đất thấy nước, họ mừng lắm, làm không muốn nghỉ tay; nhiều gia đình đã nhanh chóng có của ăn của để. Ở xã này không có ai nghèo đói đâu!

Năm 1995, từ Bắc Giang, ông Dương Văn Lực đưa vợ con đến đất này lập nghiệp, từ hai bàn tay trắng với quyết tâm đổi thay sự sống, đến nay ông đã thành sự nghiệp, là tỉ phú lúa, là chủ tịch UBND xã của một xã chuyên canh lúa ngô trọng điểm lương thực của một huyện đa dạng các loại cây trồng nhất của tỉnh Đắk Nông, được lòng dân các dân tộc quý trọng. Thêm niềm vui nữa cho vợ chồng ông Lực, con trai đầu của

ông là Dương Văn Trọng vừa tốt nghiệp cao đẳng kế toán.

Tạm biệt người chủ tịch xã sản xuất lúa giỏi nhất xã Buôn Chóah với năng suất 15 tấn/năm, trên đường về thị trấn Đăk Mâm dọc theo đồng bằng lúa nước trên cao nguyên rộng 900 hecta bên sông Krông Knô, niềm vui còn đọng trong lòng trong mắt tôi trước màu xanh tốt tươi mỡ màng của từng ô ruộng lúa vừa thu hoạch xong mùa vàng đông-xuân đã chuyển sang vụ hè-thu. Ngồi trên xe, trông xa về dãy núi lớn Nậm Nung xanh mờ trong nắng chiều, nơi đó là ngọn nguồn những dòng sông con suối tỏa nước về các xã có ruộng đồng lúa nước nương ngô, phụ cùng dòng sông lớn tắm tưới phù sa điểm tô thêm sắc màu cho huyện Krông Knô, trọng điểm lúa nước của tỉnh Đăk Nông ngày nay. Đêm ở lại thị trấn huyện lỵ Đăk Mâm, chủ tịch UBND huyện, Ngô Xuân Lộc, thân tình mời tôi ly rượu gạo mang hương vị đất đai ruộng đồng Bình Định quê hương anh. Một ly, hai ly, ba ly...vẫn chưa nói hết niềm vui sau nhiều năm tôi và anh gặp lại nhau, lại thêm niềm vui trước sự đổi thay mới mẻ tốt tươi lành lặn của huyện Krông Knô mà hai mươi năm trước, mười năm trước hãy còn khó khăn bộn bề...

Buổi sáng, nắng chưa lên, sau ly cà phê vội vàng bên hồ thị trấn Đăk Mâm, tôi phải trở lại thị xã Gia Nghĩa cho kịp giờ hẹn cùng các bạn đi thăm buôn Pinao, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'Lấp. Chẳng bao lâu, chiếc xe đưa tôi ngang qua thị trấn Đăk Mil bên hồ Đăk Mil xinh đẹp của huyện Đăk Mil, là huyện trọng điểm cà phê, phồn vinh và ổn định nhất của tỉnh Đăk Nông, có thị trấn bên hồ rộng trong xanh lồng lộng, được xem là thị trấn đẹp nhất của tỉnh vùng đồi cao nguyên M'Nông. Qua khỏi huyện Đăk Mil có 2 con sông Đăk Gan và Đăk Klau lượn vòng qua ruộng đồng xanh trước khi xuôi dòng đổ vào sông lớn Sêrêpôk, từng quả đồi xanh huyện Đăk Song đối gối đối, đối nối tiếp đối hiện ra trước mắt tôi, và lúc gần lúc xa, những căn nhà mới xây có trang trại lớn nhỏ chuyên canh cây hồ tiêu bên cạnh những vườn cà phê xanh màu lá đang đầy đủ sức sống dưới những cơn mưa đầu mùa cuối tháng 5 Tây Nguyên. Huyện Đăk Song nổi tiếng trồng hồ tiêu với diện tích 3.500 hecta, chiếm 70% diện tích toàn tỉnh, đạt năng suất cao nhờ kỹ thuật chăm bón vườn cây trên đất màu bazan, và không ít người đạt 10 tấn hạt tươi/năm, đặc biệt có nhiều trang trại tư nhân mở rộng diện tích 10-20 hecta; riêng ông Đỗ Công ở xã Nậm N'Jang, có trang trại chính 38 hecta cộng với những trang trại khác mở rộng đó đây, trở thành ông chủ trang trại tiêu lớn nhất tỉnh Đăk Nông với diện tích hơn 100 hecta...

Xã Nhân Đạo nằm bên lưu vực sông Đổng Nai, bên kia sông là địa phận tỉnh Lâm Đồng, kề cận với Vườn quốc gia Nam Cát Tiên. Chúng tôi đến



buôn Pinao và dễ dàng gặp ngay lão nghệ nhân Y'Krang trên 100 tuổi, người vừa được UBND tỉnh Đăk Nông tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc đã đi biểu diễn tại Hà Nội và nhiều nơi trong nước. Ông là người chế tác và sử dụng nhuần nhuyễn tài tình nhiều loại nhạc cụ dân tộc M'Nông, loại nhạc cụ thổi, nhẹ nhàng mà đòi hỏi nhiều tài luyện và tài hoa mới diễn đạt hết tinh ý của cộng đồng dân tộc bản địa M'Nông Pruăng hết lòng yêu sông suối núi đồi quê hương từ lâu đời. Nghệ nhân Y'Krang được chính quyền địa phương xây tặng một căn nhà tình nghĩa tương đối khang trang đầu buôn làng; ông biết ơn, dành cho con cháu ở, còn riêng mình sớm chiều đêm tối vẫn chỉ thích ở trong căn nhà cũ, nhỏ như cái chòi nhưng luôn ấm cúng có bếp lửa củi kể bên. Nghệ nhân Y'Krang sống thanh thản nhẹ nhàng trong tuổi già với niềm vui ngày ngày sẵn sàng truyền đạt lại tài nghệ cho bất cứ trai gái thanh niên nào trong buôn làng muốn tìm đến học các loại nhạc cụ M'Nông Pruăng, nhỏ nhắn mà thanh tao. Bon Pinao cách xa thị trấn huyện lỵ Đăk R'Lấp 16 cây số, hiện có 380 người dân tộc bản địa với 82 căn nhà trệt mới mẻ vẫn giữ được ít nhiều phong cách cổ truyền. Đời sống kinh tế-xã hội của Pinao ngày càng phát triển, từ năm 2009 đã khai hoang được 8 hecta lúa nước, đảm bảo được nguồn lương thực tại chỗ, bên cạnh đàn trâu bò hơn 300 con và các loại cây công nghiệp đó

đây quanh buôn làng. Điều vui hơn nữa, gia đình nào trong buôn cũng có xe gắn máy và phương tiện nghe nhìn, 100% hộ sử dụng ánh sáng nguồn điện và nước sạch. Từ cuộc sống đủ đầy về vật chất, Pinao đã thành lập đội văn nghệ riêng của bon, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, từng tham gia nhiều hội diễn trong các ngày hội văn hóa toàn tỉnh, đã được tỉnh chọn lựa đi giao lưu văn hóa với các tỉnh bạn trong nước và nước ngoài.

Rất tự nhiên và chân thật, Y'Lanh buôn trưởng bon Pinao, đã vui vẻ tự tin giới thiệu về đời sống của buôn làng mình, đúng như những gì chúng tôi đã nghe thấy. Chúng tôi vui trong một ngày vui của buôn làng vui đón khách. Trên đường trở về thị xã Gia Nghĩa, có lúc nào khuôn mặt đẹp và phúc hậu của già làng nghệ nhân Y'Krang còn đeo đẳng bên tôi, cả bức tranh sống động buôn Pinao ngày mới cho lòng tôi vui được biết, không ai đói nghèo và tất cả con em gái trai đều đến trường, không học sinh Pinao nào bỏ học. Niềm vui này hứa hẹn trong lòng tôi, rồi sẽ có ngày trở lại, xuyên qua suối qua đồi, thêm một lần đến với buôn Pinao xã Nhân Đạo huyện Đăk R'Lấp bên bờ lưu vực dòng sông lớn Đổng Nai. Thêm một lần đến với bon Pinao, ở lại đêm để gặp gỡ nhiều người, trong chiều hoàng hôn vừa tắt, nhìn ánh đèn điện buôn làng sáng lên trong đêm mà trong căn nhà nhỏ của nghệ nhân Y'Krang vẫn thiết tha gắn gũi với bếp lửa

củi năm nào...

Tôi còn ở lại Đăk Nông đêm nay, giữa tỉnh lỵ vùng đồi Gia Nghĩa đã nên hình một thị thành cao nguyên mới đẹp trong mắt nhìn với những con đường rộng mở dốc lên dốc xuống bên hàng cây xanh và những tòa nhà khang trang tựa lưng vào triển đồi. Bằng qui hoạch tính toán cùng thiết kế hài hòa, một Gia Nghĩa mở rộng hơn nữa trong tương lai bằng tiềm năng thế mạnh kinh tế, du lịch đang đã phát triển với trí tuệ của địa phương và sự hỗ trợ đầu tư lớn của trung ương, sẽ hình thành nên một đô thị lộng lẫy đầy sức hấp dẫn trên cao nguyên mệnh mông của đất nước. Một Đăk Nông hôm nay chưa giàu có, đã vượt qua những khốn đốn khó khăn ban đầu, rồi bằng kinh nghiệm và nghĩ suy chín chắn sẽ đẩy lùi những cản ngại rủi ro tồn tại trên con đường đi đến sự hoàn mỹ hoàn thiện trong tương lai. Tôi tin như thế, rất tin, trên cơ sở một Đăk Nông vững vàng từ sông núi và con người, đã quyết tâm đẩy lùi nghèo khó để nhanh chóng hôm nay đủ đầy cơ áo cho nhân dân và trường học các cấp dành cho học sinh các dân tộc từ thành thị đến những buôn làng xa xôi. Sông suối núi đồi cao nguyên Đăk Nông dày đặc mệnh mông, từ xưa xa hào phóng nuôi người, bằng trí tuệ và bàn tay con người hôm nay, núi sông vùng đồi này tin tưởng sẽ đẹp hơn trong sức sống mới, yên bình và tình khôi. ■

TÔI và em từng ở bên nhau trên một bãi biển đẹp nhất miền Trung. Gần khu du lịch sinh thái năm sao cũng nổi tiếng nhất miền Trung. Tím là gam màu tổng thể của mặt biển cuối chiều hôm ấy. Cát, trắng và mịn đến ngỡ ngàng là đường viền tuyệt diệu của mệnh mỏng tím. Cả hai đẩy gời cảm, đẩy giục giã trong sự ngẫu hứng thật bao dung của tôi và em.

Biển và bờ.

Không lạ, không mới nhưng nó đã ùa vào bức toan em căng ra trước gió. Tôi nằm sấp trên cát, ngắm những đường nét và sắc màu gời cảm, giục giã qua vai em. Cát trắng như da ai đó, cát mịn như da ai đó ở dưới tôi, ở bên tôi, phải trái trước sau, nhưng không quyến rũ tôi được mấy. Tay cọ của em như một cơn bão không tên hút tôi vào mệnh mỏng tím và mảnh mai trắng.

Nắng cuối chiều dọi xiên qua mái tóc em để lại mấy đốm vàng mơ hồ trên nền tím. Nó như ô cửa của biển; không phải, con mắt của biển; không phải, đảo của biển. Đảo, chìm nổi trong hoang vắng hoang vu hoang hoài hoang liêu khi chưa được đánh dấu vào những hải trình. Màu vàng, ấm hơi người, những phần nhô lên trên bao la đại dương đã được xác lập chủ quyền, đó là màu tôi rất nhớ khi phải xa đảo.

Khuôn tranh vuông vức, mỗi chiều một mét. Như thế, biển của em hình vuông. Đảo của em hình tròn. Trăm năm tính cuộc vuông tròn. Mẹ tròn con vuông. Trời tròn đất vuông. Quen thuộc. Vững chãi. Khát vọng bình yên. À quên, còn có những đoạn thẳng màu trắng nổi lên các chấm vàng, như là rễ của gốc cây; bật vang trong tôi tiếng hát rẽ mây uống nước đâu, uống theo nguồn...

Em. Tiết kiệm đường nét, chi tiết đến mức không thể cô đúc và gọn ghẽ hơn được nữa. Chẳng có gì cụ thể dành cho tôi trong bức tranh đó nhưng chẳng hiểu vì sao tôi cứ nghĩ em đã vẽ nó cho tôi, vì tôi. Màu tím gợi tới sự thủy chung lứa đôi, như một hình dung, một chia sẻ và có lẽ cả một nhắc nhở nữa. Tôi đã từng rất khổ đau, nói đúng hơn là tan nát cõi lòng về chuyện này. Khổ đau và tan nát vì mình bị phản bội, bị đánh cắp niềm tin trong hoàn cảnh lẽ ra phải được đùm bọc, chia sẻ nhiều hơn. Linh đảo, dù tinh nét trời sinh thế nào, khi sống xa đất liền hàng trăm hải lý phần lớn đều hỗn nhiên và trong sáng. Có như vậy mới muôn người như một, gần bó với nhau, để bám trụ được nơi quần đảo bao tổ luôn bị kẻ bành trướng rình rập quấy nhiễu.

BIỂN TÍM

Truyện ngắn của NGUYỄN HỮU QUÝ

Thời tôi làm lính đảo không còn phải ở trong những chiếc nhà cao cẳng chung chiêng mõng manh giữa miền man biển trời mây nước mà người thần kinh không vững rất dễ bị mắc chứng trầm cảm u uất, nhưng nỗi nhớ đất liền, nhớ người thân vẫn là sự cồn cào nao nao thường trực. Cứng cáp rắn rỏi đến mấy vẫn rung rung mềm lòng khi ngó về phía mặt trời lặn, những đám mây nhuộm sắc đỏ ngồn ngàng, vô tình hay hữu ý những hình thù quen lạ hiện lên và tan đi để lại lấm lằng lang nuối tiếc.

Tôi đã được thấy hình dáng em trong một buổi chiều cận bão. Nước biển tím tím mùi tanh lạ và không khí rất oi nóng. Lũ hải âu kêu chao chác góc trời. Đám mây màu vàng đỏ hiện lên ở phía Tây, phía đất liền, rất giống hình một cô gái kiều diễm. Kiểu diễm và lộng lẫy như là người đẹp đã được ảo hóa và phóng chiếu lên gấp ngàn lần, món quà của thượng đế dành tặng cho những người lính đảo quanh năm thiếu vắng hơi hóm đàn bà. Tôi nhận ra em trong đó. Im lặng, chiêm ngưỡng em trong đám mây người đẹp bất ngờ hiện lên trước hoàng hôn. Những chiếc hôn mặn mòi vị biển "phóng" về phía em, hành trình bay khoảng bốn trăm hải lý, độ dài đáng kể nhưng chẳng thấm thía gì so với

tốc độ ánh sáng của niềm yêu. Những chiếc hôn ấy, tôi tin đã đến với em sau tích tắc; trong chớp mắt "nó" đã đậu xuống tóc em, môi em, ngực em và cả những ngón chân hồng hồng của em. Trên từng xương tí mét em đã có "nó", nồng ấm và rạo rức như từng nồng ấm và rạo rức nơi em.

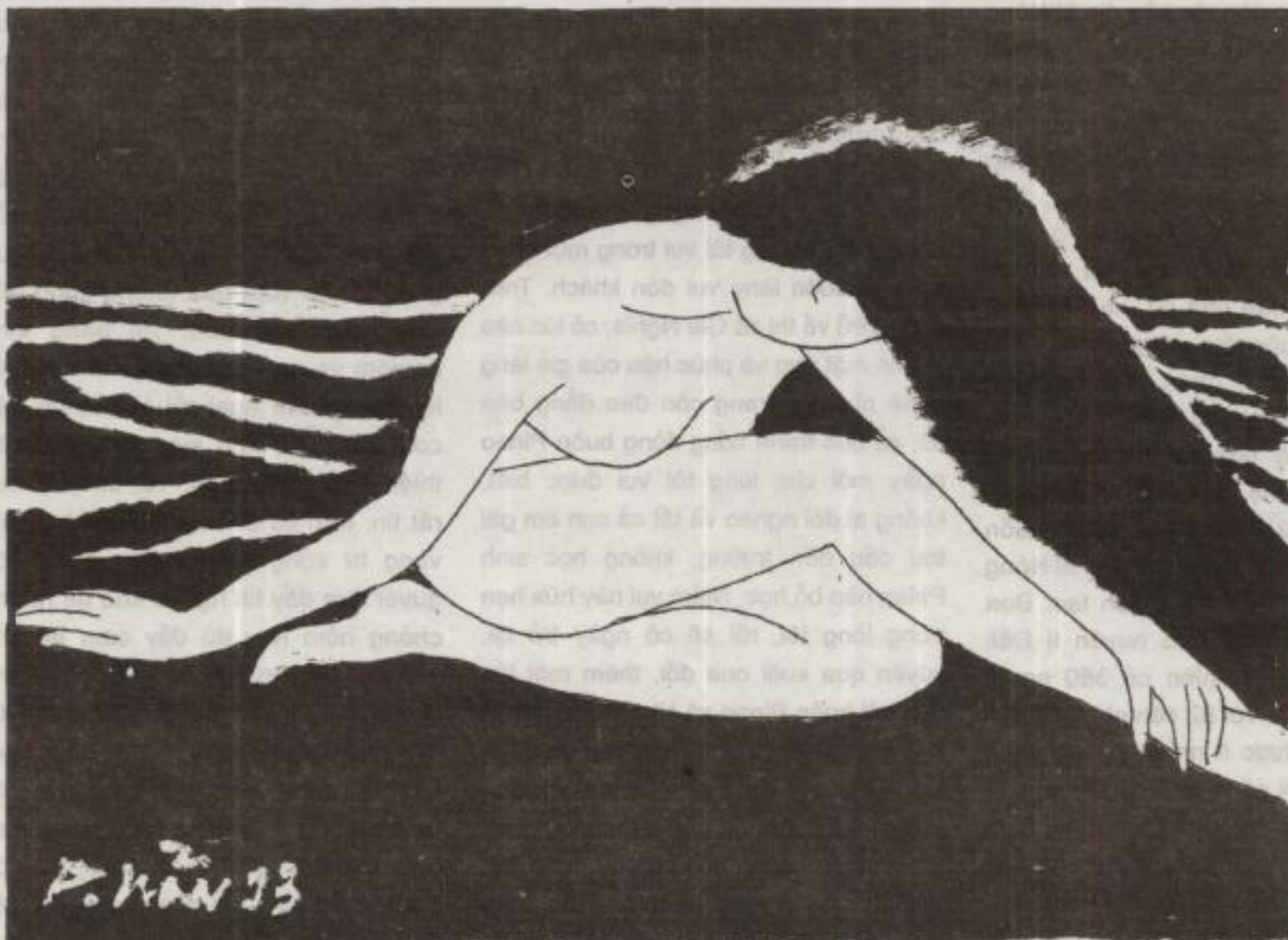
Thời ấy, tôi là sinh viên năm cuối Học viện Quân y và em là sinh viên năm hai Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Tôi đang cất giữ rất nhiều kỷ niệm đẹp về em, kể với bức hý họa tôi của em; một chàng trai có cái đầu to đùng, đôi mày rậm vênh vếch, cười loác ngoác và chiếc ống nghe của nhà y nghèo nghèo như cặp rắn cuốn vào nhau. Tôi đã xa em hai năm rồi kể từ ngày xuống tàu ra Trường Sa. Hai năm, thời gian quá đủ cho màu da của tôi trở thành đen bóng và cũng đã chai mặt trước những cơn bão biển lồng lộn dữ dội như muốn xáo tung san bằng tất cả những cái gì nhỏ lên trên mặt nước.

Anh thấy tranh được không? Em ngoảnh lại hỏi tôi. Có vẻ hơi trừu tượng, tôi trả lời. Nó sẽ mang tên *Biển tím* anh ạ. Tôi chần chừ, có phải lúc nào biển cũng tím thế đâu, nỗi đau người lính hình như không có màu đó, màu tím. Một đôi trường hợp không thay thế, không đại diện cho tất cả, em vẫn hy vọng những điều tốt đẹp cho người lính, cả đất liền ở sau họ, gần gũi, chia sẻ, ưu ái, em nhấn thêm mấy vệt tím ở bên phải tranh, nói với tôi. Tôi vẫn chưa chịu, có lẽ phải có một chút màu gì đó tối tăm hơn, gần với nỗi đau buồn của con người, không phải không có những lần ta đưa đám tình yêu về cõi vô vọng. Đừng thế anh, người lính dũng cảm, tin em đi, các anh sẽ được đến bù xứng đáng, em khẳng định.

Em không vẽ nữa, nằm xuống bên tôi. Chiều tắt nắng. Biển sẫm tối nhưng gió lại lồng lộng hơn. Gió, chao ôi, cái gió *chuyên cần* và *phóng túng* làm sao. Bức tranh trở nên cô đơn hơn cả dù nó mang trong mình mệnh mang biển và nhấp nhô đảo. Tôi ngắm bàn tay cầm cọ của em, những ngón thon dài vương mấy vệt tím, vệt biển chiều.

Tôi mới gặp em, quen em đêm ngày thôi, trong cuộc giao lưu giữa các thành viên trại viết của tạp chí *Hoa đại* với Hội Văn nghệ Tĩnh mà em là một thành viên. Có lẽ phải nói rõ thêm điều này. Tuy là bác sỹ quân y nhưng tôi có viết truyện ngắn. Đồi ba truyện của tôi, chủ yếu về người lính biển đảo đã được in trên tạp chí *Hoa đại* và tôi được ban biên tập mời đi dự trại lần này. Lần đầu đi trại viết lại được sống trong khu du lịch sinh thái năm sao sang trọng và tiện nghi tôi thật sự ngỡ ngàng và lo lắng. Tôi định viết một truyện ngắn về lính Trường Sa mà vẫn chưa tìm được cái tứ nào hay nên còn chần chừ cân nhắc. Trong đêm giao lưu, em hát bài *Gần lắm Trường Sa* rất xúc động. Tôi được nhà thơ trưởng trại giới thiệu từng ở Trường Sa lên phát biểu ý kiến. Tôi thổ lộ cảm xúc của mình khi nghe em hát *Gần lắm Trường Sa* và xin đọc một bài thơ của bạn tôi viết về những người lính trẻ trên quần đảo phong ba này: *Mặn lên da là biển/ Mặn xuống tóc là trời/ Linh đảo không trắng nổi/ Yêu? Hay đừng...em đi?/ Đảo, đảo mọc thành chùm/ Linh làm hoa cho bể/ Mùa xuân Trường Sa trẻ/ Như bình nhất, bình nhì/ Sông, sông dội bốn bể/ Đảo chìm và đảo nổi/ Thương nhau thì em nhé/ Cười sóng tìm nhau thôi...* Tôi nhìn về phía em, trên gương mặt hiền hòa lấp lánh những giọt nước mắt. Sau buổi giao lưu, em nhờ tôi chép cho bài thơ đó...

Sau cơn bão trái mùa, chúng tôi nhận được quà và thư của đất liền do tàu hải quân mang ra. Tôi nhận được thư mẹ và thư em. Mẹ viết ngắn, chủ yếu là hỏi thăm sức khỏe, công việc của con trai và kể qua đôi chút chuyện nhà. Em viết dài, nhắc tới những kỷ niệm xưa, thời hai đứa sống gần nhau ở Thủ Đức, có gió Hồ Tây, nước Hồ Gươm, kem Thủy Tạ, cốm làng Vòng, phượng đỏ, bằng lăng tím... "Rất nhớ, nhớ lắm, rất thương, thương lắm người lính của em đang ở nơi đầu sóng ngọn gió. Nhưng, anh ơi, em là con gái, em không chịu đựng được nỗi cô đơn trống vắng, em cần chọn lựa một cuộc sống phù hợp với mình hơn. Một bờ vai rộng rãi,



Minh họa của PHẠM MINH HẢI

một vòm ngực vạm vỡ có thật bên em chứ không phải trong tâm tưởng, mong nhớ như bấy lâu nay. Mà, anh lại biến biệt với xa..."

Tôi không đọc thêm nữa vì đã hiểu em định nói điều gì sau đó. Sau phút bất ngờ, choáng váng, tôi im lặng. Biển trước mắt cơn bão cũng im lặng đến rợn người. Tưởng nghe rõ những âm thanh vọng lên từ đáy sâu đại dương, nơi cách chỗ tôi đang đứng hàng trăm mét, tiếng lượn bơi của muôn loài cá, tiếng đu đưa của muôn loài rong, tiếng rì rầm của những rạn san hô...Linh hồn của những con thuyền, những cánh buồm cũng lên tiếng. Biển chia sẻ với tôi nỗi đớn đau bị phản bội. Tôi muốn gào lên cho với bất sự tức giận đang nên đẩy trong lòng nhưng vẫn lặng im đứng chôn chân trên mặt cát san hô. Con gái thời nay, lẽ nào, sự chờ đợi và thủy chung là thứ xa xỉ nhất đối với họ. Trường hợp như tôi không phải là duy nhất ở đây, nên chẳng hiếm gì những người lính tàu, lính đảo tuổi ngoài ba mươi vẫn cứ phòng không. Những người lính như chúng tôi bị tổn thương ghê gớm khi bị người yêu, người vợ bội tình. Không có sóng gió bão táp nào lớn hơn chuyện đó. Nói thật, nơi đâu sóng ngọn gió chúng tôi sẽ thấy yên lòng vững dạ hơn khi biết đằng sau mình luôn có những trái tim cùng nhịp đập.

Nếu như hôm đó không có ca cấp cứu bệnh nhân bị đau bụng dữ dội chắc tôi còn miên man mãi chuyện đau buồn này. Người bệnh là một ngư dân ở tỉnh P. đang đánh bắt cá gần đảo chúng tôi. Nằm trên giường cấp cứu ông ôm bụng quằn quại. Ông giật bắn người lên khi tôi ấn tay vào bụng ông. Ruột thừa rồi. Phải mổ ngay nếu không sẽ nguy hại đến tính mạng bệnh nhân. Tôi quyết định. Ca mổ được thực hiện suôn sẻ trong hầm phẫu thuật của quân y đảo. Người ngư dân được cứu sống và trở về đất liền sau ca mổ một tuần. Hôm chia tay, ông cầm tay tôi lắc lắc mãi không muốn rời, khi nào vó bờ ghé thăm nhà chú chơi nghe...

Này, chàng lính đảo, nghĩ ngợi chi mà thần thờ ra thế. Giọng con gái vùng duyên hải nam Trung Bộ líu ríu. À, à...có gì đâu em, anh đang thấy nhớ đảo... Em cười, giả như em được là đảo của anh nhỉ? Ấy, tại sao là đảo, em phải là bờ của các anh chứ. Em muốn làm đảo để được gần anh, để được anh nhớ khi chia xa, em thành thật. Tôi không giấu nổi một tiếng thở dài. Em ngược đời mắt đen láy nhìn tôi, có chuyện chi làm anh buồn à? Đầu có, tôi vội lảng sang chuyện khác, anh thấy em rất thích về về biển. Em yêu biển, rất yêu biển và còn có một lý do nữa, anh biết không, cha em được bộ đội Trường Sa cứu sống đấy. Tôi thực sự ngạc nhiên, thế à? Em cười tươi, lần ấy cha em đi biển, thế nào lại bị đau ruột thừa, may sao gần đảo nên được quân y mổ cho kịp thời. Về nhà, cha em cứ tấm tắc khen mãi cái anh bác sĩ nói giọng Bắc mỗ cho ông rất khéo lại chăm sóc chu đáo nữa. Em nắc nỏm khen, bộ đội các anh hay thật, ai yêu được các anh sẽ được hạnh phúc lắm đấy.

Tôi buồn. Buồn thực sự. Một cô gái đã nói với tôi điều em vừa nói. Trong mấy tháng đầu xa nhau. Hai năm sau, thì mọi chuyện đã khác đi rồi. Đám mây hình cô gái lơ lửng. Thư mẹ, thư em. Em thành thật nói rõ lý do không chờ đợi được tôi. Ca mổ đột xuất. Chiều ấy, còn in dấu buồn thăm thẳm trong tôi.

Chẳng biết nỗi buồn bất chợt sẽ dắt tôi đi đâu, về đâu nếu em không có một đề nghị khiến tôi rất bất ngờ. Em bảo, chúng mình tắm đi anh, biển đêm ấm lắm. Tắm à? Chúng mình đâu có mang đồ tắm theo. Kìa anh, màn đêm, biển, sẽ bao bọc che chở cho anh và em. Không chút ngại ngùng em trút bỏ toàn bộ váy áo trước mắt tôi. Một khối hình cân đối với những đường cong quyến rũ hiện lên mờ mờ trong đêm. Rồi một vòng xoay gần ba trăm sáu mươi độ, bắt đầu cho một vũ điệu không tên trên cát còn ấm hơi nắng mùa hè, uyển chuyển và luyến láy như chỉ có trong giấc mơ về thần vệ nữ. Tôi sững sờ và ngỡ ngàng trước em, đẹp quá, chẳng rõ ý thức hay vô thức bật lên lời đó. Một nụ cười bình yên của em, hình như thế, làm rung rinh màn đêm

TRAO ĐỔI

NĂM 1964, KHÔNG CÓ HỒI KÝ “NHẤT LINH - CHA TÔI”

VU GIA

BÁO Văn nghệ, số 37, ngày thứ bảy, 14-9-2013, trang 22, mục Trao đổi, có bài “Về ngày và nơi mất của nhà văn Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam” của Trần Hoàng Vy. Qua bài này, tôi cũng có điều cần trao đổi. Báo Văn nghệ số 34, nhà thơ Vương Tâm viết “Nhà văn Nhất Linh cũng chết bên Trung Quốc năm 1948” là sai. Trần Hoàng Vy nói lại rất chính xác: Nhà văn Nhất Linh qua đời ngày 7-7-1963, tại Sài Gòn. Hiện nay, phần mộ của Nhất Linh, vợ Nhất Linh, con gái Nhất Linh... được con cái đưa về Nghĩa trang Nguyễn Tường ở Hội An.

Trong bài “Về ngày và nơi mất của nhà văn Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam”, Trần Hoàng Vy viết: “Còn trong hồi ký *Nhất Linh - cha tôi* của Nguyễn Tường Thiết phát hành tại Sài Gòn năm 1964” là sai. Nguyễn Tường Thiết là con trai út của nhà văn Nhất Linh. Anh Nguyễn Tường Thiết sinh năm 1940; năm 1963 (năm nhà văn Nhất Linh qua đời), anh đang học năm thứ 3 ở Đại học Khoa học Sài Gòn (nay là Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thuộc Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh). Năm 1964, trên tờ Nguyệt san *Văn học* (Phan Kim Thịnh chủ trương), ấn hành ở Sài Gòn, anh Nguyễn Tường Thiết có viết bài “*Niềm vui chết yếu*”, nói về cái chết của cha mình, chứ không phải bài “*Nhất Linh - Cha tôi*”. Bài “*Nhất Linh - Cha tôi*”, anh Nguyễn Tường Thiết viết năm 1982, đăng lần đầu trên tờ Nguyệt san *Văn học Nghệ thuật* (Võ Phiến chủ trương) ở California. Gần hai chục năm trước (1995), Nxb Văn hóa ấn hành cuốn “*Nhất Linh trong tiến trình hiện đại hóa dân tộc*” của tôi, và được anh Nguyễn Tường Thiết nói rõ điều này (tôi còn giữ chứng từ).

Xin có mấy dòng trao đổi với báo Văn nghệ và tác giả Trần Hoàng Vy, nhằm cung cấp cho bạn đọc báo Văn nghệ, nhất là lớp trẻ đang học Ngữ văn ở các trường đại học có quan tâm đến văn chương Tự lực văn đoàn nói chung và nhà văn Nhất Linh nói riêng, thêm một thông tin chính xác hơn.■

đen như tóc thiếu nữ. Tôi đã bị dẫn dụ vào một mê cung chờn vờn thấp thỏm, không nhiều lắm những ngăn ngại dần dần để trở thành chàng Adam lúc nào chẳng rõ. Biển phủ lên ngực tôi những cơn gió nồm rười rượi, cát chuyển hơi ấm vào tôi trong từng bước chạy về nơi oà sóng. Tôi nghe rõ hỗn hển bước chân hai đứa. Em và tôi cùng lúc ùm vào biển, những hạt lặn tinh bắn lên tung tóe. Biển làm cho chúng tôi bỗng chốc quên hết sự đời, hỗn nhiên vùng vẫy, hỗn nhiên quẫy đạp, hỗn nhiên khúc khích, hỗn nhiên la hét như trẻ nhỏ. Tôi và em song song bơi bên nhau, vẽ thành hai luồng sáng lấp lánh trên mặt biển. Hết bơi sắp chúng tôi lại chuyển sang bơi ngửa. Bầu trời rộng rãi nhấp nháy sao. Dải Ngân Hà như dòng sông ngọc uốn cong theo vòm trời thăm thẳm đen.

Ngọc Phương ơi, em mệt chưa? Tôi gọi. Chưa đâu anh, cha dạy bơi cho em từ lúc hai tuổi đấy...Hèn gì, cứ như kinh ngư duyên hải, anh bá phục em đấy. Ngọc Phương vừa bơi vừa trêu tôi, anh xem thế đã xứng đáng làm vợ lính biển chưa? Tôi chưa kịp nghĩ ra câu trả lời, ầm ừ, xúng...xúng... sao không xúng. Có tiếng khúc khích bên tôi, câu trả lời đáng bị điểm kém đấy nhé. Ô kê, hôm nào cho anh thi lại môn này, tôi vụng về chống chế.

Mặt biển có tiếng rề nước là lạ. Bất chợt xuất hiện những luồng sóng ập vào chúng tôi. Ngọc Phương có vẻ sợ, bơi sát tôi hơn. Tôi nghe rõ những tiếng líu ríu vang lên từ mặt nước, âm thanh rất quen thuộc và thân thiện. Cá heo, có lẽ cá heo đấy em ạ. Ở Trường Sa anh đã từng nghe chúng “hát” như thế này. Tôi khẳng định. Có thật thế không anh? Lẽ nào cá heo lại xuất hiện ở đây? Tôi chưa kịp trả lời câu hỏi của em thì xa xa bỗng vút lên khỏi mặt nước một đôi cá heo. Chúng bơi theo chúng tôi và biểu diễn những vũ điệu biển một cách thành thực, vui vẻ. Tôi giơ tay, vẫy vẫy chào hai người bạn đại dương xuất hiện bất ngờ như trong một giấc mơ. Em thích quá, cũng vẫy chào và vừa bơi vừa hát...Tiếng hát của Ngọc Phương hình như đã làm cho cặp cá heo thích thú hứng khởi, chúng nhảy lên khỏi mặt nước nhiều lần hơn và cao hơn. Mỗi lần như thế, quanh đôi cá heo tóe ra muôn vàn ngôi sao biển li ti. Những giọt nước biển lấp lánh sáng trong đêm huyền diệu của em và tôi.

2

Trong một chuyến bay vào Nam tôi đã được ngắm biển chiều quê em từ độ cao hai nghìn mét. Những gì em thể hiện trong bức *Biển tím* là sự khúc xạ của quang cảnh đang lướt qua dưới cánh bạc mà tôi đã được thấy. Màu chủ đạo mệnh mông tím. Mấy chấm đảo đắm nắng vàng. Và, cát trắng mỏng manh.

Em ở đâu? Dưới cánh bay mệnh mang chiều nay. Tôi vẫn cất giữ những kỉ niệm về em, về chúng mình trong buổi chiều và cái đêm lãng mạn ấy. Tôi chuẩn bị ra đảo, ra với đồng đội rần rỏi và hỗn nhiên của tôi nơi đầu sóng ngọn gió. Những thử thách gian nan đang đợi tôi ở phía trước. Tôi sẽ mang ra đảo bức tranh *Biển tím* và tiếng hát đêm êm dịu của em. Như mang một kỷ niệm rất đẹp về vùng đất khoáng đạt này. Rồi sẽ lại có những buổi chiều tôi ngóng về đất liền để thăm thì trò chuyện với những người thân yêu. Dù hạnh phúc hay đau khổ thì những cuộc trò chuyện ấy sẽ làm cho người lính chúng tôi không còn thấy cô đơn, trống trải trong xa cách nữa. Chắc chắn em sẽ trở thành một phần của đảo như em mong muốn. Và, dù chưa trả lời em, tôi đã thấm ước ao điều đó. Ước ao tình yêu bình dị và vững bền cho những người lính chúng tôi không bao giờ bị tan biến đi trong cuộc sống. Nó vẫn tồn tại cùng chúng tôi như tình yêu không bao giờ mất trong cuộc đời. Sau đau khổ này lại có tình yêu khác, những tự nguyện bù đắp cho nhau sẽ mang lại nụ cười và ngọn lửa cho ta, em đã gửi vào tôi lời tâm tình ấy. Tôi dựng lại niềm tin sau đớn đau thất vọng. Điều ấy, cũng bình thường thôi, bởi nếu không còn niềm tin nữa thì cũng có nghĩa là tôi mất tất cả. Nhưng, tôi không thể không cảm ơn em, cảm ơn vùng *Biển tím* yêu dấu của tôi, tất cả diễn ra tình cờ tự nhiên mà như thế đã được ai đó lập trình rồi.

Tôi đã bay qua em, trong một buổi chiều trong trẻo trước khi ra quần đảo. Tôi sẽ kể chuyện của chúng mình cho đồng đội nghe như một minh chứng, khẳng định về tình yêu của đất liền dành cho người lính biển không bao giờ tan biến cả.

Biển. Trời. Ngọc Phương. ở không gian nào rồi cũng sẽ có em...■

TẢN VĂN

BỨC TƯỜNG TRẮNG

Y PHƯƠNG

TRONG một bán kính không đầy cây số, có đến ba nhà thơ nhà văn. Những người này từng có tác phẩm được giải thưởng từ Hội Nhà văn Việt Nam hoặc tổ chức văn chương có uy tín nhất nhì trong nước. So với nhiều tỉnh thành dưới xuôi, việc đó chẳng có gì đáng kể. Nhưng chuyện này lại nảy ra tại một vùng rừng núi hẻo lánh, tận cùng phía bắc của Tổ quốc. Kinh tế nơi đây chưa phát triển, văn hóa giáo dục đang dần từng bước ổn định. Đó là một vấn đề không hề nhỏ.

Cả ba nhà văn Cao Duy Sơn, Từ Ngân Phố, Y Phương cùng cất tiếng khóc chào đời ở quanh quanh chân núi Phja Phũ. Chúng tôi cùng uống một nguồn nước mỏ làng Hiếu Lễ. Cùng ăn cùng một thứ gạo làng Nà Mò. Cùng nhai cùng một thứ ổi xanh gầy đét. Cùng chơi cùng một quả núi trọc. Cùng học cùng những ngôi trường vách đất mái rạ. Đó là trường cấp một, cấp hai, cấp ba thị trấn Trùng Khánh...

Từ Ngân Phố. Một cái tên mọi người đoán già đoán non hình như có liên quan tới miền trung Nghệ Tĩnh. Ở đó có con sông Ngân Phố, Ngân Sầu. Nhiều người đã tưởng nhầm như vậy. Song, không phải thế. Ông ấy là Nguyễn Tuấn. Tuấn thư sinh. Tuấn đẹp trai. Tuấn có chòm tóc trắng trước trán. Tuấn người phố Hàng Vải. Cạnh nhà Tuấn cái giếng dùng chung cho cả dân phố. Cái giếng nổi tiếng bởi bốn mùa nước trong và ngọt lịm. Mọi người có thể uống trực tiếp thoải mái, mà không ngại té re ra bờ rào...

Phố Hàng Vải chỉ một đoạn còn con hai, ba trăm mét dài. Nó nằm trên trục đường chính chạy từ Mực Mả qua Phủ Trùng, đến cửa khẩu Pò Peo, sang nước bạn Trung Quốc. Tại sao hồi ấy ở đây có nhiều người xuất chúng. Con trai thì học giỏi, có tài. "Quảng Slíp lạo lục bao Nguyên, bầu tắng lạo kìn dзиên Trùng Khánh". Nghĩa là: Mười anh trai tợ Quảng Nguyên không bằng một ông nghiện vật vờ Trùng Khánh. Đây là câu hát ví von, hóm hỉnh, đùa cợt, trêu trọc nhau. Có từ xa xưa rồi, ngày nay không còn ai nhắc nữa. Ở phố Hàng Vải có nhiều con gái hiền thực và cực xinh đẹp. Một vẻ đẹp tự nhiên, không son phấn. Bây giờ ít khi gặp lại hình ảnh ấy trên bất cứ đâu. Da con

gái trắng hồng nõn nà như cánh đào phai. Môi đỏ như ớt chín. Ngực căng như cánh cung. Mắt nâu như mắt bồ câu. Eo thon như đồng hồ cát. Tóc dài chạm gót. Nói năng cười cười nhón nhén. Khi họ ra đường, lập tức có hàng trăm con mắt nhìn theo. Và nhiều người đã kín đáo nuốt khan nước bọt. Có người đồn rằng, ở đó có nguồn nước chảy ra thung lũng núi đá thơm. Đá núi Co Xâu thơm như cảm rang, không ở đâu có. Vì được uống nguồn nước ấy, đã tạo cho người Co Xâu có chỉ số IQ tăng cao hơn những người nơi khác. Nên con người nơi đây dễ trở thành nổi tiếng và xinh đẹp.

Chắc không hẳn thế. Việc dùng nước ở chỗ nào, ăn thứ gạo gì, chẳng liên quan tới tiềm năng sáng tạo. Mọi sự thông thái, nhạy cảm nghệ thuật, luôn luôn tồn tại ngoài ý muốn. Hoàn toàn mang yếu tố ngẫu nhiên. Có thể một vài người đã được sự chuẩn bị từ nhiều kiếp trước. Đến kiếp này mới phát lộ tài năng. Có thể chăng? Không hẳn. Cái đó mỏng lung, mờ mịt quá. Nói như vậy là để cho ngọt miệng, có vẻ bí hiểm, thế thôi.

Chỉ có thể giải thích một cách chắc chắn rằng, vào những năm 60, của thế kỷ trước, đó là thời kỳ hoàng kim của hệ thống giáo dục tỉnh Cao Bằng. Ngày ấy, thấy ra thấy. Trò ra trò. Lớp ra lớp. Ngôi trường mà chúng tôi học, từng nổi tiếng có nhiều học sinh giỏi, xếp ngang ngửa với học sinh trường cấp hai Bắc Lý ở miền Bắc. Đây là niềm tự hào một thời của thầy và trò thị trấn Trùng Khánh. Học hành trở thành một niềm đam mê tự giác. Thậm chí được cấp sách tới trường, trở thành mơ ước thiêng liêng của nhiều người.

Hầu hết các thầy cô là người miền xuôi. Họ tình nguyện lên miền núi dạy học. Hoặc một lý do nào đó mà họ phải xa những thành phố lớn. Hy sinh những lối sống tiện nghi quen thuộc của người thành thị. Các thầy cô là con cái những gia đình khoa bảng, có truyền thống học vấn từ nhiều đời. Ở họ có sự hiểu biết rộng, trình độ chuyên môn cao và sâu, cộng với lòng nhiệt tình hăng say truyền giảng của thầy giáo trẻ. Chúng tôi vẫn nói với nhau rằng, chính nhờ có họ, mà chúng mình được như thế này. Thực sự đó là một điều may mắn. May mắn chỉ

đến đúng một lần. Một lần duy nhất ở trong buổi sáng cuộc đời người.

Học trò ngày ấy không phải chịu bất cứ một áp lực nào. Ngoài sự ham muốn hiểu biết. Tự giác học. Tự giác làm bài. Nếu có ai quay cóp trong giờ kiểm tra, hoặc trong thi cử là một điều tự sỉ nhục. Người nào trót làm cái việc khuất tất đó, dù chỉ một lần, về sau không dám ngẩng mặt nhìn bè bạn. Thấy cô là những người mẫu mực và cực kỳ nghiêm khắc. Nhưng hầu như không mấy khi họ trách mắng học trò. Họ yêu học trò như con em của mình.

Ngày ấy Nguyễn Tuấn liên tục mười năm liền là học trò xuất sắc toàn diện. Tôi nhìn Tuấn với con mắt từ chân lên tới đỉnh, lòng thấm thán phục và ngưỡng mộ Tuấn. Mặc dù tôi lớn tuổi hơn, nhưng chỉ học trên Tuấn có một lớp. Thú thực, cái sự học của tôi hồi lớp ấy, nói ra buồn cười lắm. Vì cái tính táy máy nghịch ngợm, ít chú ý đến học hành. Nên tôi cứ trượt lên trượt xuống ở đoạn đầu con đường học hành. Đến nỗi, điểm hạnh kiểm cuối kỳ, tôi được ba điểm rưỡi đã là sang.

Chẳng hiểu thế nào, chúng tôi lại gặp nhau trên con đường binh nghiệp, rồi nổi cơn hứng tập tọng làm thơ. Ngày đó, Tuấn là lính Thiết giáp. Tôi Đặc công. Hai thằng được huấn luyện ở hai binh chủng khá đặc biệt. Tôi cỡi trần quần đùi, bôi bùn nâu, trét than đen lên khắp người. Tôi lượn bò qua hàng rào dây thép gai, trong màn đêm đen đặc. Tuấn đội mũ như phi công, mặc quần áo rằn ri như biệt kích. Anh chàng đẹp trai đang hoàng ngồi trong xe tăng T54 rầm rầm hành tiến. Còn tôi âm thầm "nghèo đói". Tuấn rùng rình ăn chơi nhảy múa. Tôi lấy đêm làm ngày, đi không đầu, nấu không khói, nói không tiếng. Còn Tuấn xuất hiện ở đâu là mặt trời vén mây để nhìn. Các em xinh tươi đuổi theo Tuấn hàng đàn như bướm bướm. Các em thấy Tuấn ở đâu thì reo lên "xe tăng anh qua miền quan họ". Tuấn có số sướng. Quả đúng như vậy. Bây giờ Tuấn càng sướng.

Đạo ấy, Tuấn đã có nhiều bài thơ in trên báo, mang bút danh Đặng Trùng Khánh. Đặng là họ của mẹ. Trùng Khánh là địa danh của huyện nhà. Tuấn đến với thi ca bắt đầu từ hai người mẹ. Một người có công sinh thành dưỡng dục. Còn một

mẹ cho nguồn cảm hứng sáng tạo văn chương nghệ thuật. Cái tên Đặng Trùng Khánh làm tôi muốn khóc.

Thế là những bài thơ mới cũ của cả hai đứa lòi ra đọc phứa lên.

Hòn đất mà cất nên nhà

Dù giông dù gió đi qua xá gì....

Nhong nhong cười ngựa bỏ đi

... giặc Ân lại về bà ơi

Nước mình nhón núi tròn đồi...

Hay:

... con thuyền ngủ thiếp trong tranh

Hình như nó cũng chòng chênh lao đi...

Phải nói rằng, đến tận bây giờ tôi vẫn thấy lằng lằng, da diết khi đọc lại những bài thơ xưa hay thơ nay của bạn. Thơ của Tuấn bao giờ cũng đậm thắm và da diết như chính con người Từ Ngân Phố.

Ngày ấy, tôi đang yêu. Tuấn cũng thế. *Bức tường vẫn trắng sang nhau. Mặt trời mỗi ngày nghiêng vào nỗi nhớ...* là tôi viết về mối tình đầu của Tuấn. Nhưng thực ra cũng là viết cho chính tôi. Ôi! Mối tình đầu. Những mối tình đầu. Nó như cơn mưa trắng. Mưa tuy trắng, nhưng về sau có lúc mưa đục. Mưa càng lâu, mưa lại càng sột ngọt. Đùng vậy không nhĩ? Thế rồi đợi đến sáng mai, những sợi mưa âm thầm chuyển thành mưa chua. Mưa chua bởi mưa lên mùi thương nhớ. Thương nhớ người xưa, giờ thì xa cách nhau biệt. Biết làm sao được. Đời là vậy. Ai ai cũng thế thôi. Dang dở trong tình yêu là khoảng trống đau buồn bền bỉ dai dẳng nhất. Yêu nhau không thành đôi là vết thương không hình thù không màu sắc. Nhưng nhói đau mỗi khi nhớ tới, cổ nhân ơi.

Mối tình đầu như giọt rượu đầu. Nó dễ bốc cháy. Nhưng không dám cháy đến hết. Tuy không cháy đến hết nhưng thỉnh thoảng mắc ở nơi cổ họng. Nuốt không xuống. Nhả không ra. Nó ngấm và làm choáng váng người ta như cơn say thuốc phiện.

Bây giờ, cả lớp chúng tôi đều đã nhàu nhĩ lớn. Người đang được làm ông ngoại. Người sắp được lên ông nội. Ai cũng đủ mùi mưa phùn sương muối. Nhưng hồn vía xem ra vẫn chứa ngon lành. Riêng tôi. Lòng thổn thức vẫn muốn về thăm lại bức tường màu trắng.■

SỔ TAY THƠ

BỜ SÔNG VẪN GIÓ

*Lá ngô lay ở bờ sông
Bờ sông vẫn gió người không thấy về
Xin người hãy trở về quê
Một lần cuối... một lần về cuối thôi
Về thương lại bên sông trôi
Về buồn lại đã một đời tóc xanh
Lệ xin giọt cuối để dành
Trên phần mộ mẹ nương hình bóng cha
Cây cau cũ, gai hiên nhà
Còn nghe gió thổi sông xa một lần
Con xin ngăn lại đường gần
Một lần... rồi mẹ hãy dẫn dắt đi...*

TRÚC THÔNG

Lời bình của TRẦN VŨ LONG

TRONG cuộc đời sáng tác của nhà thơ, nếu viết được một bài thơ để người đời nhớ đến đã là điều vô cùng hạnh phúc, không phải ai cũng làm được. Và tôi tin *Bờ sông vẫn gió* của Trúc Thông là bài thơ trời đã ban cho ông, với những câu thơ xuất

thần khiến bạn đọc rung rung đến gai người. Có thể nói luôn rằng, đó là bài thơ không có gì mới về ngôn ngữ, thể loại và cả về hình ảnh, nhưng nó chạm đến trái tim người đọc. Trúc Thông đã dẫn dắt chúng ta đến với bài thơ bắt đầu bằng sự ngóng đợi. Trong cái sự ngóng đợi đó có chút man mác buồn cùng với những hoài niệm. Vẫn bờ sông ấy, vẫn nương ngô ấy, vẫn dòng chảy kia và cả bao hình ảnh, kỉ niệm cứ ùa về vậy mà người đi xa vẫn không trở về. Điểm nhấn của hai câu thơ này chính là từ "lay". Đây là một động từ đầy biểu cảm trong bối cảnh đó. Nó chạm đến sự mong manh, chạm đến sự thăng thốt, chạm đến sự se sắt trong lòng chủ thể nhân vật và cả trong lòng người đọc. Ở hai câu thơ này có hai hình ảnh bị lặp. Đó là hình ảnh của gió và hình ảnh bờ sông. *Lá ngô lay ở bờ sông*, có nghĩa là gió đang thổi nhẹ trên bờ sông, câu thứ hai nhà thơ vẫn lặp lại ý đó. Nhưng thật lạ, cái sự lặp đó lại không thừa, mà càng làm tăng sức biểu cảm của thơ. Ta cảm nhận được sự nôn nao trong lòng người ngóng đợi, dẫu biết rằng đó là sự ngóng đợi bằng tâm thức, bằng hoài niệm. Đọc những

câu thơ tiếp theo, ta thấy cấp độ tình cảm tăng dần. Có gì đó day dứt, có gì đó thương đau và rồi người đọc như sống lại khi biết rằng nhà thơ đang ngóng đợi mẹ mình, người mẹ đã ra đi về thế giới bên kia. Đối với những đứa con, có nỗi đau nào bằng nỗi đau mất mẹ, nói như Trịnh Công Sơn: "Mất mẹ là mất đi tài sản lớn nhất trong toàn bộ sự giàu có của một đời người." Trong cái sự mong ngóng đó, Trúc Thông đã vẽ nên một bức tranh làng quê thật thanh bình đã gắn bó với cả cuộc đời tần tảo của mẹ. Câu thơ *Về buồn lại đã một đời tóc xanh*, như đã nói lên hết thân phận đau bể của mẹ. Và những kỉ ức đó về mẹ càng làm cho đứa con thêm day dứt, đau đớn. Để rồi đến cuối bài thơ sự ngóng đợi của người con bị đẩy lên thành cao trào "Con xin ngăn lại đường gần. Một lần... rồi mẹ hãy dẫn dắt đi".

Có lẽ thành công của bài thơ là đã đạt đến ngưỡng của sự giản dị. Trong mỗi một con người và trong mỗi một cuộc đời sáng tác để đạt đến ngưỡng của sự giản dị dường như cũng thật khó. Đó là sự giản dị lấp lánh làm mê lòng người.■

KIM CHUÔNG

Trước đền thờ Trạng Trình

Cụ thể con người
cụ thể cái tên
Nguyễn Bình Khiêm!
Người là một
là riêng
đơn nhất...

Một thời Người đồng nghĩa khoảnh khắc
khoảnh khắc câu thơ
khoảnh khắc tiếng Sấm truyền

khi khoảnh khắc làm nên muôn thuở
tài năng
ngàn năm
không cũ nét nhìn

Năm trăm năm
rồi vạn năm xa nữa
từ cụ thể đất làng Am như thế
Trạng Trình
Nguyễn Bình Khiêm
cao hơn kiếp người bé nhỏ
khi vọng vang
THỜI khắc hoá thành ĐỜI.

Về một người tôi quen

Rạp hát thường thời
trang phục cũng thường thời
em gái hát chèo thường ngày tôi gặp

cuộc đời là gì
là gì nghệ thuật?
có một thời gian riêng biệt của con người!

có một thời gian bỗng tan biến đi rồi
sân khấu và em.
và tôi
và ai nữa?
người đi xem đường không còn là họ
họ đang là em bị kịch một thời kia

em không còn là em tôi gặp buổi đi về
em là triệu người đang sôi trong cơn khát
người đi xem tích chèo em hát
để hiểu bao điều ở ngoài-tích-chèo-em

khi cảnh màn nhung đã khép bình yên
nghìn trận bão theo ta còn xô dạt
em gái hát chèo vẫn thường ngày tôi gặp
đi chợ, nuôi con, lo bao chuyện trên đời

có khoảng thời gian riêng biệt của con người.

NGÂN VINH

Đêm Tà Đìn

Đêm muộn
đêm Tà Đìn
rượu nồng men trôi trong cuống lưỡi

cơn gió nín anh lại
xống áo em niu anh lại
mùa xuân trong mùi lá hương cây

ánh lửa bập bùng mái tóc, bờ vai
đêm Tà Đìn trùm lên nương rẫy
chiều em bắt con cá suối
ăn mừng lúa đã tủa xong

Ngàn năm phong tục buồn làng
không để mất
với con gà em đã cùng bến nước
cùng thần mặt trời
mặt trăng
phủ hộ cho người Cơ Tu mình
sinh con, đẻ cái
rượu Tà Đìn uống đi, uống lại
vẫn còn vị ngọt ngày xưa

Ồi gương mặt anh lơ đãng
rượu đã ngấm vào con mắt
lặng lẽ hiền nhà khuya mọc
cánh rừng như cũng ngã nghiêng.

Ở Tây Giang

Tây Giang có chiếc tổ để dành tôi
những cọng cỏ khô lút giữa cánh rừng
chờ đợi tôi con chim hạ cánh

yên tĩnh những ngọn núi nhọn
yên tĩnh tre nứa rẫy nương
bếp lửa đỏ tiếng chiêng
ché rượu men say toả ấm

tiếng trống, lời ca bất tận
đuổi lũ chim ăn hạt lúa vàng
mặt nhám vào hoa pơlang
váy em hạt cườm đỏ trắng

sương thu trên đầu làng đang
ai đưa bàn tay ôm lấy vai tôi
tôi ngân nga
tôi bối hối
khi bước chân vào những khu vườn cửa mở.

PHẠM ĐỨC

Chợ Viếng

Chợ Viếng là chợ cầu may
Nhờ thương thương nhờ nên hay chợ Viếng
Chợ Viếng là chợ linh thiêng
Tháng Giêng như thế của riêng một thời
Một thời mười tám đôi mươi
Bước chân tung tẩy vòm trời hương hoa
Lòng đương trong treo ngân nga
Mắt vừa gặp mắt đã là đã say
Chẳng may thì cũng gặp may
Ngón tay tìm gặp bàn tay mong chờ
Chợ Viếng là chợ ngây thơ
Chợ mong mòn mỏi, chợ chờ chầm chầm
Chợ Viếng là chợ xa xăm
Đời người vùn vụt, tháng năm đông dài
Chợ Viếng, ai chờ bỏ ai
"Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim"

Chợ Viếng, ai đợi, ai tìm
Vụn mây đầu gió, lẻ chim giữa rừng
Chợ Viếng của những người dừng
Lần đầu gặp đã tưởng chừng nên duyên
Tưởng chừng may mắn kẻ bên
Mảng vui đến nỗi tay quên giữ giàng.

Còn đang mê mãi, mơ màng
Thoát thôi đã thấy bàng hoàng tay không?
Người ơi, người chợ mệnh mỏng
Mệnh mỏng người chợ mà không thấy người.

Tìm

Tôi đi về phía chân trời
Phía chân trời có bóng người ngóng trông
Tôi đi về phía dòng sông
Phía dòng sông có nhớ mong lặng thầm
Đi về phía cát đầm đầm
Trong gió cát có đầm đầm mắt chờ
Đi về phía cỏ xác xơ
Cỏ màu áo cũ ngấn ngơ đắm chìm.

Tôi về theo sải cánh chim
Tôi đâu cũng gặp mặt nhìn ngày xưa.

NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC

Biết khóc

Trong cơn mơ ta thấy em té ngã
Sóng rì rào cuốn mất em
Vùng vẫy khắp vùng biển cả
Chạm rong rêu, ta tìm

Trong cơn mơ ta thấy em bốc cháy
Trên ngọn núi ngùn ngụt dung nham
Ta gào thét lo người giữ lấy
Tro trần.

Trong cơn mơ ta thấy em yếu đuối
Người đàn ông diu bước em đi
Đường êm ả
Ta rơi...

Đừng trao ta nụ cười nhứt nhối
Đừng cho ta ánh nhìn buốt tội
Trái tim ta biết khóc...

Áo ảnh mùa đông

Ta để quên loài hoa phố núi
Tìm ảnh mắt mùa đông
Chiếc khăn len phẳng phất hương đại
âm ảnh đêm.

Ché rượu cất nỗi đau hoang dã
Ghi-ta khản giọng
kể
bạc tình
Muốn uống cạn màn đêm sâu thẳm...

Ta còn gì trên sông quê
Khi phù sa chảy vào lòng biển bạc
Biển chẳng khát đâu - ngàn năm gào thét
Nhận về mình quận thất đời sông

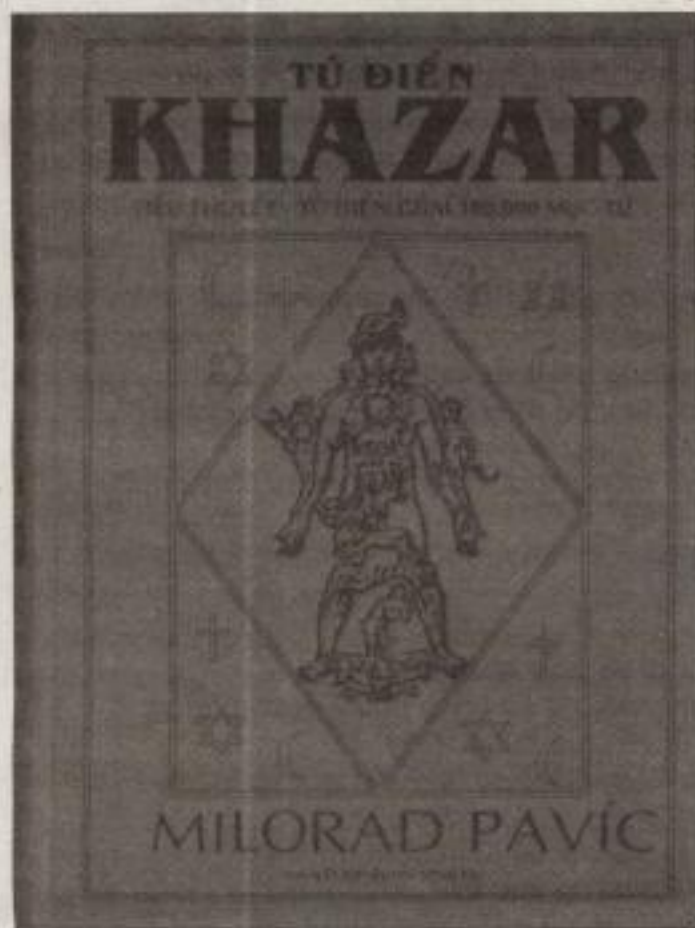
Ta để quên loài hoa đêm phố núi
Áo ảnh mùa đông...



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

NHÂN TRA CỨU TỪ ĐIỂN KHAZAR⁽¹⁾

BÙI VĂN TRỌNG CƯỜNG



NGAY cái tiêu ngữ như ma ám đã khiêu khích bản ngã tự túc tự mãn của người đọc:

"Nơi đây yên nghỉ

người đọc giả sẽ không bao giờ mở cuốn sách này

Nơi đây người ngủ giấc ngàn thu".

Về phương diện từ điển, *Từ điển Khazar* (căn bản dựa trên sự phục nguyên từ ấn bản *Lexicon Corsi* đầu tiên - 1691 - của Daubmanus) có cấu trúc tổng hợp từ tập từ vựng và thực sự là một trong số rất ít công cụ đắc dụng để tra cứu mọi vấn đề mà nó bao quát được, tất nhiên, liên quan đến dân tộc Khazar đã bị loại bỏ khỏi vũ đài lịch sử vào khoảng năm 965 - 970 một cách khó hiểu và chỉ còn sót lại quá ít ỏi dấu vết mờ hồ cũng như toàn bộ nền văn minh của họ.

Về phương diện tiểu thuyết, *Từ điển Khazar* này (khai thác triệt để từ điển của các từ điển về vấn đề Khazar của Daubmanus) thỏa mãn mọi tiêu chí cơ bản mà thể loại văn chương lớn nhất này đòi hỏi. Nghĩa là nó cũng có cốt truyện, dù bị xé vụn bởi các mục từ xếp theo thứ tự các chữ cái - cũng bởi vậy, khi được dịch ra các ngôn ngữ có bảng chữ cái khác nhau thì tiểu thuyết này lại có sự mở đầu và kết thúc không giống nhau; nó cũng có những đường dây sự kiện dù rất xa nhau trong không gian và thời gian; cũng có các nhân vật điển hình cùng tính cách điển hình,... hết tiểu thuyết truyền thống.

Tuy vậy, điều dị biệt nhất của tác phẩm không chỉ nằm ở tiêu điểm nó vừa là từ điển vừa là tiểu thuyết mà lại bao chứa trong nó cả những huyền thoại, truyện hoang đường, truyện ngắn trữ tình, truyện phiêu lưu, truyện hình sự, sự tích các thánh hoặc trước thuật thần bí tôn giáo; thậm chí cả những khảo cứu đương đại về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng dân gian,... mà ở cấu trúc của sách. Ở đây, tập trung xem xét hình thức thể loại của sách này.

Theo tác giả cuốn sách, các loại hình nghệ thuật từ xưa đến nay có thể chia làm 2 chủng: 1- Nghệ thuật không thể đảo ngược, còn gọi là nghệ thuật phi thuận nghịch (non - reversibe art) hay là nghệ thuật tuyến tính như trong các thể loại văn xuôi, âm nhạc, sân khấu,... và 2- Nghệ thuật có thể đảo ngược, còn gọi là nghệ thuật thuận nghịch (reversibe art) hay là nghệ thuật phi tuyến tính như trong các nghệ thuật tạo hình (điều khắc,

hội họa, kiến trúc, nhiếp ảnh,...). Cách phân chia trên thực sự độc đáo, có giá trị của một phát hiện mở ra những hướng sáng tạo và tiếp cận tác phẩm văn chương theo cách khác.

Tuy nhiên, điều Milorad Pavić ấp ủ nhiều năm và đã thực hiện được một cách thuyết phục, đó là biến một trong số các nghệ thuật không thể đảo ngược, cụ thể là tiểu thuyết, thành một nghệ thuật có thể đảo ngược. Thậm chí, không chỉ là sự đảo ngược đơn tuyến như một dòng chảy ngược tự sự tuyến tính mà là sự đảo ngược đa phương, đa góc độ y như người ta chiêm ngưỡng một bức tranh hay một pho tượng vậy. Nói khác, có thể đọc *Từ điển Khazar* (1984) - tiểu thuyết - từ điển và những tác phẩm khác của ông như *Phong cảnh vẽ bằng trà* (1988) - tiểu thuyết - ô chữ, *Mặt trong của gió* (1991) - tiểu thuyết - đồng hồ cát, *Mỗi tình cuối ở Constantinople* (1994) - tiểu thuyết - bộ bài tarot,... theo nhiều cách khác nhau tùy ý. Đọc liên tục hay nhảy cóc từ trang cuối cùng ngược mãi lên trang mở đầu - cố nhiên không phải theo từng từ, từng dòng mà theo từng mục, từng đoạn, từng phần có nghĩa; đọc từ giữa ra theo chiều ngang - về bên phải hay bên trái; đọc theo chiều dọc bất kỳ điểm ngẫu hứng nào; kể cả đọc chéo "để có một lát cắt xuyên qua cả 3 nguồn thư tịch - Hồi giáo, Cơ đốc giáo và cổ Do Thái" (trích từ *Từ điển Khazar*), tức là đọc theo một tập hợp gồm 3 phần từ độc lập về các sự kiện, nhân vật, vấn đề,... có trong cả 3 thư tịch trên. Đọc tham chiếu theo từng nhóm 3 như thế thường làm những ai không bắt buộc phải đọc, hoặc người đọc kém kiên nhẫn dễ chán nản và bỏ cuộc. Nhưng, theo gợi ý của tác giả, người đọc hãy coi cuốn sách như một ngôi nhà có rất nhiều cửa mở về mọi hướng, nên có thể tự do ra vào bất kỳ cửa nào mà hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến sự linh hoạt tác phẩm; có nghĩa là đọc cách nào tùy thích, theo cách thức truyền thống hay phi truyền thống cũng không sao. Cũng chính vì cách thực đọc một "cuốn sách mở kể cả khi ta gấp nó lại" - một tác phẩm như một định đề mặc khải mà mỗi người tùy theo vốn văn hóa và sở nguyện lại có cho riêng một cuốn sách không giống ai sau mỗi lần đọc. Có lẽ, hơn bất kỳ ở đâu, vai trò và tư cách đồng sáng tạo của người thưởng thức - chủ thể tiếp nhận ngôn bản lại độc lập và mạnh mẽ như khi đọc các tác phẩm của Milorad Pavić. Còn đối với các độc giả chuyên nghiệp và đặc biệt như các nhà phê bình văn học thì sao? Nhà nghiên cứu văn học Terry Eagleton cho rằng: "... những văn bản hấp dẫn nhất không phải là những văn bản được đọc mà là những văn bản viết được. Những văn bản khuyến khích nhà phê bình mổ xẻ chúng, chuyển đổi chúng thành những văn bản khác, thể hiện trò chơi bán võ đoán của ý nghĩa... Nhà phê bình chống lại chính tác phẩm. Độc giả hay nhà phê bình chuyển từ vai trò của người tiêu dùng sang nhà sản xuất⁽²⁾).

Chắc chắn Milorad Pavić không phải là ngọn bút thuộc trường phái hậu cấu trúc, nhưng xem ra các tác phẩm của ông thực sự là những mảnh đất hấp dẫn các nhà phê bình cày xới chúng. Theo đó, các tác phẩm phê bình văn học là các tái sáng tạo tác phẩm nguyên gốc, và ngôn ngữ của nhà phê bình "như ngôn ngữ thứ hai lơ lửng trên ngôn ngữ đầu của tác phẩm văn học"⁽³⁾.

Còn theo Andreu Aachtel - giáo sư Trường Đại học Tây Bắc Hoa Kỳ, *Từ điển Khazar* "cũng như rất nhiều tiểu thuyết khác thuộc loại này,... cấu trúc của từ điển chỉ là một thủ thuật chứ không hẳn là một cách tân thực sự, bởi dù bạn đọc theo thứ tự nào, câu chuyện vẫn là

một"⁽⁴⁾. Ý kiến này lệch hẳn về nội dung, xem nhẹ hình thức cùng cách đọc và nhận thức chưa đúng mức vai trò đồng sáng tạo của độc giả. Chỉ là một thủ thuật nhưng dẫn đến nhiều cách đọc khác nhau để tạo ra nhiều dị bản trong tâm thế người đọc, theo đó tác động lại và dẫn chiếu đến những cách viết mới nhằm tương thích với những cách đọc khác nhau kia thì điều đó không gì khác hơn là một công cuộc cách tân lớn. Có thể nói đó là sự khám phá một phương thức đọc mới lạ. Có điều, nếu tác giả *Từ điển Khazar* không phải hiệp sĩ tiên phong đột phá tiểu thuyết loại này thì ông cũng là tác giả kế nghiệp đạt được những thành tựu hiển nhiên trên hướng đi đã mở, chẳng thế mà ở nhiều nước phát triển, ông được đánh giá rất cao, được vinh danh "thủ lĩnh của trường phái hậu hiện đại châu Âu", "là bảo vật văn chương của toàn nhân loại nửa sau thế kỷ XX", và nhất là được nhiều lần đề cử Giải Nobel văn chương"⁽⁵⁾.

Những ý tưởng không thể cho rằng không độc đáo của Milorad Pavić không đơn thuần là kết quả của hoạt động sáng tạo mà còn là cả một quá trình tích hợp những kinh nghiệm chủ quan với sự đúc rút thực tiễn văn học phương Tây đương đại.

Không ngẫu nhiên trong những thập niên gần đây, ở phương Tây, nhiều người cho rằng, ngày nay con người bị cô đơn tận cùng, đến mức không còn đủ bình tâm đọc, nghiền ngẫm và sống với các nhân vật qua từng trang tiểu thuyết, nhất là những pho tiểu thuyết trường thiên. Điều đó ít nhiều có lý. Quả thật, nhịp sống nhanh và tâm lý biến động khôn lường đã khiến con người bị phân tâm mạnh bởi nhiều tác động. Riêng cộng đồng văn hóa đọc cũng bị thu hẹp và phân hóa mạnh bởi các nghệ thuật nghe - nhìn tiện lợi và không đòi hỏi sự biệt lập tương đối. Đó hẳn là lý do khiến người ta luôn tiên báo sự cáo chung của tiểu thuyết? Tuy nhiên, theo tác giả *Từ điển Khazar*, sự khủng hoảng trầm trọng dẫn đến nguy cơ cái chết của tiểu thuyết - theo kiểu truyền thống, ông nhấn mạnh - không phải ở chính nó, mà ở chính sự đọc tiểu thuyết của độc giả. Đó chính là sự hấp hối của cách đọc truyền thống, theo tuyến tính, cách đọc bị áp đặt bởi cách viết? Nói khác, là nên có nhiều cách đọc khác, phi truyền thống. Muốn vậy, lại phải có những cách viết khác, phi truyền thống. Thế đã rõ: cách viết và đọc tiểu thuyết - nếu muốn nó tồn tại và phát triển - cần tạo thành một hợp thể tương hỗ, trong đó các yếu tố cốt truyện hoặc không cốt truyện, tính cách nhân vật, bản sắc văn hóa... được phục sinh với những nội hàm và sắc diện mới để có thể hấp dẫn được độc giả đương đại.

Lịch sử của tiểu thuyết cũng là lịch sử của những quá trình cách tân cả về nội dung phản ánh và hình thức thể hiện của nó. Từ những tác phẩm sơ giản chỉ là một câu chuyện dài đến tiểu thuyết chương hồi trải qua nhiều phương pháp sáng tác và các trào lưu với tuyên ngôn gây chú ý, tiểu thuyết đã tạo dựng nhiều kho tàng văn chương khổng lồ và góp phần quan trọng vào tiến trình hình thành và phát triển văn hóa nhân loại. Tuy vậy, tuyệt nhiên chưa hề có tác phẩm nào động chạm đến cách thức đọc nó ra sao, tức là cứ đọc từ điểm đầu đến điểm cuối liên mạch, hoặc lại đọc tiếp từ điểm tạm dừng đến hết như cái cách người ta đi theo đường một chiều, như cái cách con người được sinh ra và sống cho đến chết. Đó là cách đọc tuyến tính - một truyền thống vĩ đại không bao giờ bác bỏ được. Chỉ đến khi các tác phẩm kiểu "từ điển - tiểu thuyết" xuất hiện thì mới nảy sinh nhiều cách đọc khác nhau, tùy ý.

Ghi nhận tính độc đáo của *Từ điển Khazar*, đặc biệt là sự đặc biệt của cách đọc nó hoàn toàn không nhằm khuyến khích những ai hoặc có ý định viết tiểu thuyết, noi theo Milorad Pavić mà chỉ có ý muốn người viết tìm tòi, phát hiện nhiều điều mới mẻ của sự sống không chỉ ở những tầng sâu khuất lấp của bản thể người mà ở cả các hình thức biểu đạt nó. Có lẽ, chỉ bằng cách đó tiểu thuyết đương đại mới không tự đánh mất số lượng bạn đọc ngày càng suy giảm của mình.■

(1) Milorad Pavić: *Từ điển Khazar* (Trần Tiến Cao Đăng dịch), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2004.

(2) Terry Eagleton: *Chủ nghĩa hậu cấu trúc* (Thiệu Hương dịch), Tạp chí Văn học nước ngoài, số 3-2003, trang 182-183.

(3) Barther: *Phê bình và sự thật* (tiểu luận, 1966).

(4) và (5): Sđd.

TÔI phải ghét Ismail Kadare. Tôi nên ghét ông ta vì tôi là người Macedonia, còn Kadare là người Albania. Hai dân tộc chúng tôi đã là kẻ thù trong nhiều thế kỷ, thậm chí còn đi đến chiến tranh, nhất là trong khoảng một chục năm trước đây. Tôi nên ghét Kadare vì ông ấy là người duy nhất từ chối ký tên vào đơn yêu cầu công nhận Macedonia tại một cuộc họp gần đây của Trung tâm Văn bút quốc tế ở Bled, Slovenia, trong khi tất cả các thành viên PEN tám tuổi ông ấy đều không từ chối, và trong số đó cũng có cả nhà văn Albania khác. Tôi phải ghét Ismail Kadare vì ông ta đã cộng tác với chế độ độc tài Enver Hoxha (lãnh đạo của Cộng hòa Nhân dân Xã hội chủ nghĩa Albania), cũng không phản đối sự tàn ác của chính quyền Nam Tư (hậu Tito), những người đã tàn phá gia đình tôi suốt ba thế hệ. Tuy nhiên, sau khi đọc tiểu thuyết và những câu chuyện của Kadare, tôi không thể nào tiếp tục ghét ông ấy được nữa. Không chỉ thế, tôi còn muốn đề cử Ismail Kadare cho Giải Nobel văn học năm 2013. Hãy để tôi giải thích lý do tại sao.

Ismail Kadare sinh năm 1936, tại Gjirokaster, một thị trấn cổ tích của vùng núi miền Nam Albania, cái nôi cho những tác phẩm của nhà văn này ra đời, bao gồm cả *Cuộc vây hãm* (The Siege - 2008). Và, nơi mà Kadare sinh ra cũng là quê hương của nhà độc tài Enver Hoxha. Đồng thời, Kadare cũng là một thành viên quốc hội của chế độ Hoxha trong suốt 15 năm trước khi bị nạn tại Pháp vào năm 1990. Ông còn là Chủ tịch của một Viện văn hóa được giám sát bởi vợ của nhà độc tài, bà Nexhmije Hoxha. Bên cạnh đó, Kadare đã cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết có tên là *Mùa đông tuyết với* (The great winter) như một bài ca ngợi nhà lãnh đạo Albania, Enver Hoxha, người đã tuyên bố kiên quyết giữ vững lập trường bảo thủ từ giữa thập niên 1970 trở đi, kể cả khi đã tuyệt giao với chủ nghĩa Mao Trạch Đông trong giai đoạn 1976-1978.

Rất nhiều những cuốn sách của Ismail Kadare đã bị cấm trong 30 năm qua, vì ông là một nhà văn cộng sản Albania. Trong số đó, có cả cuốn tiểu thuyết hay nhất của ông, *Cung điện của những giấc mơ* (The Palace of Dreams - 1990), viết về sự tồn tại song song giữa chế độ Hoxha và một quốc gia hư cấu. Mặc dù trải qua nhiều khó khăn, song, tài văn của Kadare không chỉ sống sót mà còn phát triển mạnh mẽ trong một đất nước mà ngay cả nhà văn cũng thường xuyên bị lưu đày, giam cầm hay kết án.

Khi đọc xong *Cuộc vây hãm* của Kadare, tôi đã thấy hình ảnh của dân tộc tôi trong đó. Nó là sự trộn lẫn giữa đường lối cứng rắn, các tầng lớp lao động, xã hội chủ nghĩa, tự do tư sản, chính sách bảo thủ, đời sống chính trị,... và Kadare không hề xác định một ranh giới rõ ràng nào giữa cái "xấu" và cái "tốt". Thay vào đó, ông đã sử dụng ống kính của lịch sử để hiện thị và xây dựng các bất đồng quan điểm chính trị nói chung. Câu chuyện về sự đụng độ giữa quân đội Ottoman và kẻ thù Albania trong cuốn tiểu thuyết đã được các nhà phê bình đương đại biến thành một câu chuyện thời sự. Cuộc vây hãm là một câu chuyện ngụ ngôn ẩn trong một câu chuyện ngụ ngôn. Nó thể hiện sự mâu thuẫn nội tâm của Kadare. Trái tim của *Cuộc vây hãm* không chỉ là những phê phán đối với sự độc tài của Hoxha mà còn phản ánh về một nền văn hóa đại diện cho lịch sử.

Một nhà văn cộng sản Albania cũng giống như một nhà biên niên sử trong thời đại của Đế quốc Ottoman vậy. Chẩn dung của Tursun Pasha, vị tướng chỉ huy của quân đội Ottoman và Enver Hoxha cũng như các nhà độc tài quân sự khác ở khắp mọi nơi trong *Cuộc vây hãm*. "Đêm

NOBEL VĂN HỌC: KHÔNG NHẤT THIẾT PHẢI LÀ ANH HÙNG

NINA SABOLIK* (Mỹ, gốc Macedonia)



Nhà văn Albania Ismail Kadare

mang thai và ông nằm trong bụng của nó, chỉ một mình ông", là một ví dụ. Đó là cách mà nhà biên niên sử này mô tả trạng thái cảm xúc của Pasha trước cuộc bao vây. Xét cho cùng, ông ta cũng chỉ là một nhân vật hỗn loạn trong những năm cuối đời, cảm thấy bị nghiền nát bởi những lo lắng về sự nghiệp quân sự cũng như sức nặng của công việc lẫn sức mạnh của các cá nhân mà ông đã đề bạt. Với những nghi kỵ, toan tính ấy, Tursun Pasha phải đối mặt với tất cả sự khắc nghiệt của đời người. Ông ta đã sống trung thành như một tên đầy tớ và bây giờ, một đế chế mới sắp ra đời. Với Tursun Pasha, điều này thật sự rất tàn nhẫn. Mặt trời đã lên sau những lời cầu nguyện, chân trời đỏ rực như báo trước một cuộc bao vây đẫm máu và cái chết cũng đang đến gần. Có thể thấy rằng, "đêm mang thai" của tác giả biểu thị cho nhiều mục đích khác nhau. Nó là biểu tượng của sự xung đột nội tâm của một con người không thể thoát ra khỏi sức nặng của lịch sử, của sự cai trị từ một đế chế khổng lồ, và cả hình bóng nặng nề của Stalin nữa. Sức mạnh đó đè bẹp Tursun Pasha, buộc ông ta phải tự tử vào cuối cuộc vây hãm để tự giải thoát chính mình. Cái chết trở thành một cái gì đó đại diện cho nơi này, "một nơi thật sự nằm ngoài tầm kiểm soát của pháp luật, bên ngoài thế giới và đế quốc".

Không dừng lại ở đó, Kadare còn ẩn trong *Cuộc vây hãm* sự phê phán đối với ý tưởng tước quyền của Hoxha. Ông cho rằng, ý tưởng này tạo nên sự mục nát và ăn mòn quốc gia, tạo nên những thương tổn từ sâu bên trong và dần lan ra ngoài dẫn đến sự xuất hiện của cái ác. Kadare còn cho rằng, ý tưởng tước quyền của Hoxha có khả năng phá vỡ một quốc gia còn mạnh hơn cả chiến tranh. "Bạn không thể gọi một quốc gia là kẻ chinh phục cho đến khi nó đã chinh phục được cả thiên đàng của nó". Quân đội Ottoman hùng mạnh đã thất bại trong cuộc cách mạng đẫm máu. Nó không thể phá vỡ được pháo đài Albania bằng vũ

lực bởi vì pháo đài ấy được xây dựng từ trái tim và ý chí của người dân. Nổi tiếp ý nghĩa này từ *Cuộc vây hãm*, Kadare tiếp tục một tiểu thuyết khác có tên là *Tai nạn* (The Accident) vào năm 2010, để bóc trần những ảnh hưởng tham nhũng từ phương Tây đã bóp méo chủ nghĩa hậu cộng sản tại Đông Nam châu Âu. Kẻ thù trong *Tai nạn* không chỉ là nhà độc tài, mà còn có cả những tư tưởng của phương Tây nhân danh quyền tự do. Tất cả chúng đã phá hủy cốt lõi đạo đức của chủ nghĩa hậu cộng sản Albania.

Kadare khác với các tác giả bất đồng chính kiến từ các chế độ khác ở chỗ, ông không nhìn thấy một ánh sáng nào ở cuối đường hầm của lịch sử. Nói một cách khác, Kadare không có cách nào để thoát ra khỏi chu kỳ vĩnh cửu của xung đột và hòa giải. Cho nên, các cuộc chiến vẫn tiếp tục, dưới nhiều dạng khác nhau. Không có sự cứu rỗi ở phía bên kia đường biên, cũng không có một cuộc cánh mạng cao quý ở đâu chiến tuyến. Với Kadare, cách duy nhất để chống lại một chế độ độc tài, dù dưới hình thức nào, là phá hủy nó từ sâu bên trong. Lưu vong chỉ là một niềm tin ngây thơ về hạnh phúc ở một nơi khác. Vai trò của một nhà văn không phải là lựa chọn phe phái nào, hay phục vụ cho một bên nào. Nhà văn phải là những người tham gia một cách chân thành, phê bình thấu đáo và cuối cùng là luôn hướng về nhân loại.

Tất cả các phản đối đối với đề cử Kadare cho giải Nobel năm nay xuất phát từ một nguồn duy nhất. Đó là sự bất lực của khán giả phương Tây đối với tính địa phương của một nền văn hóa rất riêng và Kadare không phải là một nhà văn nằm trong khuôn mẫu văn học thế giới. Giống như James English đã mô tả, đó là một sự pha trộn đa văn hóa tại một địa phương có phong vị riêng.

Nguyên nhân phản đối đầu tiên là vì cho rằng, Kadare không đủ sự bất đồng chính kiến và ông cũng đã hợp tác với chế độ Hoxha. Thực tế, đây chỉ là một sự lợi dụng thông thường, hơi hợt của phương Tây về sự bất đồng chính kiến, luôn cho chống cộng mới là số một. Họ chỉ thích một cái diễn biến là chống cộng, sau đó di cư đến Tây phương và kết thúc là một cuộc sống tươi sáng, hạnh phúc tại nơi này. Trong khi đó, Kadare thuộc về đám đông vô hình, ông chống lại chế độ độc tài từ bên trong, và đó thực sự là một kỳ công, khó khăn hơn nhiều so với việc làm một anh hùng. Kadare đã sống sót trong hơn 40 năm qua, xuất bản lặng lẽ nhưng không hề thiếu sức mạnh ngay dưới mũi của nhà độc tài Enver Hoxha. Điều này cũng có nghĩa, ông đã làm được nhiều hơn so với việc trở thành một anh hùng, kẻ cố chết dưới sự đàn áp rồi công bố những câu chuyện chống chế độ từ đầu đó, đặc biệt trên thiên đường.

Sự phản đối thứ hai đến từ khẩu vị của văn học phương Tây. Nhà phê bình của tờ The New Yorker, James Wood, đã nhận xét về cuốn tiểu thuyết mới nhất của Kadare, *Tai nạn*, rằng: nó là một dự phòng và khá mạnh mẽ, nhưng cũng bởi

vì sự dự phòng mà cái sườn của câu chuyện là ẩn dụ. Thông qua câu chuyện ngụ ngôn này, ý nghĩa hiển thị trong sự đau đớn. Wood cho rằng, cách trình bày của Kadare là "một câu chuyện ngụ ngôn mới về con mồi và sự bỏ tù của chế độ độc tài hậu cộng sản". Kadare đã đảm tấn công những tư tưởng thiêng liêng nhất của tất cả các đế quốc phương Tây là quyền tự do. Ông thậm chí còn khẳng định rằng, sự tự do mà phương Tây tạo ra sau khi tàn phá chủ nghĩa cộng sản thậm chí còn tồi tệ hơn cả bản thân sự độc tài mạo danh cộng sản. Đó cũng là lý do mà báo chí phương Tây rất ngại Kadare. Ông không tấn công trực diện mà luôn có những cách để lạng lẹ phủ nhận đối phương từ sâu trong tiềm thức. Đó là một cách tấn công yên tĩnh nhưng vô cùng tinh tế. Cho nên, vấn đề ở đây, trong sự phản đối này, không liên quan gì đến giá trị văn học. Nó chỉ đơn thuần là một cuộc đụng độ về tư tưởng mà thôi.

Sự phản đối cuối cùng được lặp lại bởi tờ New York Sun từ năm 2005, là quá khó để dịch tác phẩm của Kadare. Tác phẩm của ông, bắt nguồn từ đất nước của ông, và mang hơi hướng của vùng núi miền Nam Albania, quá xa lạ đối với khán giả phương Tây. Các chủ đề trong đó là những biểu tượng về đế quốc cũ và mới, những câu hỏi lịch sử và ý nghĩa lịch sử, niềm tin, sự kiên trì, thời gian và ranh giới. Bối cảnh của các câu chuyện không chỉ là Albania tại các thời điểm lịch sử khác nhau, nó còn là chính bối cảnh của chúng ta, những người đọc, và thế giới mà chúng ta đang tạo ra trong tâm trí của mỗi người. Ngôn ngữ của Kadare thật sự rất riêng, quá khó khăn để có thể giữ lại được sự thơ mộng và sáng tạo của nó trong quá trình dịch. Việc dịch văn học luôn đòi hỏi một sự nỗ lực tuyệt vời của trí tuệ và sự đồng cảm với tác giả. Nhưng, từ bỏ một nhà văn chỉ vì khó để hiểu và dịch tác phẩm của ông ta, thì rõ đơn thuần là một sự lười biếng, chưa kể là còn gây thiệt hại không thể tha thứ vì đã làm mất mát đi của nhân loại một báu vật vô giá.

Cuối cùng, tôi muốn đặt một câu hỏi. Có phải giải thưởng văn chương thế giới ngày nay đang hướng theo những gì được gọi tên là chủ nghĩa lý tưởng hoặc một "tác phẩm văn chương theo hướng lý tưởng"? Lý tưởng không phải là những người sống trong tháp ngà, nhìn ra thế giới qua một ô cửa bé tẹo, thấy bầu trời và cây lá xanh tươi rồi tự mình nhận định rằng, thế giới thật yên tĩnh, thanh bình và hạnh phúc. Lý tưởng thường khá cầu kỳ, đôi khi còn rất thù địch. Đối với họ, một bầu trời xanh biếc không phải luôn tương ứng với một tương lai tươi sáng. Nói một cách khác, họ đang sống với hiện tại. Kadare không chọn cách nổi tiếng bằng việc chà đạp lên quá khứ của chủ nghĩa cộng sản mắc lưới độc tài, cũng không củng cố danh tiếng của mình bằng cách chỉ trích những người cộng sản khác. Thay vào đó, ông đã chọn cách để nói về những gì khó chịu nhất, luôn luôn thất vọng trong cuộc sống hiện đại này, đặt ra các câu hỏi mà không hề trả lời, buộc chúng ta phải nhìn lại chính mình. Tôi cho rằng, đây mới chính là chủ nghĩa lý tưởng. Và đây cũng chính là lý do tại sao Ismail Kadare nên là người chiến thắng trong giải thưởng Nobel Văn học năm 2013.■

VŨ NAM

Lược dịch theo
Worldliteraturetoday.org

*Nina Sabolik là một nghiên cứu sinh ngành Văn học Anh, tại Đại học Arizona State (Mỹ). Hiện tại, cô đang chuẩn bị luận án với chủ đề: Tác động của nhập cư với chủ nghĩa dân tộc trong các tác phẩm của các nhà văn di dân đương đại Nam Tư ở Tây Âu và Hoa Kỳ.

KỶ NIỆM 100 NĂM SINH NHÀ VĂN NGUYỄN ĐÌNH LẬP (1913-2013)

VĂN CHƯƠNG VÀ NHÂN CÁCH

Nhà văn Nguyễn Đình Lập, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1913 tại phố Bạch Mai, Hà Nội. Ông mất ngày 24 tháng 4 năm 1952.

Xuất thân từ một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng. Ông nội là chiến sĩ Đông Kinh Nghĩa Thục, chú ruột là Nguyễn Phong Sắc, Ủy viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Viết báo từ năm 1933. Viết phóng sự cho nhiều báo ở Hà Nội năm 1937. Sau Cách mạng Tháng Tám tham gia đoàn Văn nghệ Nam tiến, vào bộ đội, chiến đấu rồi được điều động làm công tác Văn nghệ trong lòng Hà Nội tạm chiếm, sau sang Ty Công An Hà Nội.

LÊ THỊ ĐỨC HẠNH



CÁCH đây đúng 100 năm, vào ngày 19-9-1913, tại làng Bạch Mai, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông, nay là phố Bạch Mai, Hà Nội, Nguyễn Đình Lập đã cất tiếng khóc chào đời. Sau này, Nguyễn Đình Lập đã trở thành một nhà văn hiện thực có tên tuổi của thời kỳ văn học 1932-1945 với những đóng góp đặc sắc gieo ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc, nhất là về đề tài Hà Nội.

Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước và cách mạng. Ông nội có chân trong Đông kinh nghĩa thực, bị đi đày ở Côn Đảo. Cha mẹ mất sớm nên Nguyễn Đình Lập được chú ruột là Nguyễn Phong Sắc - một cán bộ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương - nuôi dạy. Vốn có tư chất thông minh, lại ham học hỏi, thích đọc sách triết học, văn học, các tác giả như Balzac, Victor Hugo... nên người thanh niên này có kiến văn phong phú, sâu rộng hơn so với bạn bè cùng trang lứa. Từ đó, Nguyễn Đình Lập không chỉ biết định hướng đúng cho bản thân mà còn nuôi các em ăn học nên người giữa xã hội đầy rẫy những "cạm bẫy người", những ổ lưu manh, những "thanh niên trụy lạc",...

Do thích cuộc sống tự lập, phóng khoáng nên Nguyễn Đình Lập đã rời ghế nhà trường với mảnh bằng tốt nghiệp trung học để đi làm báo, viết văn. Từ tập viết tin, tiến tới viết bài ngắn đăng báo, cho đến năm 1936-1937, bên cạnh việc viết phóng sự ngắn, hoạt tượng (*Hà Nội... giao thừa, Đi ở...*) ông có một số phóng sự dài (có lúc ghi là Điều tra) đăng báo (*Tiểu thuyết Thứ Năm, Ích Hữu...*) được nhiều người chú ý: *Chợ phiên đi tới đâu?* (1936), *Từ ái tình đến hôn nhân* (1937), *Thanh niên trụy lạc* (1937), *Cường hào* (1937 - 1938). Đầu những năm 1940, Nguyễn Đình Lập được chú ý hơn khi cho xuất bản 2 cuốn tiểu thuyết *Ngoại ô* (viết năm 1940, XB 1941) và *Ngõ hẻm* (viết 1942, XB 1943).

Đến những năm tiền khởi nghĩa tháng 8, qua người bạn văn Nguyễn Huy Tường, Nguyễn Đình Lập đã biết đến văn hóa cứu quốc. Từ đó, ông tham gia các hoạt động cách mạng và có mặt trong đoàn văn nghệ sĩ Nam tiến vào mặt trận Liên khu 5. Qua thực tế cuộc sống chiến đấu, ông đã viết được 2 phóng sự dài: *Cánh Dương chiến đấu và Thôn Lẻ Sơn*. (Do chiến tranh, không

xuất bản được, nhưng đã in li tô, phổ biến trong quân đội). Sau Cách mạng Tháng Tám, Nguyễn Đình Lập vào quân đội, làm công tác văn hóa. Khi được điều về mặt trận Hà Nội, ông đã viết truyện *Chiếc va ly trên chuyến tàu Amiotd'Inville* (xuất bản năm 1951).

Dù là thể tài phóng sự hay điều tra thì với Nguyễn Đình Lập đều là lao động "câu chữ" công phu và đầy tâm huyết. Để viết *Tôi kéo xe*, Tam Lang đã khoác bộ áo phu xe, để viết *Cơm thầy cơm cô*, Vũ Trọng Phụng đã khoác bộ áo người đi ở, để viết *Trong làng chạy*, Trọng Lang đã khoác áo người lao động thất nghiệp... thì để có những *Thanh niên trụy lạc*, *Từ ái tình đến hôn nhân*..., Nguyễn Đình Lập đã thâm nhập vào cuộc sống Hà Nội, qua "những đêm lang thang trên hè phố, bên tiệm nháy, tiếng đàn và cốc rượu", khi trở về với "nét mặt bơ phờ và nước da xanh mét". Nhưng, ông vẫn giữ được bản tính thiện lương. Có chăng, chỉ là nỗi ân hận để người vợ trẻ, dịu hiền, xinh đẹp, hết lòng yêu thương chăm sóc chồng, phải thức thâu đêm mong ngóng, đợi chờ. Nhưng tiếng gọi của nghề nghiệp, của lương tâm đã khiến ông không thể làm khác, khi muốn những gì viết ra "nói hết được những điều mình muốn nói mà không bị cấm đoán".

Ông từng tâm sự với vợ: "Một nhà văn lúc này không thể chỉ biết vợ và con, vì là nhà văn nên anh phải đi vào ngõ ngách của cuộc sống". Và thật hạnh phúc khi có được một người vợ lí tưởng, có lúc giận hờn, nhưng vượt lên trên hết vẫn là sự thông cảm, hòa đồng. Chính người vợ hiền này đã nhiều đêm gần như thức trắng để chép lại bản thảo cho chồng. Sau này, người vợ (tức bà Bạch Liên) lại dày công sưu tầm, chất chiu, chăm bập những trang sách, bài báo của người chồng quá cố, lo tái bản, lo phổ biến rộng rãi trong công chúng. Với tuổi ngoài 70, năm 1998, bà Bạch Liên đã viết và cho in cuốn hồi kí *Làm vợ một nhà văn* để nói lên cách sống, cách làm việc của Nguyễn Đình Lập qua những kỉ niệm, những nỗi lòng, những tình cảm sâu lắng, xúc động, có phần thiêng liêng của một tình yêu nồng nàn, của nghĩa vợ chồng sâu nặng... Tập hồi kí nhỏ này đã cho chúng ta hiểu thêm, quý trọng hơn một nhân cách đẹp Nguyễn Đình Lập.

Vì nhà văn chịu khó lăn lộn, tận tụy trong thực tế cuộc sống nên phóng sự *Thanh niên trụy lạc* hấp dẫn độc giả ở

chất liệu sống đầy ắp, sinh động, tươi rói và hầu hết có số liệu cụ thể, xác thực, có sức tố cáo, lên án mạnh mẽ, như hồi chuông báo động với toàn xã hội, cảnh tỉnh một tầng lớp thanh niên đang đắm chìm trong trác táng, sa đọa, chỉ biết một chủ nghĩa khoái lạc, chỉ một ông thần "Sướng" mà sẵn sàng buông lơ cả lương tâm lẫn nhân cách, để rồi lao xuống vực thẳm, vào nơi tù đày. Và trong xã hội hôm nay, ý nghĩa của tiếng chuông này vẫn mang tính thời sự.

Đặc sắc của phóng sự Nguyễn Đình Lập là giàu chất trí tuệ. Ông không chỉ giúp người đọc thấy được hiện tượng xã hội một cách cụ thể, sống động, phơi trần chân tướng tối tệ, bệnh hoạn của một thời đại với những hậu quả, tác hại của nó mà thường trực tiếp phân tích, lí giải, tìm ra nguyên nhân xã hội của các hiện tượng. Như khi nói về một phụ nữ đã biến thành "một thứ hàng hóa" của khách làng chơi, ông có vẻ như bình thản, khách quan, nhưng ẩn chứa bên trong là cả một tâm tình, khi cho rằng: lúc sinh ra đời, người này cũng "ngây thơ, chất phác", có khác là "sinh ở chốn nghèo hèn" nên bị người đời "tranh hết cả việc làm", "cả cơm ăn" v.v...

Nguyễn Đình Lập luôn tỏ ra vững vàng trong mỗi xẻ, bình luận những hiện tượng xã hội, đôi lúc còn gây sự phẫn nộ cao, niềm cảm thương khi điểm xuyết vào đó những hình ảnh chọn lọc. Như một em gái 13, 14 tuổi, chỉ vì lo tiền mua thuốc cho bố ốm mà phải bán thân, tác giả dùng hình ảnh "một cơn gió thổi mạnh, một chiếc lá ném xuống con đường xi măng bóng nhoáng. Chiếc lá xoay mấy vòng, lẩn lẩn trên đường, rồi đuổi theo bóng người con gái nhòa dần trong đêm tối (*Thanh niên trụy lạc*).

Hoặc ông cũng nhìn ra sự thất vọng vì tình có thể đưa tới tự sát là do nhiều nguyên nhân: từ quan niệm trường giả về cuộc đời của các bậc phụ mẫu, đến pháp luật (dân luật, thiên thứ V, chương II), rồi sự ngộ nhận của chủ nghĩa lãng mạn, ảnh hưởng của màn ảnh, tiểu thuyết, thi ca, và cuối cùng là dư luận của công chúng (tất cả đều được phân tích kỹ). Đúng là, khi biết được nguyên nhân của một căn bệnh, người ta sẽ dễ tìm ra cách phòng bệnh và chữa bệnh.

Nguyễn Đình Lập thành công trong phóng sự không chỉ do sự nhanh nhạy, sắc sảo của một nhà báo, sự nhuần nhuyễn của một nhà văn, sự vận dụng

thành thạo phương pháp điều tra như một nhà xã hội học mà vượt lên trên còn do con mắt và tấm lòng của người cầm bút. Trong sáng tác của nhà văn không thấy có sự mỉa mai, giễu cợt, khinh miệt như ở một vài người khác. Chẳng hạn, *Hà Nội lấm than* của Trọng Lang tuy cũng có giá trị đáng kể, nhưng trong đó có lúc tác giả gọi gái thanh lâu là "mấy con bọ bùn sống trong đồng rác" và "con lợn sề đang cười".

Tuy thể loại phóng sự có những ưu thế riêng của nó, nhưng nhà văn vẫn chưa thỏa mãn khi muốn nói hết ý mình một cách bao quát hơn, sâu sắc hơn. Bởi ông cho rằng "Tiểu thuyết là một nghệ thuật rộng rãi và nhiệm mầu hơn phóng sự. Chỉ có tiểu thuyết mới có thể ghi nổi u uẩn sâu kín nhất của con người và những quan hệ vô cùng phức tạp, phiền phức của xã hội" (Bài giảng *Muốn làm phóng sự* của Nguyễn Đình Lập).

Với quan niệm đó, năm 1941, ông viết *Ngoại ô* và 2 năm sau lại tiếp tục cho ra đời *Ngõ hẻm* (có thể coi là một bộ tiểu thuyết). Nếu như Nam Cao khai thác cuộc sống ở cái làng Vũ Đại thì Nguyễn Đình Lập quay về với chính cái làng Bạch Mai - nơi ông sinh ra và lớn lên - để viết.

Nếu nói về tiểu thuyết viết về cuộc đời của người nông dân thì có thể kể ra hàng loạt cuốn tiêu biểu: *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bức đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Vỡ đê* của Vũ Trọng Phụng, *Con trâu* của Trần Tiêu... Về tiểu tư sản, có: *Sống mòn* của Nam Cao, *Cuộc sống*, *Hơi thở tàn* của Nguyễn Hồng, *Sống nhờ*, *Một thiếu niên* của Mạnh Phú Tư... Nhưng về dân nghèo thành thị thì chỉ có *Ngoại ô* và *Ngõ hẻm* của Nguyễn Đình Lập là sáng tác.

Từ những trang viết của nhà văn, cuộc sống lấm than, cay cực của những người lao động siêng năng và cam chịu, những người dân nghèo sống bấp bênh ở miền Vạn Thái, vùng Bạch Mai, thuộc Ô Cầu Dền (một khu vực ngoại ô của Hà Nội trước kia, nay là nội thành) đã hiện lên như một bức tranh đa sắc màu. Người dân ở đây sống giữa một bãi rác khổng lồ, nhơ nhớp của thành phố. Nơi ở của gia đình bác Vương là một căn nhà lá giống như "một cái nón úp xuống mặt đất, khí trời và ánh sáng bên ngoài khó lòng mà vào được tận nơi, cũng như mùi ẩm mốc bên trong không bao giờ bay hết ra ngoài. Ấy thế mà căn nhà này lại còn

chia làm 3 gian cho 3 gia đình nường náu. Bên cạnh nhà là hồ nước "đen sì, đục ngầu" (*Ngoại ô - tr.36*). Ngay cái ngõ hẻm ở trước nhà Nhớn, những hôm sau trận mưa mà trời tối thì "nó sâu, nó nhảy nhụa, nó bắn thiu", "nước ngập lên gần đầu gối và một thứ bùn khăn khăn, nóng nặc đưa vào lỗ mũi" (*Ngõ hẻm -tr11*). Chỗ ở đã chui rúc, khốn khổ như vậy, đến việc làm ăn buôn bán cũng thật vất vả, cực nhọc, từ khâu làm hàng (giã giò chả, giã bánh dày)_ đến bán hàng, bắt kể đêm hôm khuya khoắt, nóng bức, hay mưa gió rét mướt, vẫn phải mỗi mồm, rạc cẳng lê bước trên đường phố và còn những ngày hàng họ ế ẩm, không thu nổi vốn... Rồi từ chính sách bất thình lình của thực dân (cấm đem giò chả, thịt lợn vào bán ở nội thành) đến việc khám xét, bắt bớ những người vì sinh nhai mà phải làm ăn lén lút, đã khiến cho cuộc sống của những người dân nghèo lại càng bị đắt hơn. Trong *Ngoại ô*, cảnh bác Vuông gái bị khám thịt lậu với những tiếng quát tháo, tiếng roi gân bò vun vút, tiếng cười khà ố của một kẻ có chút quyền trước một người đàn bà "mặt tái nhợt, mắt ướt nhoe" bị cởi hết quần áo và những "tiếng khóc nấc lên" nghe thật thảm thương! Đó là chưa kể biết bao lối sống, nếp nghĩ lạc hậu, mê tín, dị đoan, con đẻ của chủ nghĩa thực dân phong kiến đã nhấn chìm cuộc sống của những người dân nghèo trong màn đêm dày đặc. Cảnh đời của anh đồ tể Nhớn, Sẹo, bác phở Mỗ, bác thịt trâu, cô đầu Huệ v.v... đều quẩn quanh, bế tắc, mòn mỏi, chẳng khác gì cuộc sống của những người nông dân sau lũy tre thời bấy giờ. Kết thúc *Ngoại ô* là cảnh gia đình bác Vuông tan nát: vợ cả chết dịch, con gái lớn không chấp nhận cuộc hôn nhân do cha mẹ sắp đặt đã bỏ nhà đi theo người yêu, bản thân bác bị điên, phải vào nhà thương, để lại người vợ lẽ bụng mang dạ chửa với 2 đứa con gái nhỏ dại mà đứa bé nhất lại bị câm. Đến *Ngõ hẻm*, cuộc sống của gia đình đồ tể Nhớn và Khuyên (con gái bác Vuông) cũng vô vàn sóng gió, lận đận, lao đao. Kết thúc tác phẩm là cảnh vừa ở tù ra, Nhớn cảm thấy cuộc sống gia đình cũng "mong manh và bất trắc lắm" và thân mình "rồi đây cũng chỉ là một tàu lá trước cơn giông tố phủ phàng..."

Đứng trước cái màn đêm ấy, bằng con mắt tin yêu con người và cuộc đời, nhà văn vẫn nhìn ra và trân trọng năng nium khi gọi lên những cảnh ấm áp, những niềm vui nho nhỏ, đơn sơ, mộc mạc của người dân lao động ở vùng ngoại ô. Người đọc như hòa chung niềm vui khi họ bán hết hàng sớm, lúc xúm lại giúp nhau làm hàng tết, khi các cô gái Cầu Tre vừa hái rau, vừa nói cười rộn rã, rồi ngày Khuyên, Nhớn ăn mừng đầy tháng con,....

Nhà văn Nguyễn Đình Lạp không gây cho người đọc cảm giác bị quan, mất hết lòng tin vào con người, vào cuộc đời, bởi trong cuộc sống khó khăn, có lúc cũng xảy ra eo xèo, xô sát hoặc tị hiềm, tranh chấp, nhưng chủ yếu mọi người vẫn sống trong sự yêu thương, đùm bọc, lá lành đùm lá rách và nói chung là chan chứa tình người. Ngòi bút giàu lòng nhân ái của nhà văn nhiều khi còn khơi dậy, làm sáng lên những tình cảm tốt đẹp của nhân vật một cách tự nhiên, xúc động. Họ sẵn sàng giúp nhau trong lao động, khi túng thiếu, lúc khó khăn, bước hoạn nạn, thậm

ĐẶNG HUY GIANG Viết ở Núi Voi

Một trăm con voi, một trăm ngọn núi
Cận kề xuân - hạ - thu - đông...

Chín chín ngọn đúng
Một ngọn sai

Bên này.

Chín chín ngọn sai
Một ngọn đúng

Bên kia.

Năm tháng bào mòn những sai cùng đúng
Ngàn năm rồi, vẫn nguyên một trăm voi.

Quá khứ

Anh bơi tro tàn quá khứ
Tìm lại ngày xưa

Cái cây ngày xưa, bây giờ cổ thụ.

Em có nhớ ba năm năm ngày này, lần đầu tiên,
chúng ta gặp gỡ?

Dẫu tất cả đã là quá khứ.

Chốn vô cùng

Tên đỉnh núi: Một con đại bàng
Dưới chân núi: Tôi.

Đại bàng đứng im
Còn tôi di chuyển.

Đại bàng hướng trời
Còn tôi hướng biển

Cả hai gặp nhau ở chốn vô cùng.

Ba mươi tháng tư

Chúng ta bay qua nhiều ba mươi tháng tư
Đến được một ba mươi tháng tư
Để thôi đau rơi, máu chảy.

Nhưng còn nhiều ba mươi tháng tư
Chúng ta không đến được
Những ba mươi tháng tư chia tách, xa rời.

Anh còn nhớ những giọt nước mắt mùa hạ
Ngày băng qua cửa ngõ Sài Gòn
Ngày xô đổ hàng rào dinh Độc Lập

Nhưng còn ai nhớ không, những giọt nước mắt
mùa xuân, mùa thu, mùa đông
Ở nhiều nơi vẫn không ngừng chảy
Của rất nhiều ba mươi tháng tư.

chỉ khi cần còn tự nguyện nhận tội thay cho người... v.v...

Tính nhân bản ở ngòi bút nhà văn còn thể hiện ở chỗ luôn nâng niu, gìn giữ để cho nhân vật mà mình cảm thông, chia sẻ khỏi lao xuống vực thẳm. Như chỉ cần quá đi một chút, Nhớn sẽ trở thành lưu manh, Khuyên sẽ phản bội chồng... Nhưng ở đây, cuối cùng, họ vẫn giữ được lương tâm trong sạch.

Một điểm nổi bật, có thể nói ít thấy ở những ngòi bút đương thời, là Nguyễn Đình Lạp có một nhân sinh quan mới mẻ, tiến bộ, từ đó soi rọi, nâng đỡ nhân vật. Rõ ràng, khi thể hiện nhân vật chính diện, những con người khốn khổ, giàu lòng vị tha thì nhà văn luôn trân trọng, mến thương. Nhưng khi viết về những đon chính trị tàn ác, chà đạp lên nhân phẩm người dân bị trị hoặc những thủ đoạn đục khoét dã man, tàn bạo của bọn lí hào ở nông thôn, những kẻ dâm ô, hiểm độc, đề tiện thì nhà văn lại rạch ròi, dứt khoát trút lên đầu chúng sự khinh bỉ, căm ghét.

Nghệ thuật viết tiểu thuyết của Nguyễn Đình Lạp so với đương thời cũng có những điểm mới rất đáng kể. Như số lượng nhân vật nhiều, phát triển ở đa tuyến, mà vẫn có không ít nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc.

Từ một cây bút viết phóng sự nhiều năm chuyển sang viết tiểu thuyết nên đôi khi Nguyễn Đình Lạp còn chú trọng tả việc hơn tả người và bố cục chưa được chặt chẽ lắm. Nhưng về cơ bản chúng tôi đồng tình với Thế Phong, một nhà nghiên cứu ở miền Nam về tiểu thuyết của Nguyễn Đình Lạp: "Xã hội tính trong văn linh động, tinh tiết hấp dẫn, linh hoạt, cách diễn đạt thoát, chúng tỏ ông là nhà văn có tài, xứng đáng nổi tiếng ở tiền chiến".

Vậy mà, ở miền Bắc trước đây, so với một số nhà văn hiện thực khác, Nguyễn Đình Lạp còn chưa được chú ý đúng mức.

Các cuốn văn học sử, các sách nghiên cứu, các giáo trình đại học thường chỉ điểm qua 2 cuốn *Ngoại ô* và *Ngõ hẻm*, chứ chưa nghiên cứu kĩ và sâu, chưa viết về toàn bộ sự nghiệp của tác giả này. Đó không chỉ là một thiệt thòi cho nhà văn mà phần nào cũng làm cho bức tranh văn học sử nước nhà bị những nét mờ không đáng có. Điều này có thể do trước Cách mạng, những phóng sự của Nguyễn Đình Lạp chỉ mới đăng báo, chưa có điều kiện in thành sách nên chưa có tiếng vang mấy. Hai cuốn tiểu thuyết lại in ra vào thời kì 1940 - 1945, khi Nhật đã vào Đông Dương và không khí văn đàn không còn sôi nổi, nhộn nhịp như thời kì trước (1936 - 1939) nên ít được phê bình, giới thiệu, cũng dễ làm cho tác phẩm bị chìm đi. Mấy năm gần đây, *Ngoại ô* và *Ngõ hẻm* đã được tái bản, kể cả 2 phóng sự do bà Bạch Liên mới sưu tầm được (*Thanh niên truy lục, Từ ái tình đến hôn nhân*) và một vài tác phẩm ngắn khác của Nguyễn Đình Lạp cũng được in lại. Năm 1993, đã có cuộc hội thảo khoa học (nhân 80 năm sinh của nhà văn) về sự nghiệp văn chương của ông. Sau dịp này, cả trong Nam, ngoài Bắc có tới hơn một chục bài nghiên cứu về Nguyễn Đình Lạp đăng trên các báo và tạp chí. Đặc biệt, năm 2003, đã in được *Nguyễn Đình Lạp - tác phẩm*. (tập hợp những tác phẩm chính và mấy bài phê bình). Quả là thời gian đã trả lại sự công bằng cho nhà văn có tài năng và có tâm huyết.

Sống trong cái nôi truyền thống cách mạng của gia đình, bản thân lại giàu lòng nhân ái; yêu vợ, quý con, tình nghĩa với bạn bè, yêu thương đồng loại... tận tụy với công việc nên khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nguyễn Đình Lạp hàng hái tham gia công tác của chính quyền mới. Ông vào quân đội, làm công tác văn hóa. Là người không ngại khó khăn gian khổ, nhất là biết vượt lên trên những nỗi

niềm riêng tư, cho dù "mỗi lần đi, thấy thương em và các con vô cùng" (Nhật kí của Nguyễn Đình Lạp) để cống hiến sức lực mình cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Do bận nhiều công việc, trong kháng chiến, ông chỉ viết được có 2 phóng sự: *Thôn Lẻ Sơn, Làng Cảnh Dương* (chưa xuất bản) và chuyện *Chiếc va ly* (9) nói về chiến công về vang của nữ biệt động dũng cảm Nguyễn Thị Lộc dám hi sinh thân mình để đánh đắm chiếc thông báo hạm tối tân của Pháp (Amyot d' Inville A07- trong đó có chừng 200 tên, cả sĩ quan và lính Pháp). Trong *Lời tựa* cuốn sách có đoạn viết: "Bạn Nguyễn Đình Lạp có may mắn theo dõi các nhân vật từ lúc mới hoạt động nên đưa nghệ thuật mình lên trình độ khúc triết, tường tận mà một kẻ đứng ngoài và xa thực tế, quan niệm mọi điều qua sức tưởng tượng không thể nào vươn tới được. Nhưng, có lẽ về phương diện này, tác phẩm của bạn Lạp không cần ai bảo lĩnh, vì giàn giụa ánh sáng của sự thật..."

Đang độ tuổi sung sức (39 tuổi) với biết bao ấp ủ, dự định cho ngày mai thi tiếc thay Nguyễn Đình Lạp bị một trận sốt rét ác tính quật ngã (24-5-1952). Ngay trong những ngày chiến tranh gian khổ, ác liệt, bệnh tình trầm trọng mà nhà văn vẫn tràn đầy lạc quan và tin tưởng. Trong nhật kí, sau khi bộc lộ nỗi niềm mong nhớ, khát khao đến cháy bỏng, thậm gọi người vợ yêu của mình: "Giá có em, em ơi!" thì ở dòng chữ cuối cùng, nét chữ đã run run ông vẫn viết "Đời có vui và tin tưởng".

Một tài năng và một tấm lòng như thế, nếu chưa vội đi xa, Nguyễn Đình Lạp, một nhà văn chiến sĩ, một nhà văn của Hà Nội đã từng có những đóng góp riêng rất đặc sắc thì chắc hẳn còn có những cống hiến lớn lao hơn nữa cho nền văn học Việt Nam trong giai đoạn hiện đại.■

GIÓ Đİ ĐİU?

Truyện ngắn của QUẾ HƯƠNG



Mình họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

1 NGƯỜI đến nhận phòng trước tôi là một chị đã tàn mùa nhan sắc nhưng nét kiều mị còn phảng phất trông cứ tiếc tiếc, tội tội. Áo quần, giày dép lạc mấy mode. Không lấp tốp lấp tiếc gì cả, cứ như từ trong cái chợ xệp hay cái bếp đen sì bổ hòng lạc lối đến nơi này. Chị ta cũng không biết điều chỉnh máy điều hòa. Co ro lạnh. Đàn bà lỗi đời, ranh ma, sành sỏi tôi gặp quá nhiều nhưng ngác ngơ, cũ kỹ như chị ta thì mới thấy! Lại là nhà văn, loại người có thể sáng tạo thành thần lần ma quỷ. Đây phòng này được Nxb *Bút Mỏi* đặt cho những người ở xa ra nhận giải cuộc thi truyện ngắn kéo dài hai năm ròng.

Chị ta chào tôi bằng nụ cười lạnh lẽ. Đôi vai gầy hơn cả tưởng tượng. Dáng đổ về phía trước, dáng của người luôn cúi xuống bởi việc nhà, thứ việc tàn phá người đàn bà âm thầm mà đáng sợ nhất. Những gì còn lại đáng kể của chị ta là một khuôn mặt từng đẹp trên cán cổ từng cao ba ngón! Mọi ánh sáng trên khuôn mặt chị ta đều tắt chỉ còn nổi gì đó leo lét. Tam gọi chị ta là *Mặt Buồn*.

- Chị xuống ăn trưa chưa? - Tôi gọi chuyện.
- Tôi ngại đi thang máy!
- Thế chị chưa hề ở khách sạn hả?
- Chưa. - Chị ta bên lên.

2

Người thứ ba ào vào như cơn lốc.
- Hi! Tôi chung phòng với mấy chị.
Cô ta vừa bước vào là đã dậy lên mùi quen thuộc của phụ nữ siêu hiện đại, từ tóc tai, váy áo lẫn đi đứng. Thả vali, cô ta nằm dài gọi điện, vẩy tóc lên, giọng mượt như lụa. Đúng là phụ nữ! Có mặt là phải mùi. Gọi và gọi. Quả là *Feminin*.(1)

Gọi điện xong, *Feminin* lấy đồ đi tắm. Tiếng nước chảy cũng từng bừng.
Khi *Mặt Buồn* bước đi, mới biết chị đau chân. Ngón chân cái bị băng. Vết máu khô thẩm lại.

Xuống ăn, *Feminin* đòi đi cầu thang cho thon thả. Cô đánh móng đi trước, lập tức có mấy ông nện gót chạy theo. Chị đau chân nên tôi đi thang máy cùng chị. Tôi bấm nút còn chị nhìn mọi thứ với đôi mắt lạ lẫm bơ vơ.

Bước vào phòng ăn, một cô bạn quen niu tôi lại huyền thuyên. Quay lại không thấy *Mặt Buồn* đâu nữa.

3

Hà Nội chớm thu. Se se lạnh, lao xao gió. Có phải vì thế mà căn phòng ba người cũng xao xác. *Mặt Buồn* vờ ra toilette hoài. *Feminin* rúc rích như chuột qua điện thoại.

- Nghe bà rủ rỉ tui sờ da gà, ngủ hết nổi! - Tôi tung mền cầu nhàu.
- Sống không yêu sống làm gì?
- Chống không ghen à?
- Ly dị rồi. Tự do từng centimet!
- Sao ly dị? Tò mò chút xíu nghe.
- Tại cái bếp. Tui để nó lạnh quanh năm suốt tháng.

Cơm hộp thôi!
- Thế mà đọc văn bà... tưởng bà nấu ăn giỏi lắm. Bữa ăn như nhân vật. Hồn phách đầy đủ. - Tôi phì cười.
- Trong văn chương mọi cái đều có thể!
- Viết khỏe quá hả!
- Văn giờ không cần đẹp. Truyện không cần cốt. Ninh như cái ta, nềm nềm chút tâm trạng và đừng quên sex. Phần mảnh tung tóe thế là xong. Tớ viết tháng mấy cái đấy chứ! Thế là đủ 3 T - tiền, tiếng, tình.

Feminin đưa mắt nhìn theo *Mặt Buồn* đi vào toilette.
- Ai đấy nhỉ? Ngó phát bực!
- Ngó phát bực? - Tôi trở mắt.
Đường như thấy mình quá đáng, cô nàng lảng:
- Công tác đâu?
- Giáo viên. Nghe có giải, cả trường làm như đi nhận giải Nobel. Oai!

- Biết mình giải mấy không?
- Không. Ban Tổ Chức không cho biết để mọi người đi vì ai cũng hy vọng mình giải nhất.
Điện thoại *Feminin* réo.
- Thế hả? Em xuống ngay!

Quay qua tôi, cô rú:
- Đi uống cà phê với mấy anh không? Nghe nói có nhà văn H, nhà phê bình D...
- Tui ngủ kéo mai dung nhan tiểu tụy. Biết đâu giải nhất! - tôi lắc đầu.

4

- Chị ngủ chưa? - Tôi quay qua hỏi *Mặt Buồn*.
Giường chị trống. Chắc lại vào toilette.
- Chưa. Tôi tưởng cô ngủ. - Câu trả lời làm tôi quay lại. Lại thấy chị trên giường. Cái bà này. Tích tắc hiện. Tích tắc biến.

- Không muốn đi nên nói thế. Khác giới lạc lõng.
- Thế mình đi với nhau.
- Chị muốn thăm Hà Nội đêm?
- Tôi ra lần đầu. Nghe nhạc Phú Quang thêm biết đêm Hà Nội.
- Đó là nhạc. Ừ thì đi! Học đại học ngoài này nên biết kha khá. Nhưng đi bằng cách nào?
- Đi bộ. Bằng đôi dép lê này! - Chị chỉ đôi dép của khách sạn.
- Nhưng chân chị...
- Tôi quên mất! - Chị nhìn xuống chân cười. Nụ cười lạ lẫm. Như òa khóc.

- Ngọc lan! Cũng không hẳn vì gió đã pha trộn những mùi hương.

- Chắc đường Thanh Niên.
- Cứ gọi là đường thơm cỏ a!
Hà Nội không ngủ. Dòng chảy cuộc sống vẫn róc rách trong từng góc ngách. Hàng cây tỉnh lặng xao xác những nụ hôn tình nhân. Bướm đêm vầy những đôi cánh tả tơi trong bóng tối. Phố khuya nhọc nhằn cuộc mưu sinh... *Mặt Buồn* hăm hở lời tôi sà xuống những gánh quà khuya, huyền thuyên riu rít, ăn thứ này qua thứ khác như đứa trẻ đói khát lâu ngày. Tôi không còn nhận ra chị nữa. Niềm vui ào tới đuổi thứ tệ hại đi khiến *Mặt Buồn* thành *Mặt Đẹp*.

- Khuya rồi. Mai ta còn dự lễ trao giải! - Tôi nhắc.
- Khuya rồi, sao trả xe?
- Bạn tôi bảo cứ lấy đi. Trước khi về đem trả.
- Chị thần thờ đứng dậy. Lại là *Mặt Buồn*.
- Cô... cô... bày tôi... đi xe được không? - Chị ngưỡng ngùng lí nhí.
- Chưa biết đi xe hả? - Tôi tròn tròn mắt.
- Chưa nhiều thứ lắm cô a!
- Thế đi lại bằng phương tiện gì?
- Ngồi sau lưng kẻ khác.
- Cái chị này! Bà già, con nít còn đi được hướng gì nhà văn! - Tôi phá lên cười.
- Nhiều khi đứng nhìn dòng xe cộ cuốn cuộn chảy tôi khao khát được cuốn theo. Biết đi như được mọc cánh, có thể bay.
- Sao không thử đi! Đường vắng, tôi bày chị nhé!
- Cô không sợ ư?
- Sợ gì?
- Sợ tôi làm cô chết.
- Chết dễ mà khó. Chị sợ hả?
- Tôi sợ... nỗi sợ hãi. Nó kinh khủng còn hơn cái chết!
- Thế thì... giết nó đi! - Tôi vùng tay.
- Giết nó đi! - Chị hăm hở hô theo.

Gần 2 giờ sáng chúng tôi mới về lại khách sạn. Cười lên nỗi sợ hãi, chị bay. Đôi cánh phấp phất gió chờ nổi cô đơn đầy sức mạnh. Ngồi sau lưng chị, tôi thành kẻ sợ hãi. Phố đèn vàng nghiêng ngả. Hàng cây lao vun vút. Bánh xe lướt như không chạm mặt đường. Tôi hét lên khi quàng tay ôm chị nhưng chỉ chạm gió.

- Lái gì kinh thế?
- Nó lái tôi!
- Trên đường về, tôi đòi đổi chỗ. Tôi không quên cảm giác chạm vào trống không khi chiếc xe vẫn vun vút bay.
- Khi xuống xe, chị ôm chầm lấy tôi:
- Tôi sẽ nhớ cô và đêm này mãi mãi. Thật tuyệt vời cô a! - Chị cười, mắt loang loáng nước. Cái tứa ra không phải là nước mắt mà là nham thạch. Thứ nham thạch dồn nén nóng hổi làm tan chảy cả chính tôi.

6
Sáng hôm sau khi tôi và *Feminin* thức dậy chuẩn bị đi lĩnh giải, không thấy *Mặt Buồn* đâu cả.
Tôi xuống nhà xe. Con ngựa sắt chị tập bay vẫn còn đó, ở tay lái phất phơ mảnh giấy.
Giải thoát sự ham sống quá hăng
Giải phóng niềm sợ hãi
Để làm
Ngon gió.

7

Feminin diện váy hoa mỏng thật đẹp. Mùi giống cái tỏa ra ngầy ngật ngầy ngất khiến giống đực lượn lờ quanh cô không ngớt. Tôi đi cùng cô nhưng chẳng ai chú ý đến tôi. Cũng chẳng ai nhận ra sự có mặt rồi vắng mặt của chị. Không khí đậm đặc mùi nước hoa tự bôi cho nhau khiến tôi váng vất.
Ban Tổ Chức đánh giá cuộc thi thành công rực rỡ, một bữa tiệc văn chương đầy màu sắc nhưng lại không chọn được giải nhất. Bù lại có đến hai giải nhì, mỗi giải 20 triệu. *Feminin* bê một giải. Cô nàng không tỏ vẻ ngạc nhiên, đầu hất hất, nhún nhảy trên đôi giày cao gót, váy hoa xập xòe. Ban giám khảo nhận định đó là một truyện ngắn hậu hiện đại ấn tượng. Đọc rồi không nhớ nói gì nhưng vẫn không quên, phớt phát ám ảnh. Không một dấu chấm, xố dài miên man. Tân kỳ đến dường ấy chẳng trách gì cái truyện thiệt thà như người nhà quê của tôi chỉ được giải khuyến khích.

Giải nhì thứ hai là một tên lạ chẳng thấy trên văn đàn. Truyện ngắn có tên "Cái chuồng". Câu chuyện cũ rích như mặt trời mỗi ngày vẫn mọc. Nỗi buồn cũng cũ như thế. Ồi. Thiu. Héo. Quắt. Rồi. Rã. Dưới mặt trời. Chẳng có từ nào mang tên buồn đau nhưng đọc chỉ muốn hét lên để thấy mình còn tồn tại... Nghe ngang đó mọi người ngoái lại tìm tác giả nhưng không thấy ai nhúc nhích. Chẳng ai cười. Chẳng ai bên lên. Chẳng ai bối rối. Mời đích danh chả ai đứng lên. Hội trường như đông lại trong khoảnh khắc ấy. Chỉ tôi là cô cảm giác lạnh người như hồi đêm ngồi sau lưng *Mặt Buồn* quờ tay chạm gió. Mùi hương ngọc lan thoảng thoảng. Màu vàng trong tranh khắc khoải. Rồi tan biến.

Xong lễ, người ta chụp hình kỷ niệm. Vài phóng viên vây quanh *Feminin* phỏng vấn. Còn tôi nồn nao trở về. Tôi đã có một tứ để bắt tay viết một truyện ngắn. Truyện sẽ mang tên "Gió đi đâu?".

Gió đi đâu? Gió đi!

(1) Giống cái (tiếng Pháp)

5
Chúng tôi lòng vòng qua những con phố. Những ngọn đèn cao áp bọc Hà Nội đêm bằng thứ ánh sáng màu vàng trong tranh, hun hút, khắc khoải. Nếu không có những sợi tóc đang sau lay phay chạm má, tôi tưởng tôi một mình. *Mặt Buồn* bỗng nhiên cầm bát. Im lặng cũng là một thứ ngôn ngữ. Chúng tôi hít căng lồng ngực bầu không khí nhẹ và thơm, thơm đến nỗi *Mặt Buồn* cất tiếng:
- Hà Nội đêm xúc nước hoa!
- Chị nhận ra mùi hoa gì?

NHỮNG CAO ỐC TRÊN ĐẦM LẦY

Bút ký của TRẦN HIỆP

G IỮA những ngày Hà Nội nóng dữ tôi có việc phải bay vào Thành phố Hồ Chí Minh. Gần hai giờ đồng hồ trên chuyến bay giá rẻ Vietjet Air VJ8666 tôi nghĩ miên man về những chuyến vào với "Hòn ngọc viễn đông" này cùng những kỷ niệm vui với bạn bè và những kỷ niệm gặp gỡ anh Bến Nghé (Mai Đức Phúc) ở báo Sài Gòn giải phóng, nhà thơ Nguyễn Duy ở Văn phòng Đại diện báo Văn nghệ, nhà thơ Hải Như ở khách sạn Công đoàn... Các anh đã cho tôi biết thêm nhiều điều về Sài Gòn-Gia Định để yêu mến hơn thành phố mang tên Bác. Lần gần đây nhất cũng đã hơn mười năm cách ngày nay tôi mới trở lại Thành phố Hồ Chí Minh, xem ra các lần vào đây cứ thưa dần, cách vài năm rồi cách sáu năm, đến bây giờ đã hơn mười năm. Liệu sau lần này sẽ cách bao nhiêu năm hay là không bao giờ nữa! Một phần cũng vì lẽ đó mà lần này tôi cố ở lại đây lâu hơn các lần trước. Hơn hai tuần tôi ở lại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng trong căn hộ tầng 8 của ngôi cao ốc 13 tầng bên bờ sông. Tên "cúng cơm" của khu này là Riverside Residence Nguyễn Lương Bằng, quận Bảy. Nơi đây người ta thường gọi là khu Bắc - Hàn. Lúc đầu tôi hơi ngỡ ngàng với cái tên lạ hoắc ấy, mãi sau mới hiểu ra. Đa số người ở khu này là người miền Bắc và người Hàn quốc, Tất nhiên còn khá nhiều cư dân miền Nam, ngoài ra còn có cư dân Nhật, Úc, Nga... Nghe giới thiệu khu đô thị mới này trên TV mãi thấy cũng hấp dẫn, may sao lần này lại được tạm trú ở đây. Thật là cầu được ước thấy.

Khi máy bay sắp hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất tôi nhìn qua cửa kính thấy thành phố mang tên Bác mà cứ tưởng mình sắp đặt chân lên một thành phố xa lạ vì thành phố ngày nay to rộng hơn trước rất nhiều, lại vô số những cao ốc mới được xây dựng, nhiều cây cầu nối qua sông, ngòi chẳng chịt của đất phương Nam.

Những ngày ở đây ngoài giải quyết công việc tôi dành thời gian đi thăm những khu "đô thị mới" của thành phố ở quận Gò Vấp, quận Bảy, quận Hai, những cây cầu mới bắc, đại lộ Võ Văn Kiệt, ngôi nhà cao nhất thành phố có sân cho máy bay trực thăng hạ cánh và tất nhiên không thể không qua hầm Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn. Hấp dẫn đối với tôi vẫn là những cao ốc được mọc lên từ những đầm lầy. Phần lớn các khu đô thị mới của Thành phố Hồ Chí Minh được mọc lên không phải từ thổ cư hay thổ canh mà là đất hoang, rừng dừa nước, đầm lầy, điển hình là khu đô thị Phú Mỹ Hưng này.

Đây là khu đô thị do công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng là chủ đầu tư, được

cấp giấy phép từ tháng 5-1993 với 70% vốn nước ngoài, 30% vốn trong nước, nằm trong dự án mở rộng thành phố về phía nam. Mở đầu là việc tập đoàn Central Trading & Development, gọi tắt là CT&D, của Đài Loan cũng là nhà đầu tư chính dự án này đã bỏ kinh phí xây dựng đại lộ Nguyễn Văn Linh dài 17,8km băng qua đầm lầy, song song với xây dựng các hệ thống điện dân dụng, cấp thoát nước, xử lý môi trường và các cơ sở hạ tầng trên 150ha. Từ đây khu đô thị mới trên 750ha dần dần được hình thành. Thật là "khen cho con mắt tinh đời", ngày nay ai đến đây nếu không tìm hiểu kỹ khó mà biết rằng dưới những cao ốc kia, những công trình phúc lợi công cộng kia là những đầm lầy và rừng dừa nước hoang vu từ ngàn đời nay. Thả bộ trên các con phố với vỉa hè rộng thênh thang từ bên này đường nhìn sang bên kia đường ngút một tấm mắt rồi những hàng cây, những vườn hoa, thảm cỏ mà tưởng như được trở lại những đường phố nước ngoài tôi đã có dịp ghé qua. Nhiều con phố dọc các đường xương cá chưa có tên mà chỉ có số. Khu đô thị này được nhà đầu tư chia thành năm cụm với các chức năng khác nhau. Đó là khu trung tâm, nơi thu hút các nhà đầu tư, phỏng theo một khu phố của Hồng Kông; khu làng đại học có các chức năng hỗn hợp gồm khu dân cư, khu thương nghiệp, dịch vụ và các công trình công cộng mô phỏng theo ý tưởng xây dựng tại một thung lũng ở California của Mỹ; khu trung tâm kỹ thuật cao xây dựng các xí nghiệp phát triển công nghệ cao; khu trung tâm lưu thông hàng hóa nằm ở ngã ba sông Bến Lức và sông Sài Gòn rất thuận lợi cho các cơ sở bến cảng và lưu thông hàng hóa qua đường thủy; một trung tâm lưu thông nữa nằm ở ga lộ quốc lộ 1A và đại lộ Nguyễn Văn Linh, khu này có vị trí thuận tiện để lưu thông hàng hóa từ mọi hướng bằng đường thủy và đường bộ... Phú Mỹ Hưng không chỉ xây dựng nên những cao ốc, những khu dân cư hiện đại cho những cư dân có thu nhập cao mà còn tạo dựng nên không gian văn hóa đời sống khá hoàn chỉnh, khu dân cư nào cũng có nơi vui chơi giải trí, có công viên cây xanh với những thảm cỏ và chòi nghỉ mát với những băng ghế chắc chắn, ngôi thoải mái, những bể bơi công cộng, sân quần vợt, sân bóng đá, trường học các cấp... bên ngoài khu dân cư có hàng rào cho cây hoa leo và đường dành cho người đi bộ thoải mái xuống triển sông. Nhiều buổi sáng tôi đi tập thể dục trên con đường này để được hít hà không khí trong lành nơi ven sông và ngắm nhìn những con thuyền máy xuôi ngược, đi ngược mãi lên mạn nổi với sông Sài Gòn tôi bắt gặp một khu xây dựng mới với hàng loạt biệt thự đang được hoàn chỉnh. Một nhân viên làm việc

tại đây cho biết giá mỗi biệt thự có đến mấy chục tỷ nhưng đã có người đăng ký mua gần hết.

Sau một ngày nắng, cây cối thành phố Hồ Chí Minh như thắm lại xanh một màu xanh đậm đà, mà lạ chưa người thành phố này không thấy ngậy ngất dưới trời nắng như đổ lửa, phải chăng cái nắng phương Nam không oi nóng như ngoài Bắc? Mà cũng phải thôi, nắng đấy mà mưa cũng ngay đấy. Chiều muộn, tôi sai bước trên con phố rộng thênh thang dưới bóng cây rười rượi, nhưng cái gì thế này, cả bầu trời tối om, tôi như cảm thấy mình đang đi trong rừng rồi tiếng ù ù ào ào từ phía biển gọi lại, nước từ trên những tán cây trút xuống. Đang nắng dữ bỗng có mưa đường nhựa như bị sôi lên, không khí sục lên mùi hăng hắc. Nhưng cũng chỉ chốc lát không khí dịu lại, cây cối cũng dịu lại, màu lá từ xanh thắm đã chuyển sang màu xanh non tơ, nước mưa đã gội đi những bụi bặm trên mỗi cành lá hay là tôi cảm thấy như thế?

Cũng là cái lạ của thành phố đất rộng, người đông nhất cả nước này, nắng đấy, mưa ngay đấy rồi lại tạnh ngay đấy. Không chỉ cây cối mà đường xá cũng được lau rửa sạch sẽ, tôi có cảm giác như đang đi trên đường phố Singapor nơi mà cây cối và đường xá lúc nào cũng bóng loáng. Tiếp tục cuộc bách bộ của mình. Đến Phú Mỹ Hưng mà không đến khu hồ Bán Nguyệt thì quả là thiệt thòi. Nơi đây có con đường đi bộ dài hơn 1500 mét nối với cầu Ánh Sao. Đêm xuống, đứng trên cầu Ánh Sao hồ Bán Nguyệt in bóng hàng trăm ngọn đèn đường và đèn trên các nhà cao tầng rọi xuống tạo nên khung cảnh lung linh, huyền ảo. Trên con đường ấy là hai hàng cây giao cành khi trời nắng du khách có cảm giác như có cái ô khổng lồ ngay trên đầu. Cảnh ấy làm sao có thể vắng những cặp tình nhân tay trong tay, vai kề vai thong dong rảo bước. Một điều lạ nữa là người đông như thế, vui như thế nhưng không có người bán hàng rong, không có cảnh chen lấn. Khách bộ hành nhẩn nha thoải mái thả bước, ai cần ăn uống, mua sắm thì đã có những cửa hàng và có cả một khu chợ gần đấy, chẳng thiếu một thứ gì, từ hàng hiệu đến hàng bình dân đều có cả, khách mua hàng nếu không tiện đem theo trong khi dạo chơi thì ghi địa chỉ sẽ có người đem đến tận nhà. Nơi đây còn có khu mua sắm cao cấp Crescent Mall và nhà hàng sang trọng Cham Cham sơn màu trắng rất bắt mắt với thiết kế độc đáo và nổi tiếng của tập đoàn Khai Silk. Xin trở lại với hồ Bán Nguyệt, các khu nhà chung quanh hồ được bố trí khá hợp lý, nhà thấp tầng ở phía trước, nhà cao tầng ở phía sau để không choán mất tầm nhìn của du khách. Theo một số trang báo mạng có uy tín, để tạo nên cảnh quan của cái hồ

nhân tạo này nhà đầu tư đã mời hàng chục chuyên gia danh tiếng của nhiều nước đến đây, họ đã thiết kế mô phỏng theo mô hình vịnh Singapore, sau đó là có tới sáu công ty thi công, chi phí lên đến hàng trăm triệu đô-la. Vâng, có lẽ đúng như thế, tôi đã nhiều lần sang Quốc đảo Sư Tử và đã đi gần khắp Quốc đảo này, bây giờ đến hồ Bán Nguyệt tôi nhận ra những nét cảnh quan quen quen.

Trở về Hà Nội tôi cứ nghĩ mãi về ấn tượng những cao ốc được mọc lên từ những đầm lầy của thành phố Hồ Chí Minh. Tôi chưa biết được nhà đầu tư đã vét đi bao nhiêu triệu mét khối bùn nhão hoặc hóa giải bằng cách nào để có nền đất xây móng và phải chở đến đây bao nhiêu triệu mét khối đất đá, cát sỏi để tạo nên mặt bằng như thế này? Việc ấy có lẽ là công phu nhất, vất vả nhất khi khởi sự. Đó là một kỳ công, mở đầu là làm đại lộ Nguyễn Văn Linh xuyên qua đầm lầy để rồi từ đây các công trình tiếp nối mọc lên khắp cả 750 héc ta. Chạy xe dưới đường hầm Thủ Thiêm sang quận Hai đang được xây dựng tôi lại nhớ đến khi đi tàu điện ngầm qua sông Hàng Phố để đến với thành phố mới ở phía bắc sông Hoàng Phố-Thượng Hải (Trung Quốc) cũng được xây dựng những cao ốc trên phần lớn đầm lầy, trong đó có Jin Mao Tower 88 tầng, cao 420, 5 mét và tháp truyền hình cao nhất nhì châu Á, người dân ở đây cho tôi biết đó là việc "dời non lấp biển". Thành phố Hà Nội mở rộng sang bắc sông Hồng, thành phố Thanh Hóa mở rộng sang bắc sông Mã... liệu có tạo dựng được công cuộc "dời non lấp biển" hay lại xóa đi hàng trăm hecta đất đai màu mỡ?

Từ những khu đô thị được xây cất lên trên đầm lầy tôi lại nghĩ đến nhiều tỉnh thành đang lấy đi hàng trăm héc-ta đất nông nghiệp, đẩy rất nhiều gia đình nông dân không còn đất canh tác, rồi xây ra những vụ kiện tụng và cả những cuộc xung đột đay tai tiếng giữa những người nông dân và nhà thầu. Phải chăng các tỉnh không có những khu đất hoang, những đồi thấp đồi cao cần cỗi, những khu đất lầy thụt để xây dựng, hay là vì muốn giảm chi phí cho nhà đầu tư mà các nhà quy hoạch, chính quyền địa phương đã ưu ái lấy đất nông nghiệp cho các nhà đầu tư xây dựng? Thành công của Thành phố Hồ Chí Minh trong việc xây dựng các khu đô thị mới trên những khu đất hoang, đầm lầy phải chăng đã cho chúng ta những suy nghĩ về việc sử dụng quỹ đất của quốc gia, nhất là đất nông nghiệp. Đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa tất nhiên phải xây dựng những khu công nghiệp mới, những khu đô thị mới nhưng đất nông nghiệp, nhất là đất cấy lúa phải được tính toán chi li sao cho đỡ bị thu hẹp.■

NGUỄN Hưng Hải nổi tiếng từ ngày còn trẻ, với một giọng thơ say đắm trước vẻ đẹp chân chất của quê hương – cái quê hương nghèo khó nhưng đầy thi vị qua con mắt của người đang yêu.

Không có người đàn bà nào đẹp hơn em trên thế gian

Là khi yêu nói thế

Bài *Đêm Thị Mầu* khiến ông thêm nổi tiếng không chỉ bởi nó hay mà còn vì nó hình như khác lạ hẳn so với chị em ruột của mình, trước đó. Khác về giọng điệu, về vẻ mơ hồ, về cái cách vừa quạt vừa phanh và nhất là về cái sân chùa mà lại lấm rêu của chất người.

Một thời kể đồn người đưa

Vào chùa mới biết sân chùa lấm rêu

Vâng, bằng vào “cú” vấp ngã của đời Mầu, ta suy luận sân chùa hóa ra lại là nơi có thể dễ bị say chân. Thế nhưng cứ miên man vào sâu trong tứ thơ, ta gặp cái chiều sâu nhân bản, cái nhân bản mà đầu bị giam triệt để vào cõi không, cõi tịch diệt, nó vẫn cứ bùng tin hiệu mà hể cứ là người thì có ăng ten bắt được tín hiệu ấy.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TRÊN LĨNH VỰC LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH

Hội Nhà văn Việt Nam cùng Hội Liên hiệp VHNT tỉnh Phú Thọ đã phối hợp tổ chức buổi Hội thảo thơ Kim Dung - Nguyễn Hưng Hải, ngày 14/9/2013, tại Tp. Việt Trì. Buổi hội thảo sau đó được đánh giá là ngang tầm với các cuộc tọa đàm hội thảo mà HNV tổ chức ở Hà Nội. Tham dự hội thảo có các ông Chu Ngọc Anh, Ủy viên (dự khuyết) T.Ư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, nhà thơ Hữu Thịnh, Bí thư đảng đoàn, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, các vị đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Ban Dân vận tỉnh ủy và UBMTTQ tỉnh Phú Thọ, cùng đồng đạo các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu lý luận - phê bình danh tiếng của Hội Nhà văn Việt Nam và của Phú Thọ. Nhà thơ Hữu Thịnh, Họa sĩ Đỗ Ngọc Dũng (Chủ tịch Hội LHVHNT Phú Thọ), nhà LLPB Lê Thành Nghị và nhà văn Nguyễn Hữu Nhân cùng điều hành hội thảo. Hội thảo đã nhận được ba mươi bản tham luận về thơ của hai tác giả. Nhà thơ Kim Dung và nhà thơ Nguyễn Hưng Hải được chọn như đại diện cho hai thế hệ thơ của vùng Đất Tổ, kế tiếp trong dòng chảy từ truyền thống đến đương đại. Hai nhà thơ đã đạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi thơ ở trung ương và địa phương, và đều được Giải thưởng VHNT Hùng Vương của UBND tỉnh. Trong phát biểu kết luận Hội thảo, nhà thơ Hữu Thịnh đánh giá cao thành công của hoạt động văn học này cũng như chất lượng của gần hai mươi tham luận của các nhà thơ, nhà phê bình Hà Nội và Phú Thọ đã trình bày, với những diễn giả đã được trao giải thưởng Nhà nước như Phong Lê, Vũ Quán Phương, Nguyễn Đức Mậu, Lê Thành Nghị.

NHỮNG TIẾNG VỌNG CỦA TÂM THỂ THỜI ĐẠI

Như một điểm triệu, sau thành công của *Đêm Thị Mầu*, Nguyễn Hưng Hải còn bỏ ra nhiều công phu để theo đuổi, để “tư duy hóa” thơ mình, nhưng thay vì nắm bắt được cái con lắc lẻo kia, thơ ông lại đâm sinh ra nhiều lỗi.

Tôi cho rằng, đối với thơ, phẩm chất cương dũng không thể đặt lên trên nhu nhuyễn, cái có thể tưởng minh thì khó còn chỗ cho thơ hiện diện. Xin hãy đọc chính Nguyễn Hưng Hải, ở một bài thơ khác, bài *Tôi đi*, đây là câu tác giả dường như không định khái quát gì, lại có vẻ cũng không “cơm nặng áo dày” gì:

Thăng năm lạng lẽ mẹ tôi

Lá đa quét mãi đến trời rã đa

Hình ảnh thật ám ảnh, nó lập tức bật khỏi bài thơ, thậm chí còn tự tách khỏi tứ toàn bài, riêng đứng làm một thành ngữ. Thêm một minh chứng cho luận điểm của nhà thơ Hữu Thịnh, câu thơ hay luôn có xu hướng tự bật khỏi bài. Khi đó, câu thơ có số phận riêng trong đời sống ngôn ngữ, tự sinh nở rồi tạo lập một không gian thẩm mỹ cho riêng mình.

Hai câu thơ bật khỏi bài thơ nói trên thì viết bằng chiêm nghiệm của cả một đời, viết bằng một tâm thể. Do vậy mà đọc không hết được.

Tôi hình dung, bước chững lại của Nguyễn Hưng Hải là một nỗ lực vượt thoát, không chịu làm cỏ dưới bóng cây thiên tuế; một minh chứng lại tích cực và cần thiết. Và hình dung ấy đã được chính ông khắc họa trong *Cây bàng mùa đông*:

Lúc trở trời một mình gió không còn đến bạn, chim không còn đến bạn nắng đi qua nhưng rất hột hờ

Trong nỗ lực làm mới mình, không phải lúc nào Nguyễn Hưng Hải cũng thành công. Chữ “hột hờ” là một chữ mới, ông sẽ còn lặp lại nó trong một bài thơ khác, nghe buồn cười và lười. Chữ “ơ hờ” của dân gian hay và thơ hơn thì bỏ phí mất; nhưng nếu tôi dùng thì đây cũng lại làm chứng cho những say vầy của kẻ kiếm tìm, của những “cây bàng mùa đông”.

Và khi đã qua mùa đông, cây bàng sáng tạo trong thơ Nguyễn Hưng Hải trở nên vạm vỡ và ngôn ngôn sức sống.

Nhưng nó không biến thành một diện mạo của ví dụ cây đa, vẫn là ông - Nguyễn Hưng Hải say đắm và hỗn hậu, nhưng hỗn hậu mà không thô, chân thực mà ý nhị một tâm thể:

Khi cây đã gặt đầu

Lá và gió cỡi nhau vô tích sự.

Vâng, đặt các bài thơ hay của Nguyễn Hưng Hải cạnh nhau, ta thấy hiện lên một tâm thể thời cuộc mà bài *Thơ hai câu dẫn trên đây* là bước đột khởi. Nói đột khởi vì trước đây ông cũng như nhiều đồng nghiệp thường lập ý theo đơn vị khổ thơ, những bài thơ luôn luôn có thể nối dài; đến đây thì chuyển hẳn sang lập ý theo đơn vị câu, thậm chí là chữ. Chữ còn lui và chữ đến trời rã đa đã trở thành hạt nhân của tứ thơ theo thi pháp như thế. Chữ còn, để làm mới thơ mình, Nguyễn Hưng Hải lắng nghe tâm thể mình chứ ít khi theo trào lưu, đó là nét quý sẽ góp phần tạo nên đẳng cấp thơ ông.

Có một tuyến tính khác để hình dung đời thơ Nguyễn Hưng Hải. Sống đến đâu biết đến đâu, biết đến đâu nói đến đâu; quá trình nghiệm sinh là quá trình thơ trưởng thành. Bài *Gió đàn ông* là thơ tình yêu, nhưng viết nó lại là khi đã đứng đứng tuổi. Bài thơ nói về những đêm của tình yêu sau lần nhận hoa hồng do anh con trai đem tặng. Đó là:

Đêm thứ hai cùng hoa hồng tỏa ngát

Đêm thứ ba cùng hoa hồng xoe tung

Đêm thứ tư cùng hoa hồng rũ cánh

Đêm thứ năm cùng hoa hồng tàn phai

Để rồi, cái trực cảm hoa hồng là thứ hoa không quả đã thành sự thực:

Đêm thứ sáu hoa hồng đi đâu hết

và những đêm sau còn mỗi chiếc bình không

Hoa hồng còn đi đâu nữa, nó hóa thân thành một dư vị buồn mang tên “gió đàn ông”, nó còn cảnh báo một thói đời chiếm đoạt không phải bằng tình yêu.

Nhưng tình yêu và hôn nhân mới là cấp độ thứ nhất của thức tỉnh. Sống chậm chút với đời, Nguyễn Hưng Hải phát hiện ra sự trái ngang của thời cuộc rất sớm. Và thơ ông chợt bùng nổ cả ý lẫn lời khi nói về nó. Chúng ta biết

Nguyễn Hưng Hải từng sở hữu một giọng thơ đậm thắm hỗn hậu, ông hỗn nhiên đến mức có cảm giác dễ tính. Nhưng đúng là lành với bụt ai lành với ma. Cái đáng quý ở thơ Hải là giận, rất giận nhưng không mất khôn. Xin hãy nghe ông chuyện trò với cô, bài *Cổ phố*:

Sợ chết sặc chết khô

Cổ bò vào trong phố

Mon men gốc cây

Mon men sát mép đường loang lổ

Cổ bắt đầu đòi cổ chỗ người đông

(...) Những cao tầng đã ăn hết mặt trời

Ăn hết mặt trăng

Bóng đèn lên cổ

Đèn lên mơ mộng của đồng quê

Lấm bụi vỉa hè

Cổ bắt đầu xanh non kiểu cổ

Ở nhà già bên tàu

Chỉ có lắng nghe thật sâu tâm thể mình, Nguyễn Hưng Hải mới nghe được tâm thể thời đại, ở các khía cạnh bất ngờ nhất, đưa ông lên tốp đầu của binh diện thơ thế sự. Ở chùm bài *Chi bộ xóm tôi*, *Phản xạ*, *Trong cảm giác*, *Hoa hương dương*, *Bão nơi mộ Tổ*, *Trí thức làng*, *Sên ốc...* mức độ thành công khác nhau, tùy thuộc vào độ nhu nhuyễn giữa tình và thế, giữa hình tượng và cách lập tứ nhưng ngay cả ở bài còn sượng nó cũng góp phần tạo nên chỗ đứng mới cho tác giả, hay nói cách khác, chỗ mà bạn đọc hôm nay cần nhà thơ đứng lên; đó là nơi tuyến đầu của cuộc chiến chống bất công, tham nhũng, lãng quên quá khứ.

Vâng, không thể không lớn tiếng lên dù lời nói còn chưa kịp chọn lựa cho nhẹ tai người nghe, vì cơ sự đã đến mức:

Làng có những đứa con sang Mỹ

lập trình

Lập trình trên khắp cả hành tinh đang

nổi mạng

Nhưng ở chính quê mình bao đứa trẻ mùa thi không điểm toàn

Không như là trí thức trở về không

(...) Những trí thức làng

Xập xệ kính đeo

Bước xuống khỏi xe cò người theo

xách cặp

Không giúp nổi ngôi chùa làng đang thiếu Phật

(...) Bao đồng góp dân làng thêm

túng thiếu

Gọi trí thức về làng mà hỏi cái vung tay

Không biết vì đâu và từ bao giờ, cơ sự lại ra nông nổi ấy. Bây giờ, cuộc sống lại là một thứ văn xuôi lem nhem; một chi tiết văn xuôi điển hình trong một hoàn cảnh điển hình ... mà hỏi cái vung tay mới đầu xót làm sao? Ở bài *Chi bộ xóm tôi* cũng thật nhiều chi tiết “văn xuôi” như thế:

Chi bộ xóm hợp trong hơi men rượu

Nói đầu đầu toàn chuyện ở trên trời

(...) Chân lấm đất mà lơ mơ về đất

Cây con gì ai cũng nói chung chung

(...) Qua rất nhiều biểu quyết lăm giờ tay

Xóm vẫn nát, nhà đảng viên vẫn giết

Đọc bài *Hỏi người về sỹ đứng canh*

đến mới thật nhiều suy tư ngoài thơ. Chúng ta biết, về sỹ canh đêm Hùng không phải là hình tượng ông trừng Thiện ông trừng Ác như nơi đình đến ở các miền quê. Ấy là về sỹ của nơi tôn nghiêm quốc thể, của kỷ cương phép nước cho quốc thái dân an, cho tâm linh bình ổn. Vậy mà rồi nhà thơ phải buông câu trách cứ:

Lúc trao gươm Vua nói những gì

Người đang đứng ở đầu trong góc khuất

Sao về sỹ ngàn năm không đổi gác

Nét mặt nhìn không một chút ưu tư

Vệ sỹ đứng canh hay vệ sỹ đứng chờ?

Bão ở nơi mộ Tổ là một bài thơ đau đớn. Câu thơ *Tôi linh cảm thấy những chuyện chẳng lành khi bão làm gãy cây nghìn năm như hồi kèn báo động* cứ vang xa rồi ngân lại, mỗi lần trở lại thì đã mang một cấp độ báo động khác:

Tôi linh cảm rõ ràng có chuyện không bình thường đã xảy ra, sắp xảy ra trong cơn bão lòng người

Cho đến khi thật khó hình dung nếu những ai đó còn chưa biết giật mình:

Tôi linh cảm rõ ràng cột đá thế bị bão lung lay, voi tan tác cả đàn khảnh tướng chỉ còn biết chấp tay lạy trời, khẩn Phật

Tôi cũng không biết cách làm thế nào để chấn hưng khi ngôi chùa làng thiếu Phật, khi người ta bắt đầu quên quá khứ, đến nỗi cái áo Trường Sơn năm nào chẳng bị ẩm ướt do mưa, người ta vẫn phải đem phơi lại: *Ướt đầu mà áo mang phơi/ Phơi là phơi lại cái thời Trường Sơn*. Bài *Mưa thành cổ* có câu thơ như bật hẳn khỏi bài: *Khum tay chầm lại nỗi niềm/ tắt từ đêm trước, từ đêm mưa nào*; hay thì hay thực, nhưng cũng thực xót xa, khi cái đau chung đã thành rũi ai nấy chịu. Và đây nữa, khi thói tào lao đã thành một chứng nghiện, thì người ta sẽ cai nghiện thế nào: *Hạt gạo bị xem thường – lúc no/ Bia rượu bị xem thường – khi quá chén/ Bao thử nghiệm trên đời/ Ghê nhất nghiện tào lao*. Vâng, nghiện tào lao và nghiện vung tay nói những chuyện trên trời. Nhưng phải đến bài *Ban mai chông mặt*, cái tâm thể thời cuộc mới ở vào vị thế đối thoại thẳng thắn với sự suy thoái, khủng hoảng để đưa tác giả của nó lên một tầm nhân cách. Đến bài này, hình tượng thơ bỗng trở nên tương phản một cách gay gắt, ngôn ngữ thơ chợt trở nên day nghiền giận hờn:

(...) Đòi kếm thăng hoa thành ông tiên bà chúa, mỗ hời ròi mà vẫn bị nghi ngờ, áo ấm cơm no trên bờ tường áp phích, khán giả diễn viên đều đồng kịch, ai làm hể ai cứ nghĩ mình không

Nhưng cái đáng kể nhất ở bài thơ là tâm thể của tác giả, chính nó tạo nên tư thế, làm chứng cho sự trung thực và trên hết cả, nó tạo nên ý thức xây dựng của người trong cuộc. Nó chính là niềm tin cuối cùng còn son sắt với cuộc đời.

Sau đổi mới thi pháp và đổi mới tâm thể, Nguyễn Hưng Hải vẫn còn là chính ông để bạn đọc dễ dàng nhận ra khi gặp lại. Vẫn một Nguyễn Hưng Hải hỗn hậu và đắm say, cổ già giận hơn, to tiếng hơn, âu cũng là “bởi chúng hay ghét cũng là hay thương.” Nói theo cách khác, chính hạt nhân hỗn hậu, sau “va đập” với thời cuộc đã bùng nổ, tạo nên gia tốc.■

MỘT DÒNG LẶNG SÔNG XUÂN

NGUYỄN ĐÌNH VY

KIM Dũng "làm thơ" chứ không như ai "nghĩ ra thơ", như một dòng sông mùa xuân, mà khởi nguồn từ những dòng suối của ấu thơ: hình ảnh người bà nội xuất thân trong một gia đình nho giáo quê Thăng Long thuộc rất nhiều kinh bốn đạo Phật, chuyện cổ tích, ca dao, tục ngữ, thuộc lòng *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, *truyện nôm khuyết danh*; người cha giỏi chữ nho, làm thuốc và hay đàm đạo thơ phú với các cụ, cụ tú trong vùng cùng những áng thơ tràn đầy khí phách của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh; người mẹ thực hiện với những lời ru ngọt ngào; hình ảnh của Bạch Hạc - nơi "khí thiêng sông núi", vùng đất "sơn châu thủy tự", "đất lành chim đậu"... - những nguồn cảm hứng trong ông từ thời cắp sách đến trường...

Thơ ông nhiều sắc màu, mà chủ đạo là những bức tranh thơ tươi sáng, ấm áp tình người, hiền hòa, đôn hậu như bản tính con người ông vậy. Đồng thời, đây đó trên sông thơ của ông xuất hiện những con sóng ngầm của dòng chảy mùa hạ, nét trầm buồn, ưu tư của mặt nước sông thu.

Trên đó nổi bật vẫn là xúc cảm về quê hương đất nước, về thế sự, về lòng trắc ẩn trước những số phận cuộc đời và khát vọng hạnh phúc. Điều này rất rõ qua ba tập thơ trong gần mười năm trở lại đây của ông: *Lòng tay hình châu thổ* (2004), *Dấu ấn thời gian* (2008), *Lục bát tôi yêu* (2011). Năm tập thơ trước đó của ông tựa như "khúc dạo đầu mở nghiệp".

Quê hương là những nỗi niềm canh cánh thức trong ông cả trong không gian và thời gian. Là những cuộc trở về nguồn *Từ Minh Nông nghĩ về cây lúa, Non nước vua Hùng mở hội thơ, Bến Hạc chiều xuân...* Là nỗi ám ảnh lời ru của mẹ từ thuở lọt lòng mà ông vẫn còn mắc nợ suốt đời: "Ngày xanh mòn mỏi qua đi/ Lời ru vẫn cứ thấm thì trong tôi/ Đã đi quá nửa đời người/ Vẫn còn mắc nợ những lời mẹ ru" (*Nhớ lời mẹ ru* - bài thơ được giải trong cuộc thi thơ lục bát của tuần báo Văn nghệ 2002 - 2003). Là niềm trắc ẩn cảm động về người chị cả, từng thay mẹ nuôi em, với biết bao kỷ niệm "Từ thuở trong nôi đến bạc đầu" vẫn day dứt trong ông vì mình chưa đến đáp gì cho chị. Là làng Bạch Hạc, nơi "chôn nhau cắt rốn", chứng tích của Phong Châu Đất Tổ, trải bao thăng trầm, nay quê hương đã đổi mới trong niềm vui dạt dào của tác giả: "Tôi thức với dòng sông thiên phú để cánh bướm hát đón mặt trời lên..." (*Thức với dòng sông*). Gần ba mươi bài thơ về nơi sinh thành và miền quê Phú Thọ trong ba tập thơ nêu trên của Kim Dũng - như nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Khắc Xương nhận xét: "Thơ Kim Dũng, ngôn ngữ trong sáng, giản dị, giàu nhạc điệu, tình cảm đậm đà, sâu lắng với tình yêu quê hương tha thiết nhưng thấm lặng".

Trước thế thái nhân tình, nhiều khi Kim Dũng cũng phải "vịn câu thơ mà đứng dậy" (Phùng Quán), và anh suy ngẫm về cuộc đời, rằng: "Đời người một thoáng mây trời xanh như lá, bạc như vôi ấy mà" (Trịnh Thanh Sơn). Tuy vậy, mọi suy tư của ông về thế sự "với ý thức công dân rất đáng trân trọng" (Trịnh Hoài Đức). Có tới gần hai mươi bài Kim Dũng nói về đề tài này với sự khám phá tinh tế, sâu sắc, qua nhiều giọng nói, đặt ra những vấn đề có tầm khái quát sâu rộng

Sinh ra và trưởng thành từ Đất Tổ, trở thành một nhà giáo rồi nhà quản lý giáo dục, và một nhà thơ, trên quê mẹ, với cương vị Phó chi hội nhà Văn Việt Nam tại Phú Thọ, Phó chủ tịch Hội đồng nghệ thuật, phụ trách biên tập thơ tạp chí Văn nghệ Đất Tổ nhiều năm, nhà thơ Kim Dũng đã có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp phát triển văn học - nghệ thuật. Giữa đời ngũ thơ hùng hậu, đa phong cách của Phú Thọ, thơ Kim Dũng in một dấu ấn khó quên trong lòng bạn đọc: một hồn thơ trải rộng nhiều vùng cảm xúc, lại hài hòa cân đối, đậm chất nghĩa tình, nhưng luôn chứa chất một nỗi buồn lặng thầm thía, chân thực. Kim Dũng đã có hơn bốn mươi năm theo đuổi nghề thơ, quá nửa đời người, thiết tưởng chưa quá dài so với các bậc tiền bối của làng thơ Việt. Đọc "gia sản" thơ Kim Dũng, chợt tưởng như chảy theo một dòng sông thơ không ngừng nghỉ, chưa đến điểm tận cùng. Bốn mươi năm thơ ông như "MỘT DÒNG SÔNG XUÂN LẶNG ĐỎ PHÙ SA".



Ảnh: HỮU ĐỐ

vừa là phản ánh, vừa là dự cảm, dự báo... (Trái đất hóa tình nhân, Thanh danh, Thất trăm số, Tượng Mỹ Châu, Dòng máu Úc Trai, Không để...) Tuy tác giả không cao đàm khoát luận, trắng ngôn sát khí, nhưng "vẫn ánh lên vẻ sắc sảo trong nhiều suy tưởng về nỗi đời, nỗi người" (Trịnh Thanh Sơn). Song gần với tên tuổi nhà thơ bấy nay về đề tài này phải là bài *Đếm sao*. Với những con chữ vàng ghi lòng:

Tôi nhìn sao mãi thành quen
Những ngôi sao mọc đua chen giữa trời
Có ngôi sao ngủ sáng ngời
Qua đêm mưa gió tắt rồi còn đâu!

... Có ngôi sao cứ lặng yên
Tự mình phát sáng mọi miền thành thơ

Để rồi: Nhìn trời tôi hát ngẫu ngao
"Sao thấp thì sáng, sao cao thì mờ"...
Và bài *Bóng người*, với lời tự nhủ:
Hình nào bóng ấy theo nhau
Bóng mình đứng lẫn ở sau bóng người.
Gần nhất, thể hiện bước ngoặt cho

thể tài này là bài thơ *Không Để*, một tứ thơ lạ, một giọng điệu lạ mà tinh tế, dấu ấn của sự tìm tòi sáng tạo vượt "khuôn" của tác giả

Là xanh

Mặt cắt
Mỏng manh
Uốn theo chiều gió trên cánh lá rơi
Xem kia

Có chú chia vôi

Hót gì
Chợt thấy bóng người
Vội bay?

Ta thường nghe nói chim chia vôi hót khi có khách; vậy ở đây có gì con chim ấy thấy người phải vội bay?... Tứ và nghệ thuật cấu tứ như thế là yếu tố trọng yếu

để khám phá phong cách sáng tạo thi ca của thi sĩ. Thơ Kim Dũng có nhiều bài cấu tứ như thế. Nhưng chưa phải là tỷ lệ cao!

Cùng với sự nghiệp làm thơ, Kim Dũng gặt hái khá nhiều thành công trong sự nghiệp làm thầy, làm báo. Ông sống điểm đạm, khoáng đạt với mọi người, vui hết mình trong công việc... Nhưng đời riêng ông cũng không ít những nỗi buồn, day dứt... như ông tự bạch trong thơ: "Đắng cay chua chát là mình/ Ngọt bùi thơm thảo người dành thế thời"... Có thể vì thế chăng, thơ ông còn cho thấy một hồn thơ khát yêu, khát khao hạnh phúc, với những liên tưởng, qua một ánh mắt, nụ cười, một đồng cảm... Thậm chí trước một số phận khổ đau.

Thơ tình của Kim Dũng đậm đà, say đắm. Dường như càng có tuổi tình càng đắm say, nồng nàn. "Ngày xanh vó ngựa qua mau/ Tóc mây thoáng đã ngả màu tuyết sương/ Ráng chiều đỏ ghé môi thơm/ Thì yêu cháy buổi hoàng hôn ngại gì" (Ngại gì)

Khoảng bốn mươi bài thơ tình của ba tập trên là khao khát hạnh phúc trong ông, căng như dây đàn, khê đặng đã rung ngân, da diết... "Nhưng tất cả đều thánh thiện, đẹp đẽ" (Nguyễn Hưng Hải). Nổi bật là những bài: *Chiều sông Thao*, *Thành phố chiều mưa*, *Đêm mưa Hà Nội*, *Đêm mưa*, *ngủ lời*, *Thung lũng tình yêu*...

Hơn bốn mươi năm đam mê cầm bút: "Mồ hôi đầm phù sa cây đào/ Cánh đồng thơ mê mải gieo trồng"; và mong ước:

Tôi muốn mỗi câu thơ
Như hạt phù sa ấy
Để khi nhìn trang giấy
Mùa màng không quay đi
Kim Dũng đã không phụ lòng chính mình và độc giả. Tới cái đích ấy, ông đã

nghiêm túc với những điều nguyên, những quan niệm về nghề thơ và thơ. Đã trải qua những năm tháng "Ngậm ngải tìm trầm". Vượt lên những khó khăn, gian truân cuộc sống. (*Châu thổ lòng tay mà xa cách quá/ thơ và đời hỏi bạn tri âm*)

Những vần thơ lòng dạ lòng và nỗi trăn trở của ông về chuyện nghề, phải chăng cũng là bài học quý giá cho những ai nguyện dấn thân vào con đường văn chương.

- Chữ nghĩa bơi như cá ngược dòng
Vượt qua bao bến bờ ghềnh thác
- Bàn tay ta cây xối toát mồ hôi
Những giọt chữ lọc sàng bao bể cát...
(Lòng tay hình châu thổ)

Nhất là những quan niệm của ông về việc làm thơ và thơ:

- Là nhà thơ chưa đủ
Phải là kẻ tình nhân
Boa-lô từng bảo thế
Thơ là người tri âm

(Thi nhân)

- Phải từ trong cuộc bể dâu
Câu thơ hải tự nổi đau nhân tình
(Ngậm ngải tìm trầm)

Kim Dũng, một nhà thơ của niềm đam mê và phong cách bút pháp riêng khó lẫn. Kim Dũng có thể nói là Nhà giáo - Nhà báo - Nhà thơ. Nhưng nổi bật nhất, Kim Dũng là nhà thơ của lục bát đậm đà, nồng nàn, thao thiết với lời nguyên: *Thi theo cho đến mãn chiếu/ Câu ca có tám nhiều điều giá gương*. Sự thủ thủ, kín đáo, trầm lắng, tinh tế... trong cảm xúc, suy tư, từ góc gác phong cách mô phạm nhà giáo là chất giọng khó lẫn trong thơ Kim Dũng.

Khi thơ "hậu - hiện đại" đang bung ra những thơ văn xuôi, thơ không vần... với những cách tân đa dạng... như thơ Vi Thùy Linh, Đỗ Trí Vương, Tô Thùy Yên..., loại thơ hình như trọng sự cảm hơn sự hiểu!... thì dòng thơ truyền thống như thơ Kim Dũng và khá nhiều nhà thơ khác vẫn trụ vững trong lòng người đọc.

Vì thế tôi càng đồng tình với ý kiến của GS.TS Nguyễn Văn Hạnh: "Bàn về sức hấp dẫn của văn chương, tôi nghĩ rất đáng suy ngẫm ý kiến của Hồ Chí Minh về những khâu thiết yếu của quá trình sáng tạo: "Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào? Viết rồi phải làm gì?"

"Với nhà văn, sống không có nghĩa là sống nhiều năm nhiều tháng" (Ma văn Kháng). Vì thế nhà văn đâu chỉ tính bằng số lượng tác phẩm để cho đời! Mà điều quan trọng là có những điều tốt đẹp được nhớ mãi, gắn với tên tuổi mình. Như lâu nay trên quê hương Đất Tổ, với bạn hữu gần xa, đã có một Kim Dũng nhà thơ gần tên tuổi mình với những bài thơ - những tám danh thiếp cao quý, được ngưỡng mộ: *Từ Minh Nông nghĩ về cây lúa*, *Nghe mẹ hát ru*, *Bài thơ tặng chị*, *Bến Hạc chiều xuân*, *Thành phố chiều mưa*, *Hà Nội đêm mưa*, *Đếm sao*, *Bóng người*, *Ngậm ngải tìm trầm*... góp phần làm giàu giọng điệu thơ ca Đất Tổ.

Cảm nhận về Kim Dũng, xin mượn vần thơ tri âm của thi hữu Hoàng Quý, từ Vũng Tàu gửi tặng ông:

Anh - hiền lúa trung du lấm bụi
Chim hương ngậm ngọt sa bồi
Anh - trái hồng vương bến Hạc
Vị thơm giòn neo giữ nơi tôi...■

ĐỌC SÁCH

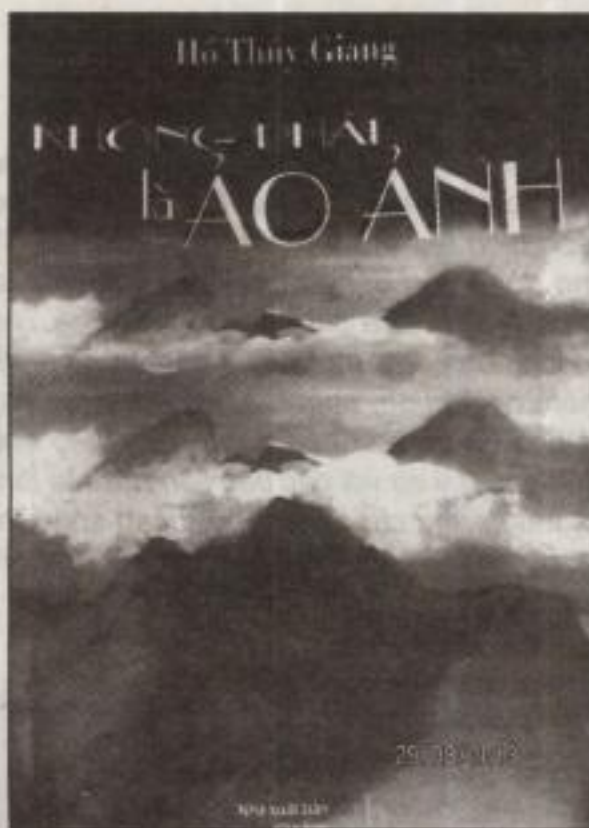
CÂY TRUYỆN NGẮN TRÊN ĐẤT THÁI NGUYÊN

(Độc Không phải là ảo ảnh, tập truyện của Hồ Thủy Giang, Nxb Văn học, 2013)

VŨ NHO

KHÔNG phải là ảo ảnh - Nghe như Hồ Thủy Giang muốn đối thoại, tranh luận với bạn đọc. Mà lại cũng như tác giả muốn tranh cãi với chính mình, thay đổi cách nhìn hiện thực của mình. Bởi năm 1997, tác giả đã in tập truyện ngắn có nhan đề *Ảo ảnh*.

Ba mươi tám truyện, từ chuyện trẻ con (*Kim*) đến chuyện người lớn (*Lão cán ke*); từ chuyện anh ăn cắp vật đến chuyện của đại gia (*Tên trộm*, *Nửa giờ với một tỉ phú*); từ chuyện văn sĩ (*Quyển được nói to*) họa sĩ (*Danh họa*) sang chuyện nhà thơ, chuyện nhạc sĩ (*Nhạc sĩ*); từ chuyện góc phố nghèo (*Người kéo xe ba gác*), đến chốn ăn chơi (*Sân nhảy*); từ chuyện tòa án (*Có một phiên tòa*), đến chuyện *Chia tài sản*; từ chuyện *Vàng*, *Báu vật*, đến chuyện cái *Đệm điện*, chuyện *Chiếc nhẫn*... Có cảm giác chỗ nào ở cái mảnh đất Thái Nguyên này, từ phố thị cho đến xóm núi mờ sương... ông nhà văn này cũng có mặt và nhặt ra chuyện. Đủ loại. Từ chuyện to đến chuyện nhỏ, chuyện buồn đến chuyện vui, chuyện thương tâm đến chuyện bức xúc; chuyện ngành này, nghề nọ... Nhặt ra, đưa lên để cùng bạn đọc suy ngẫm về nhiều phương diện của thời cuộc, lẽ đời... Chẳng hạn, sao cái khoảng cách hơn một mét mà một trong hai người không thể vượt để gặp nhau? (*Khoảng cách*). Rồi cái giá của niềm tin ở cuộc đời này là bao nhiêu? (*Giá của niềm tin*). Ứng xử của chị em sau phiên tòa là thế nào? (*Có một phiên tòa*). Tỉ phú mà cũng khổ. Nỗi thống khổ của tỉ phú là gì? (*Nửa giờ với một tỉ phú*). Vì sao ông ta lại không thể làm một người bình thường? (*Một người không thể trở thành... người bình*



thường). Báu vật của hai vợ chồng nhà nọ là gì? (*Báu vật*)...

Có thể thấy rất rõ một điều. Trước đây Hồ Thủy Giang say sưa với những nét đẹp của cuộc sống mới, nhiều điều lãng mạn, nhiều điều tốt đẹp, dù đời sống thực không thiếu những khó khăn, gian khổ. Giờ đây, anh điểm tĩnh hơn khi tiếp cận với nhiều điều buồn, nhiều chuyện đau lòng, nhiều thứ trở trêu... Cái giọng kể vui tươi, hóm hỉnh, tràn đầy niềm yêu đời, lạc quan giờ được thay bằng giọng điềm đạm, kim nén, ẩn chứa nhiều băn khoăn, day dứt.

Trước đây truyện của Hồ Thủy Giang thường khá dài. Anh thích kể, thích tả, thích trữ tình ngoại đề. Bây giờ, sau khi đã thành công với thử nghiệm truyện mi-

ni (Được giải thưởng, rồi in tập *Tuần hoàn của đất*, 2003), Hồ Thủy Giang thích viết cô đọng. Mỗi truyện quân bình trên dưới bảy trang in. Có truyện còn ngắn hơn như *Khoảng cách*, *Đệm điện*, *Nhạc sĩ*, *Danh họa*, *Sáu chữ*, *Vàng*... Việc tiết chế này là một xu hướng tốt. Bây giờ bạn đọc có quá nhiều thứ cần đọc và mời đọc. Họ không có nhiều thời gian. Hồ Thủy Giang đã đi đúng một hướng của truyện ngắn hiện đại: truyện ngắn cần phải ngắn, càng ngắn càng tốt.

Có thể nói Hồ Thủy Giang có duyên kể chuyện. Chuyện chẳng có gì, nhưng nhờ cái duyên đó mà nhà văn giữ được người đọc, người nghe. Rồi dần dà cuốn hút họ. Ví như truyện *Đệm điện* trong tập truyện ngắn này. Cu Quân nói với ông nhà thơ rằng ai nằm đệm điện thì cãi nhau và bỏ nhau. Ông nhà thơ kinh ngạc không tin. Cu Quân lại rất tin tưởng, vì thấy bố mẹ thằng Hoàng bỏ nhau; bố mẹ nó thì cãi nhau và đã làm đơn li dị... Vậy là dẫn dụ người đọc theo để xem cái đệm điện kia đã làm gì nên nổi. Có thể gặp nhiều "duyên kể" của Hồ Thủy Giang trong tập truyện này, và anh giữ được cái duyên kể ấy thật bền qua mười một tập truyện ngắn đã in.

Nếu ai hay theo dõi các giải thưởng thì sẽ có một sự kinh ngạc khác: Hồ Thủy Giang là người luôn luôn có duyên với giải thưởng. Hầu như "tuần chay" giải thưởng nào anh cũng có "nước mắt", lại những giải cao. Công bố 27 tác phẩm gồm truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, kịch bản phim truyền hình, thơ, bình thơ trong đó có 12 tập truyện ngắn, Hồ Thủy Giang ẵm tất cả 20 giải thưởng của *Báo Văn nghệ*, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, *Báo Tuổi trẻ*, *Hội Nhà văn*

thành phố Hồ Chí Minh, ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học - nghệ thuật Việt Nam... Truyện ngắn của anh được làm luận văn thạc sĩ, được chọn vào sách giáo khoa tiểu học, sách giáo khoa văn học địa phương...

Nhớ lại những truyện được giải của Hồ Thủy Giang trên *Tạp chí Văn nghệ Việt Bắc* trước đây, như *Cô bánh xích*, *Những trang bản thảo*, *Bông hoa cỏ đơn*..., và cả những truyện bình thường không có giải như *Ông Lừng Vang*, *Có một cô gái trong đời*, *Lúc ấy biển hoàng hôn*... mới thấy Hồ Thủy Giang đến nay vẫn không mấy thay đổi về bút pháp. Vẫn cách dựng chuyện giản dị; vẫn sự quan sát tinh tế, chi tiết, anh ít dùng các thủ pháp lạ hóa, huyền tưởng, huyền ảo... Nói vậy không có nghĩa là Hồ Thủy Giang không biết đến những thứ đó. Chẳng những biết, mà anh dùng cũng thành thực chẳng kém ai trong các truyện *Trình nữ*, *Đổi thủ*.

Truyện ngắn là một thể loại khó. Không ít các cây bút đoạt giải cao trong các cuộc thi rồi sau đó lặn một hơi, mất hút. Một số nhà văn chỉ coi nó như là bước tập dượt để rồi khi đủ lực, sẽ toàn tâm thử sức với những truyện vừa và tiểu thuyết. Một số người viết thì song song cả truyện ngắn với tiểu thuyết. Hồ Thủy Giang có viết tiểu thuyết (được in lại hẳn hoi) và nhiều thể loại khác. Nhưng rút cuộc thì truyện ngắn mới là sở trường, mới là gia tài của anh. Gọi Hồ Thủy Giang là cây truyện ngắn thiết nghĩ hoàn toàn xứng đáng với những đóng góp của một nhà văn miệt mài và âm thầm lao động trên mảnh đất Thái Nguyên. ■

MỘT CUỘC TRIỂN LÃM VỀ CHÂN DUNG VÀ NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

(Độc Bảy nàng Bạch Tuyết và chú Lùn, tập truyện ngắn của Nguyễn Hiếu, Nxb Văn học, 2013)

LÊ HUY QUANG

NẾU tính từ tập truyện hài *Chuyện cái vôi nước* của Nguyễn Hiếu (1984); thì *Bảy nàng Bạch Tuyết* và *chú Lùn* là tập truyện ngắn thứ tám của ông. Lần này, Nguyễn Hiếu in 14 truyện ngắn viết trong thời gian gần đây, hầu hết đã được in báo.

Nguyễn Hiếu viết về nhiều loại người trong xã hội với cách tiếp cận và thể hiện riêng bằng bút pháp hài hước xen lẫn huyền ảo đã tạo ra sức hấp dẫn riêng. Ở *Bảy nàng Bạch Tuyết* và *chú Lùn*, Nguyễn Hiếu vẫn trung thành với sự tiếp cận đó, nên chỉ gói tròn trong 14 truyện ngắn, một lượng không nhỏ các nhân vật thuộc nhiều thành phần xã hội đã xuất hiện. Từ người nông dân, khi trở thành nạn nhân của sự đô thị hoá, đang làm bằng hoại nhiều đức tính, nếp sinh hoạt truyền thống của nông thôn (*Ông nông dân đi ra phố*, *Lại một ông nông dân ra tỉnh*); đến người nông dân vô tình chịu áp lực của những dự án, nên đã làm mất đi tình làng nghĩa xóm (*Khi là mùa gặt*, *Khi là mùa gieo*). Những cư dân tỉnh lẻ đang tập tọng du nhập các nền văn hoá "lạ", trở thành những tiểu chủ kèch cỡm trong thương trường nhốn nháo (*Khi nàng ma-nơ-canh không mặc áo*). Những gã đảo vàng, mơ tưởng có tiền là có quyền lực để chà đạp

lên cuộc sống đồng loại (*Bảy nàng Bạch Tuyết* và *chú Lùn*). Những à ca ve và chàng xe ôm, tuy sống dưới đáy xã hội, nhưng đầy nhân nghĩa và tình yêu thương đối với con người (*Tình bụi*). Những chàng thanh niên mới lớn, rượt đuổi tình yêu trong cơn lốc của cuộc sống (*Đường vòng tình yêu*, *Gần sáng nàng mở cửa ra về*). Rồi những con người chợt nhận ra ý nghĩa của cuộc sống khi trở về già (*Chuyện tình cũ rich*). Những anh bộ đội từ chiến trường trở về, làm ấm áp gia đình và hàn gắn lại vết thương cùng sự mất mát riêng tư trong chiến tranh (*Mắt con búp bê chớp chớp*). Anh công an điều tra viên một vụ trọng án với những bản khoản trước nhân tình thế thái (*Xung quanh anh là người*) - từ truyện ngắn này, Nguyễn Hiếu mở rộng thành cuốn tiểu thuyết *Mặt nạ để đời* - đoạt giải nhì cuộc thi do Bộ Công an và Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức. Trong *Bảy nàng Bạch Tuyết* và *chú Lùn*, còn có vài ba truyện ngắn có thể xếp vào thể loại mi ni, mà tác giả như muốn nói về số phận đối với mỗi con người (*Trò đùa của trời*); sự đa dạng trong tâm hồn và cách xử thế của lớp con gái mới lớn (*Đứa con gái ấy*); cũng như một lời nhắn nhủ về sự vay trả của một kiếp người (*Chuyện cô gái nhút nhát*)...

Gói gọn trong 230 trang sách, *Bảy nàng Bạch Tuyết* và *chú Lùn* của Nguyễn Hiếu đã làm nên một cuộc triển lãm khá đầy đủ về chân dung và cả những biến thái nhân cách con người ở đủ mọi tầng lớp xã hội - từ nông thôn đến thành thị trong thời kỳ kinh tế thị trường hôm nay - một cuộc trưng bày như có đôi chút tàn nhẫn, nhưng lại khá trung thực. Mặt mạnh của Nguyễn Hiếu có lẽ nằm trong lợi thế là sau hơn 40 năm làm báo, với sự phản xạ nhanh nhạy, ông dễ tìm ra những đề tài có thể viết thành truyện ngắn; như nhận xét của nhà phê bình Bùi Việt Thắng "Nguyễn Hiếu nhìn đâu cũng ra truyện ngắn". Cũng nhờ tổ chất báo chí, Nguyễn Hiếu còn có thể tung hoành và ghi chép được nhiều mảng đời khác nhau, với nhiều ý nghĩa xã hội sâu sắc, bằng một bút pháp hài hước. Dường như trong truyện ngắn nào của Nguyễn Hiếu, người đọc cũng thấy hiện lên nụ cười với nhiều cung bậc khác nhau. Nhận xét truyện ngắn *Khi nàng ma-nơ-canh không mặc áo*, nhà phê bình Nguyễn Thị Minh Thái nhấn mạnh "về căn bản, Nguyễn Hiếu vẫn ưa lối tả thực, với cách dựng truyện thống, dồn ép nhân vật hành xử



như một tên ngố của xã hội nông nghiệp Việt vẫn còn nhiều bể dâu đầu thế kỉ XXI. Thấy thương một kiếp đàn ông, cả đời "thả hình bắt bóng" và bỗng dưng... thấy nhớ cặp nhân vật Thị Nở-Chí Phèo vĩnh cửu của Nam Cao... Cái hay nữa ở truyện này là Nguyễn Hiếu còn khuyến mãi độc giả bằng cái hài sở trường của ông..."

Hy vọng, với những cố gắng trong việc phản ánh cuộc sống một cách chân thực. Qua một bút pháp hài hước, cách tân hết sức sắc sảo. Một tầm nhìn trách nhiệm của một nhà báo đã 40 năm lăn lộn, từng trải. Tập truyện ngắn thứ tám - *Bảy nàng Bạch Tuyết* và *chú Lùn* - của nhà văn Nguyễn Hiếu, sẽ mang lại nhiều cảm xúc mới mẻ, thú vị và lôi cuốn, hấp dẫn bạn đọc. ■

NGHỆ THUẬT

ÔNG là Hoàng Hà - một nhạc sĩ chẳng những được rất nhiều đồng nghiệp quen biết, trân trọng mà còn chiếm được sự ái mộ của đông đảo công chúng. Chỉ với một bài hát bất hủ *Đất nước trọn niềm vui*, ông đã xứng đáng ngồi mâm trên trong các chiếu nhạc sĩ sáng tác ca khúc hiện đại Việt Nam. Đây là một trong số những bài hát hay, nổi tiếng nhất viết về công cuộc Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bài hát ra đời ngày 26/4/1975-nghĩa là trước thời điểm diễn ra sự kiện trọng đại 4 ngày, chứ không phải được tác giả viết sau 30/4 như nhiều người

khác như Y Na là Hoàng Văn, Huy Quang là Phan Huỳnh Điểu, Lê Anh Chiến là Huy Thục, Nguyễn Thơ là Nguyễn Đình Phúc...do tính chất của cuộc kháng chiến chống Mỹ). Cùng kể vai sát cánh trong một chiến hào, mối quan hệ Việt - Lào như viên ngọc sáng ngời về tình hữu nghị giữa hai dân tộc, đã được viết nên trong *Gặp nhau trên đỉnh Trường Sơn* của Hoàng Hà. Nghe bài hát, có cảm giác như đôi bạn chiến đấu xuất thân hai dân tộc cùng đứng trên đỉnh cao Trường Sơn, cùng hát về cuộc chiến đấu chung. Từ tầm cao, tiếng hát vang vọng ra biển Đông, âm vang cả hai đất nước. Hoàng Hà còn nhiều ca khúc hay, có những bài nổi tiếng (với nghĩa lan toả được nhiều người biết), thực sự có giá trị

em ưa thích; trong khi Hoàng Hà chỉ có hai bài nhưng rất quen biết với tuổi mầm non là *Chú bộ đội* và *Con mèo ra bờ sông*. Có lẽ ông không nghĩ tới việc sáng tác cho tuổi thơ, nếu không có những năm tháng làm Trưởng ban Âm nhạc Thiếu nhi Đài Tiếng nói Việt Nam. Ông quả là có duyên với công việc này, khi cùng nhạc sĩ Mộng Lân phụ trách âm nhạc thiếu nhi của Đài, tạo nên một đời sống tinh thần phong phú cho các em bằng việc khích lệ các nhạc sĩ sáng tác được nhiều ca khúc cho tuổi thơ với những tác phẩm hay nhất. Cũng thời gian này, hai ông đã cho ra đời phong trào "Tiếng hát hoa phượng đỏ" là cuộc thi ca hát giành cho thiếu nhi trong phạm vi cả nước trên sóng phát thanh, rất nhiều

của Hoàng Hà hoàn toàn mới mẻ, hiện đại, chứ không lấy chất liệu từ một làn điệu dân ca cụ thể. Tuy nhiên, người nghe thấy rất gần gũi bởi được xây dựng trên nền âm nhạc truyền thống, thấm đượm hồn dân tộc. Đây là một hướng sáng tác được rất nhiều nhạc sĩ theo đuổi và đã thành công. Hoàng Hà thuộc "típ" nhạc sĩ luôn tự khó tính với bản thân, mặc dù ông viết không nhiều, số lượng tác phẩm để lại cho đời cũng khiêm tốn, nhưng với khoảng mười bài hát đặc sắc, có giá trị tư tưởng, thẩm mỹ cao, trở nên nổi tiếng, ông đã chiếm một vị trí xứng đáng trong trái tim công chúng.

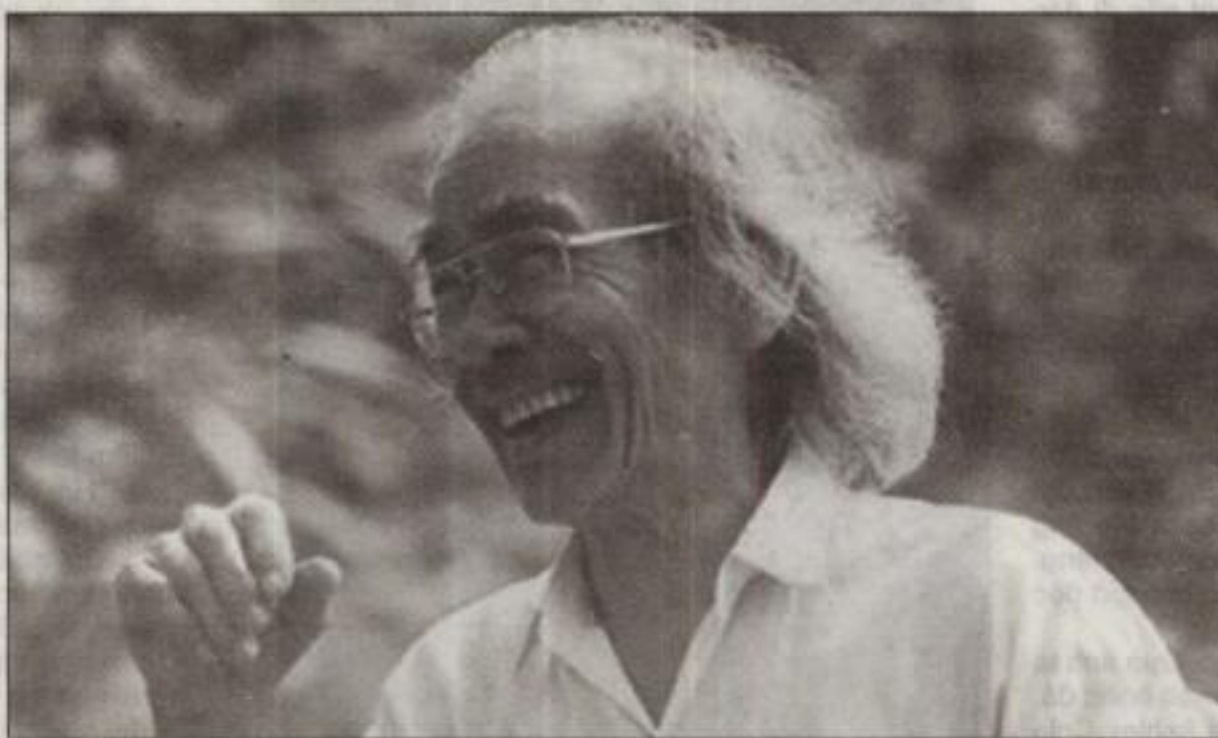
Nhạc sĩ Hoàng Hà có tính cách mềm mỏng, khiêm nhường, sống nội tâm, không ồn ào, khoa trương, có lẽ, chưa một lần ông xuất hiện, đăng đàn trả lời phỏng vấn...trên bất cứ một phương tiện truyền thông nào. Với ông, tôi có một vài kỷ niệm không thể quên. Hồi còn làm phóng viên nghệ thuật ở một tờ báo, có lần tôi đến gặp ông với tư cách Trưởng ban Âm nhạc Thiếu nhi của Đài Tiếng nói Việt Nam, muốn phỏng vấn về phong trào ca hát thiếu nhi, gắn với cuộc thi "Tiếng hát hoa phượng đỏ" rất nổi tiếng. Ông tiếp tôi nồng nhiệt, chuyện trò, đàm đạo rất sôi nổi cả giờ, nhưng cuối cùng từ chối trả lời phỏng vấn, thay vì đã giới thiệu gặp người phó của ông là nhạc sĩ Mộng Lân. Riêng tôi có một số ca khúc thiếu nhi được các em ưa thích trong đó có *Hè về*, không có Hoàng Hà, bài này không thể ra đời được. Khi gửi đến người biên tập khác trong phòng Âm nhạc Thiếu nhi, chờ cả năm tôi vẫn chẳng thấy gì. Hình như người ta đã vứt nó vào sọt rác. Nhiều nhạc sĩ khen bài này, "xui" tôi gửi lại cho Hoàng Hà. Ông yêu cầu tôi hát. Nghe xong, ông nói ngay: "Bài này không sử dụng thì phí". Tôi cứ nghĩ ông nói đùa thôi, có ý an ủi tác giả - không ngờ chỉ hai tuần sau - đã được nghe trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Và ông trao cho cậu con trai Hoàng Lương phổi khí. Hoàng Lương khi ấy mới ngoài 20 tuổi, đang học Nhạc viện Hà Nội, nhưng phổi khí rất giỏi, tạo nên những hiệu quả đột xuất, nâng chất lượng ca khúc lên rất nhiều, nên hầu như nhạc sĩ nào cũng muốn anh phổi khí cho phần giai điệu của mình trước khi thu thanh. Ông đã "cứu" một tác phẩm suýt nữa bị lãng quên. Tôi nghe nhiều nhạc sĩ khác cũng nói được ông "cứu" như vậy. Không phải người có quyền duyệt tác phẩm nào cũng có cái tâm vô tư, chí công như thế...

Theo quy luật tự nhiên, cõi vĩnh hằng đã đón ông lui về yên nghỉ cùng nhiều tên tuổi âm nhạc lẫy lừng khác. Vào hồi 16 giờ ngày 4-9-2013 vừa qua, nhạc sĩ Hoàng Hà đã vĩnh biệt những người ruột thịt, bạn bè và công chúng tại bệnh viện Lê Lợi (Tp. Vũng Tàu), hưởng thọ 85 tuổi. Không thể kể hết những tấm Huân chương, Huy chương, Bằng khen mang rất nhiều cái tên ý nghĩa trong cuộc đời công cán và sáng tác của Hoàng Hà. Tài năng và hiệu quả tác phẩm, công sức cống hiến cũng như tâm đức của ông thì ai cũng thấy rất rõ. Và đâu có thể nào đi nữa, thì Hoàng Hà vẫn cứ sống mãi trong tâm khảm hàng triệu công chúng - cả người lớn lẫn trẻ thơ. Có giải thưởng, danh hiệu nào cao quý hơn thế...■

CÒN MÃI HOÀNG HÀ

NGUYỄN ĐÌNH SAN

Vào một ngày đầu tháng 9-2013 vừa qua, nhạc sĩ Hoàng Hà- Hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam, nguyên Trưởng Ban biên tập Âm nhạc Thiếu nhi, Đài Tiếng nói Việt Nam - đã qua đời sau cơn bệnh hiểm nghèo. Trong sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật của mình suốt trên nửa thế kỷ qua, nhạc sĩ Hoàng Hà đã để lại nhiều tác phẩm là ca khúc, giao hưởng, cùng các bài hát cho thế hệ trẻ thơ...để lại những dấu ấn trong lòng công chúng yêu âm nhạc cả nước, cũng như trong dòng chảy của nền âm nhạc cách mạng đương đại Việt Nam...



Nhạc sĩ Hoàng Hà.

tưởng. Tôi cho rằng nếu bài hát *Như có Bác Hồ trong ngày đại thắng* của Phạm Tuyên là một tấm áp-phích bằng âm thanh, thì *Đất nước trọn niềm vui* của Hoàng Hà và *Em có nghe âm thanh ngày mới* của Nguyễn An là hai ca khúc xuất sắc nhất, có giá trị khái quát cao nhất, biểu hiện được sinh động nhất cảm xúc của triệu triệu người Việt Nam vào thời điểm ấy. Cũng xin nói thêm, sự nghiệp ca hát của NSND Trung Kiên gắn với nhiều thành tựu, nhưng người ta nhớ đến giọng hát nam cao đặc sắc này chính ở hai bài *Chào sông Mã anh hùng* (Xuân Giao) và ca khúc vừa nhắc của Hoàng Hà thay vì hàng trăm bài ông đã từng hát...

Hoàng Hà nổi tiếng khá sớm vào tuổi 27, đó là năm 1956, miền Bắc nước ta đang ngổn ngang công trình xây dựng lớn của năm hòa bình đầu tiên kiến thiết đất nước. Bài *Cầu Việt Trì* của ông ra đời đã nhanh chóng lan tỏa khắp nơi, lớp trẻ chúng tôi đã thuộc lòng: "ánh đèn sáng trên cầu Việt Trì, trong đêm khuya vẫn còn người về...". Lại cũng những năm tháng ấy, công chúng được nghe "Ngàn triệu người còn nghe dư âm muôn nhịp đồng ca đặc thắng ngân vang..." trong bài *Tiếng hát ngày thứ 7 cộng sản* của ông, cũng nổi tiếng không kém *Cầu Việt Trì*. Đến cuộc kháng chiến chống Mỹ thần thánh của dân tộc, nói về cuộc hành quân vượt dãy Trường Sơn tiến vào Giải phóng miền Nam. Bên cạnh những *Bước chân trên dải Trường Sơn* và *Đường tôi đi dài theo đất nước* của Vũ Trọng Hối, không thể không nhắc đến ca khúc rất gọn gàng, xinh xắn, nhẹ nhàng nhưng phơi phới lạc quan, dồi dào sức trẻ- *Cùng hành quân giữa mùa xuân* của Cẩm La- Cẩm La chính là một bút danh khác của Hoàng Hà (các nhạc sĩ miền Bắc sáng tác về cuộc chiến đấu Giải phóng miền Nam khi ấy, thường ký nhiều bút danh

Chúng tôi vẫn suy ngẫm nhiều về số phận tác phẩm nghệ thuật, nhiều khi như con người vậy. Có người tài đức song toàn mà không ai biết đến, cuộc đời cứ "chìm xuống". Ngược lại không ít kẻ xoàng xĩnh, văn dốt, vũ nhất mà lại nổi như cồn. Hình như đó là số phận. Tôi muốn nói đến bài *Mùa xuân tiếng đàn* của Hoàng Hà. Bài này thâm trầm, nghe rất bồi hồi, xao xuyến. Tác giả như đang chiêm nghiệm, gửi gắm một tâm sự gì đó sâu sắc, cao cả nhưng bình dị, khiêm nhường giữa thời khắc giao mùa của năm cũ và mới, có lẽ ra đời trong dịp tết năm 1980, nghe rất thú vị. Ấy vậy mà rồi cuộc, bài hát đã không được đánh giá đúng như giá trị của nó... Không ít nhạc sĩ chỉ chuyên sáng tác cho tuổi thơ, ca khúc của họ cũng không mấy được các

giọng hát hay, nhiều ca khúc đặc sắc cũng đã ra đời. Sau này, khi cả hai nhạc sĩ trên không còn phụ trách nữa mà thay thế bằng những người khác, rõ ràng thính giả - đặc biệt là các em- đã không còn biết đến làn sóng âm nhạc thiếu nhi...

Hoàng Hà không chỉ viết bài hát. Ông còn là tác giả phần âm nhạc phim truyện *Người về đồng cỏ* và đã cùng con trai - nhạc sĩ Hoàng Lương - viết bản giao hưởng hợp xướng *Côn Đảo*. Tác phẩm này được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tài trợ hoàn toàn về kinh phí để dàn dựng. Đây là một sự kiện đặc biệt vô tiền khoáng hậu ở nước ta. Những nhạc sĩ giỏi trong lĩnh vực khí nhạc, đã ghi nhận hiệu quả của tác phẩm này. Với sự ra đời của *Côn Đảo*, nền khí nhạc Việt Nam đã phát triển thêm một bước. Ngôn ngữ âm nhạc

LỜI THỀ SINH TỬ

Truyện ngắn của PHẠM THANH THÚY

THUÔN không muốn lão Nhạc vào nhà. Lão Nhạc già lụ khụ, ăn mặc lờn thối, dù con cái lão cũng chẳng đến nỗi nào. Quan trọng là trông lão rất kinh: Mặt mũi mồm miệng lở loét, đến con dâu mới về nó cũng khiếp, nằng nặc đòi chồng ra ở riêng, nói gì đến người ngoài. Thế mà lão Nhạc chẳng quan tâm. Lão suốt ngày ra đường, gặp cổng nhà nào mở cũng vào, gặp ai cũng níu lại nói chuyện. Cơ mà lão không điên, nói chuyện còn sắc sảo hơn người. Chuyện trên trời dưới bể kim cổ đông tây nào lão cũng tiếp được tuốt. Đã thế, lão lại hay ra ngủ ngoài nghĩa trang, lão kể nhiều chuyện ma quái, như thể thế gian này chỉ có lão giao tiếp được với người âm.

Lão từng là bạn thân của bố Thuôn. Người làng vẫn bảo ngày trẻ họ thân nhau lắm. Mà không chỉ hai người, còn có một người nữa. Cả ba đi bộ đội, người kia mất tích, lão và bố Thuôn về làng, rồi làm cán bộ, nhưng vì lão hay lèm bèm, nên sự nghiệp cán bộ rất ngắn ngủi. Ngược lại, bố Thuôn làm to, to dần, cuối cùng đã nghỉ hưu, hiện đang sống trong ngôi nhà to đẹp nhất làng, ngôi nhà mà lão Thuôn vừa đập cửa đòi vào đây.

Bố Thuôn từ trong nhà ló ra, khi lão Nhạc đập cửa, và ra hiệu cho Thuôn để lão vào. Và lại, hôm nay cũng là sinh nhật bố Thuôn, trong nhà con cháu đang ríu rít, không cho khách (đầu không mới) vào thì không ra thể thống gì, mà cho vào thì...

Sinh nhật bố Thuôn bảy mươi mốt tuổi. Trước hôm nay, cả nhà, bao gồm cả các em gái và mấy ông em rể Thuôn từ xa gọi điện về bàn bạc, sẽ tổ chức cho bố một sinh nhật thật to, thật to. Nhưng bố Thuôn bảo không muốn làm rùm beng lên, ông bảo thêm một tuổi là thêm một nấc đi đến già cõi và cái chết, chả hiểu sao người ta lại lấy đó làm mừng vui. Nhưng đó là bữa tiệc ông cho phép và phải trên tinh thần ấm cúng, vì thế các em gái, em rể của Thuôn đầu bạn mấy cũng cố gắng về dự.

Cho nên trong sân đã có sẵn hai chiếc xe con bóng loáng, lịch sự, và trong nhà thì ba ông em rể đang hí hả bên ông bố vợ một thời hét ra lửa. Em rể cả của Thuôn là nhà văn, nghe đâu cũng danh tiếng, sách xuất bản hơi nhiều. Em rể nhà văn mang biểu bố vợ một cuốn sách to đùng, bìa biếc có vẽ rất hoành tráng. Cậu ta khoe mình không dễ mua sách, ngay cả sách của chính mình, vì sách ra đến đâu là hết veo đến đó. Em gái cả của Thuôn không thích quà tặng của chồng, nó bảo đó là cuốn sách khiêu dâm, không nên để cụ già đọc. Thật là đồ vớ vẩn. Bố Thuôn đặt cuốn sách lên bàn, không bình luận. Trên kệ sách của ông có hàng chục cuốn sách, đều do con rể cả mang đến tặng. Toàn sách tình yêu. Thuôn không biết ông có bao giờ đọc chúng không nữa.

Con rể thứ hai làm cho một tờ báo thể thao. Quà anh ta mang đến tặng bố vợ là mấy chuyện về ngôi sao bóng đá. Ví dụ Beckham mua quà cho con, bố cũ của Ashley Cole kiện hãng Fox...vv. Bố Thuôn ngồi cười khùng khục trước mấy chuyện vụn vặt đó, mà không cười thì biết nói sao. Em rể thứ vì thế mà mau chóng di chuyển câu chuyện xuống nhà bếp, với mẹ vợ và mấy chị em nhà vợ đang xúm xít quanh mấy món ăn cho bữa tiệc mừng sinh nhật.

Con rể út còn trẻ, nhưng giàu có hơn người. Làm rể đã hơn mười năm, sinh nhật bố vợ năm nào cũng mang rượu ngoại đến, vì thế, tử rượu của bố vợ, ngoài rượu riêng của ông, có hơn mười chai rượu ngoại, đủ đăng cấp trên đời mà anh ta có thể mang tặng. Đó là rượu cho sinh nhật, và chỉ sinh nhật thôi. Nhưng hơn mười chai rượu đó chưa từng một lần được khai, anh ta bảo đăng cấp của những chai rượu này chính là khi nó được trưng trong tủ. Người ta thường thức nó bằng mắt, bằng mắt...

Lão Nhạc bước vào phòng khách chính lúc em rể út của Thuôn đang thao thao về xuất xứ của món quà mình mang đến. Sự xuất hiện của lão khiến tất cả ngừng bật. Em gái cả chạy lại, kéo Thuôn ra ngoài, nhàn mặt:

"Anh đỡ người à, sao cho lão ấy vào. Trông mặt buồn nôn chết đi được ai mà nuốt nổi thứ gì. Hâm."

Thuôn cũng nhàn mặt:

"Bố đồng ý cho vào, tao làm gì muốn."

Nói xong, Thuôn cũng chợt nhớ, khi xưa em gái cả cũng chơi rất thân với con gái lão Nhạc, suốt ngày ở nhà lão, lão toàn bắt tôm cá cho ăn. Cả làng chỉ có lão Nhạc giỏi sát cá, lão đã đi ra sông là không bao giờ vác giỏ về không. Đó là những năm cả làng đói vàng mắt...

Lão Nhạc bước vào phòng khách, trông thấy chai rượu trên bàn, bật cười ha hả:



Minh họa của THÀNH CHUÔNG

"À, vang Viticcio, giá xuất xưởng là 30 đô la, được làm từ nho chín nâu, chả biết bán ở Việt Nam thì bao nhiêu tiền nhỉ."

Thuôn nhìn nét mặt đang biểu hiện vẻ khinh bỉ nhưng cũng ngạc nhiên vô cùng trước hiểu biết mà lão Nhạc phần về quả biểu của em rể út, và hẳn nó đang nghĩ: "Mẹ khỉ, cái lão nhà quê tởm lợm kia, cái gì cũng biết thế." Em rể út cười khẩy: "Sinh ra trên đời mà bị phạm phu tục tử thường thức thì phí hoài đời nó, cụ ạ. Như là hoa hồng cắm bãi cứt trâu ấy. Haha."

Nhưng lão Nhạc có vẻ không thêm quan tâm đến chai rượu cùng mấy lời báng bổ của em rể út Thuôn nữa. Lão quay sang bố Thuôn:

"Mày...à...ông Thuôn này..."

Bố Thuôn cười ha hả:

"Ông cái gì, cứ mày tao như trước, tao cũng thích thế."

"Nhưng mình toàn con cháu cả rồi..."

Thuôn ngồi rót trà, nhìn em rể cả đang lướt web điện thoại, ra vẻ không quan tâm đến vị khách không mời, em rể út cũng thế. Thuôn nhớ, đã hai, ba năm nay, sinh nhật bố Thuôn, ngoài con cháu trong nhà, lão Nhạc là vị khách đầu tiên đến, dù có lẽ lão cũng chẳng biết hôm nay là sinh nhật người bạn thân từ thuở thiếu thời. Và Thuôn cũng nhớ, từ ngày Thuôn xây nhà, bố Thuôn trở về làng, đây là lần đầu tiên lão Nhạc đến nhà Thuôn. Có lẽ vì cổng nhà Thuôn luôn khép chặt...

"Hôm nay tao...à, tôi..."

Bố Thuôn khẽ cau mày, nhưng ông cười to:

"Thôi, mày thích xưng hô thế nào chẳng được."

Lão Nhạc được lời như cỏi trối, khịt mũi:

"Mày không hút thuốc lào à? Chán bỏ con mẹ. Tao chỉ thuốc lào là nhất thời."

Bố Thuôn ngoái xuống nhà bếp:

"Con Hào đâu, chạy sang cụ Xoa mượn cho ông cái điều cày, cả thuốc nữa nhé."

Dưới bếp, đứa cháu gái tên Hào, con gái Thuôn, nhanh chân chạy ra cổng, trong phòng khách, lão Nhạc lại khịt mũi:

"Tao là tao đi đâu cũng phải thuốc lào."

Căn phòng tự động chìm vào im lặng.

"Thằng Bôi Khoản ấy, mày ạ. Nó không mất tích."

Câu nói của lão Nhạc ngay lập tức làm cho căn phòng rung động. Bố Thuôn trong giây lát như hóa tượng. Hai chàng rể rời mắt khỏi màn hình điện thoại, nhướng đôi mày về phía lão Nhạc, kẻ mang khuôn mặt lở loét mà họ kính tởm. Dường như có tiếng trái tim ai đó đập dồn hơn bình thường.

Bôi Khoản là một trong ba người bạn thân thuở thiếu thời của họ: Lão Nhạc và bố Thuôn. Họ sinh ra cùng xóm, lớn lên chân trâu cắt cỏ cùng nhau, đi bộ đội cùng một ngày, và thật ngạc nhiên, họ cũng cùng một đơn vị. Trong một nhiệm vụ, Bôi Khoản được coi là mất tích, khi chiến tranh đã lùi khá xa, mà gia đình ông chưa hề nhận được giấy báo tử.

"Vậy là..."

Thuôn thấy rõ là bố mình rất bối rối. Rõ ràng cái tin Bôi Khoản không hề mất tích đó làm ông bối rối. Không mất tích thì chỉ có thể là đã hi sinh, mất xác ở đâu đó trong những cánh rừng thẳm sâu, hay bất kì chiến trường nào – Thuôn nghĩ. Trừ khi vấn đề phát triển theo hướng khác: hoặc là Bôi Khoản bỏ trốn theo giặc, hoặc là mất trí nhớ, quên mất mình là ai, hoặc là...hoặc là...Nói chung là hi hữu, vì khả năng trở về sau gần 40 năm là việc vô cùng hiếm hoi.

"Hồi năm chín mươi ba, tao đi Lương Sơn cắt tranh về lợp nhà, mày ạ, trên đó có những đôi tranh rậm chết người."

Đột nhiên lão Nhạc đổi hướng câu chuyện, như thể cái tin kia không dính khớp gì đến Bôi Khoản. Thuôn nhớ rồi, đúng là có lần nghe nói lão đi cắt tranh về lợp nhà, cái nhà bếp nhỏ thôi, cùng chuồng trâu, chuồng gà vịt, sau, mấy cái nhà lợp tranh đó bị cháy. Đó là thời kì lão Nhạc thôi làm chủ nhiệm Hợp tác xã, và bố Thuôn thì đã làm Bí thư huyện Đoàn.

"Tao có thằng em kết nghĩa, chắc mày chả nhớ, thằng Đạo nháy ấy. Nó lấy vợ, vợ nó người Mường, mà xinh đáo để."

Hai em rể Thuôn chép miệng, một kẻ khề lác đầu. Toàn chuyện tầm phào, không đầu không cuối rồi đây. Em rể út thờ dài, đặt điện thoại xuống bàn:

"Bố này, con nghe nhà con bảo làng mình có một lão tên là Phó Cách phải không bố? Tên là Phó Cách, vì lão hay ăn chục, hề trong làng nhà ai cách mâm cách bát là lão kiểm soát sang chơi, bố nhỉ? Không biết lão còn hay chết rồi?"

Em rể cả phì cười: "Chỉ tiết hay đấy nhỉ, sao không thấy chị mày nói gì, ở đâu, mình phải đến hỏi chuyện mới được."

Nhưng lão Nhạc làm ra vẻ chẳng để ý, lão về một điều thuốc lào, rít một hồi, cái điều cày long sông sọc, lão him mặt, rồi tiếp tục:

"Nhưng chuyện cậu nhà vợ nó mới kinh, mày ạ. Thế này này: Mẹ vợ nó có một đứa em trai, rất trẻ. Thằng lỏi này khôn lắm, học giỏi lắm. Mới chín mười tuổi mà giải toán lớp Mười ngon ơ. Nó bảo nó chẳng phải thần đồng gì sất, đơn giản là nó đã học rồi, thế thôi."

Hai em rể ngưng cười. Bố Thuôn đã thôi hóa tượng. Ông châm một điều thuốc, bắt đầu ra vẻ kiên trì lắng nghe câu chuyện của người bạn thân cũ thuở thiếu thời.

"Một hôm, nó và mấy đứa em, cháu chắt nhau. Nó bị chửi, nó bảo mấy đứa em: "Chúng mày lão. Tao không phải là em út gì nhà chúng mày. Tao là bác mày cơ đấy. Đáng lẽ bố mẹ phải gọi tao là anh."

"Rồi từ đó, nó đồng thời gọi bố mẹ là bố mẹ, nhưng nó cũng gọi bà nội nó là mẹ. Kinh không?"

Lão ngừng kể, lại châm thuốc. Sốt ruột, em rể cả chồi người về phía lão, kể cả:

"Chú kể gì, chẳng hiểu gì cả."

Lão Nhạc phì khói, nhìn em rể cả của Thuôn bằng đôi mắt đục ngầu:

"Bà nội nó sợ quá, hỏi chuyện, nó bảo nó bị giết, xác bị ném vào cụm chuối rừng."

"Nhưng...sao lại bị giết? Chú nói rõ hơn xem nào."

Lão Nhạc thôi nhìn em rể cả, quay sang bố Thuôn:

"Hỏi tao với mày và thằng Bồi Khoản còn bé, đi chăn trâu, toàn uống nước bằng nón mê thủng chóp nhĩ, có lần nhắm mắt uống, mở mắt ra, thấy con đĩa trâu to bằng ngón tay bám lũng lảng, tí nữa thì chui vào họng. Bỏ mẹ, hồi đó đĩa nhiều như vãi trâu."

Bố Thuôn gật gù:

"Ừ, hồi đó nghịch dại, mà vui thật."

"Nếu nó về cùng tao với mày, có khi làm thông gia với bọn mình cũng chả chữa."

"Mày nói tiếp đi, sao bảo Bồi Khoản không mất tích, thế nó ở đâu?"

"Ở trong vườn nhà một người dân. Họ chôn nó ở đấy. Không ai biết tên tuổi, chỉ nhớ bức ảnh mà nó được tìm ra."

"Ảnh? Ảnh nào?" - Bố Thuôn ngồi thẳng người, như ông đang sẵn sàng tư thế đón đợi một tin quan trọng.

"Ảnh ba đứa mình chụp hôm nhập ngũ, có mỗi một cái, nó đòi giữ, nhớ không. Nó đứng giữa, tao với mày hai bên. Chụp ảnh ba chết cha đứa ở giữa, mà đúng thật."

Lão Nhạc him him mắt, lão ngửa cổ nhìn trần nhà, trần nhà có chùm đèn màu hoàng yến, kiểu dáng rất đẹp. Lão lại quay sang nhìn căn phòng, cái ti vi to tướng choán gần hết bức tường, bề cá cảnh cũng to tướng, choán gần hết một bức tường khác. Lão chép miệng:

"Nhà mày đẹp nhỉ. Đẹp nhất làng rồi còn gì."

Có lẽ lão ngậm ngùi cho đời lão. Cùng đi bộ đội, vào sinh ra tử như nhau, mà cuối đời, cái mà lão giữ được chỉ là thân xác tàn tạ, già nua và bị con cháu khinh ghét, tránh xa, trong khi bố Thuôn đức cao vọng trọng, bảo sao không hạnh lòng.

"Thằng cậu vợ thằng Đạo nháy ấy. Nó bảo nó đi bộ đội, được giao một nhiệm vụ bí mật, rất quan trọng cùng một người bạn. Trên đường đi, nó bị bạn giết, ném xác vào bụi chuối rừng. Hồn nó tìm về, định đầu thai vào cửa mẹ, nhưng mẹ không sinh nữa, đúng lúc em dâu chữa, thế là nó đầu thai vào cửa em dâu. Nó sinh ra, nhớ tất chuyện kiếp trước."

"Không tin được. Sao lại có chuyện như thế. Nếu thế thì nó phải biết người giết nó kiếp trước đang ở đâu chứ, đúng không ạ?"

Em rể cả tỏ ra sốt sắng. Lão Nhạc cười khùng khục:

"Sao lại không nhớ, nhưng nó có phải thần tiên đâu mà biết mọi thứ trên đời. Nó chỉ biết nó bị giết, và người giết nó đã hưởng mọi chiến công về mình, được thăng tiến, thế thôi. Nghe nói thằng đó giờ ngon lắm."

Lão ngừng kể, cười khà khà. Lão đưa mắt nhìn đồng hồ. Đồng hồ chỉ mười giờ ba mươi phút trưa. Lão chép miệng:

"Cơm sớm rồi lại cơm trưa, nhanh thế nhỉ?"

"Mày ở lại ăn cơm nhé. Tao với mày uống rượu." - Bố Thuôn cũng cười to. Lâu lắm rồi Thuôn mới thấy ông cười to như thế. Lão Nhạc nhìn chai rượu Tây vẫn để trên bàn:

"Uống chai này à? Bình Tây rượu ta chứ hả? Rút cuộc vẫn đ. bằng rượu cuộc lùi nhà mình. Haha."

Em rể út lườm dài. Rồi như không chịu nổi, đứng dậy phúi mông quần, bỏ ra ngoài.

Lão Nhạc nhìn bố Thuôn. Khuôn mặt bố Thuôn đỏ hồng hào, tóc chải hất phía sau, vẫn còn đen lấm. Lão chép miệng.

"Vừa rồi con cháu gái nhà Bồi Khoản đi chơi tận Thanh Hóa. Nó là sinh viên. Nó bảo đi đến nhà bạn học gì gì đấy. Nó vào nhà, thấy bức ảnh chụp ba chú bộ đội môi đỏ như son, má hồng như con gái trên bàn thờ nhà bạn nó. Nó thấy quen, sao một người trông giống bác nó thế. Thế là nó hỏi chủ nhà, chủ nhà bảo đó là bức ảnh của người nằm trong mộ, chôn trong vườn nhà đã lâu. Nó đòi xem bức ảnh, mày nhớ không, đằng sau bức ảnh, chính mày viết bằng bút máy: "Khoản - Nhạc - Thuôi, nhớ mãi một thời" đúng không?"

Thuôn nhớ một vài bức ảnh còn lại trong tủ nhà Thuôn, những bức ảnh chụp bố, mẹ và mấy anh em Thuôn khi còn nhỏ xiu. Hồi đó người ta chưa có ảnh màu, nên màu ảnh in thủ công, trông ảnh như một bức vẽ. Nam hay nữ thì ai cũng môi đỏ chót, má hồng rực. Những bức ảnh nhỏ xiu, to nhất chỉ bằng bàn tay. Có thể bức ảnh ba người mà lão Nhạc nhắc đến cũng như thế.

Bữa cơm được dọn lên, cắt ngang câu chuyện. Nhưng lão Nhạc từ chối ngồi vào mâm. Lão bảo bố Thuôn:

"Nhà Bồi Khoản đã vào Thanh Hóa từ mấy hôm trước đón nó về. Hình như mai là về đến đây. Ngày kia xã làm lễ truy điệu, để nó ở nghĩa trang liệt sĩ. Mày có đến không?"

Bố Thuôn rơm rớm nước mắt, gật đầu:

"Đến. Đến chứ. Nếu biết, tao còn đi cùng đưa nó về."

Lão Nhạc khật khừ:

"Tao cũng muốn, nhưng tao đ. có tiền. Mấy đứa con chó chết, coi bố như rác. Thôi, nó về là tốt. Tao tưởng mày không biết, nên đến nói cho mày biết."

Lão Nhạc ngờ bố Thuôn không biết, lão không hay là bố Thuôn không biết thật. Từ ngày về làng, ông thờ ơ với mọi sự. Thuôn đi làm, tối mới về nhà, cũng chẳng để ý chuyện thôn chuyện xóm, miễn là thôn xóm muốn đóng góp gì Thuôn cũng chiều.

DƯƠNG ĐỨC KHÁNH

Chiêm bao đất mẹ

*Con chìm giữa cơn mơ
có tiếng sấm nguồn lay dòng sông thức dậy
và cơn giông ập đến mặt mừng
cả xóm làng không tìm ra đốm lửa
cơn bão đi qua ngành ngọn tới bờ...*

*Cơn mơ đưa con về đất mẹ một thời
ngày con sinh ra làng nước chiến tranh rồi
cha ra đi giữa đêm rền tiếng súng
và biệt tâm từ ấy không về*

*Bên mẹ con lớn lên
cùng sản khoa và lửa
cùng những tiếng nổ ngất trời
mẹ ơi!*

*có những tiếng nổ giữa đêm cuối năm tuổi thơ con
ngỡ là pháo tết
và những ngày đầu năm chẳng trọn vẹn là xuân
ngày ly loạn mẹ xách bánh chưng
con mang bánh tét
bỏ lại cảnh mai còn những nụ xanh rờn
mẹ ngất vùi mấy lá trầu còn ướt đầm sương
những lá trầu đêm qua còn giạt mình hốt hoảng
trên thân cau nham nhỡ vết đạn găm!*

*Một mùa, một năm...
mẹ đếm tháng ngày trên ngón tay gầy guộc
lo ngọn cỏ tranh chữ mọc lút thêm
cả khoảng đời chỉ một điệu mẹ nguyện
hạt muối bình yên quý hơn ngọc hơn vàng!*

*Đêm quờ tay chạm đất ẩm vách hầm
giấc mơ con vùi vùi cánh đồng trăng
mẹ ơi!
chùm Luồi Cày chếch ngang trời sáng rực
soi vật vờ lau sậy mảnh ruộng hoang
những chú bác áo nâu cứ biến biệt bỏ làng
bao năm rặng tre cúi đầu đứng lặng...*

*Cơn mơ đưa con về ngày đất mẹ hân hoan
sân ga làng tiếng còi tàu vang vọng
người làng hóa trẻ thơ khản giọng hò reo
ngày như thể chiêm bao
đêm làng thức những mảnh sân đỏ nền
tạ đất trời màu nhiệm cuộc bình yên*

*Mưa tháng tư rơi hạt nắng đoàn viên
những chị những o giặt áo trần phơi lên bờ giậu
chiều bến sông nước mắt đầm nụ cười
đàn chim về chao nghiêng biển bãi
hoa bí vàng tươi rực rỡ dưới mặt trời*

*Con mơ đưa con về dòng sông đêm hội
lũ lượt đèn hoa sáng rực giữa dòng
bên miếu cổ cây sen còn đổ bóng
mẹ vẫn gánh trầu chè ngồi bán chợ chiều
sông vẫn xanh lẫm lẫm con đồ vắn
cô gái làng bên áo lụa hồng nón trắng
tỉnh mơ còn gánh rượu qua làng...*

Lão Nhạc đi ra cổng, đến giữa sân, bắt đố đứng lại, nhìn những bông sứ hoa hồng đang rụng đầy sân.

"Tao với mày với thằng Bồi Khoản thể anh em sống chết có nhau, thế mà nó chết mấy chục năm, tao với mày lại không biết."

Hai tiếng "không biết" lão vọng lên ở cuối câu, nghe như một câu hỏi hơn là một lời than thở. Rồi lão đi thẳng, cánh cửa sắt đóng sập, kêu một tiếng "rầm". Tiếng "rầm" ngăn một hồi dài mới dứt.

Lão Nhạc về rồi, chiều hôm đó Thuôn ra xã hỏi thăm, người ta bảo quả thật là hài cốt Bồi Khoản đang trên đường được đưa về quê, sáng hôm sau xã sẽ làm lễ truy điệu.

Đêm hôm ấy Thuôn nằm nghĩ ngợi. Buổi sáng lão Nhạc bắt ngờ đến chơi, nói chuyện cũ, rồi không ở lại ăn cơm. Thực tình thì việc đó khiến cả nhà mừng húm. Mấy đứa em gái bảo nếu lão ở lại, chẳng ai mà nuốt nổi khi nhìn mặt lão. Lão làm sao mà ra nông nổi thế nhỉ, trông ghê chết. Bố Thuôn bảo khai chai rượu Tây mà em rể út mang đến, nói "Nhân sinh thất thập cổ lai hi, người ta bảo buổi sáng mà đắc đạo thì buổi chiều nên chết được rồi." Thuôn nghe mà thấy ngậm ngùi. Em rể út có vẻ không bằng lòng, nói rượu đó quý vô cùng, nên để khi có khách quý thì khui mới phải. Bố Thuôn cười ha ha: "Con cháu là quý nhất trên đời rồi, còn ai vào đây nữa."

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Mẹ chờ

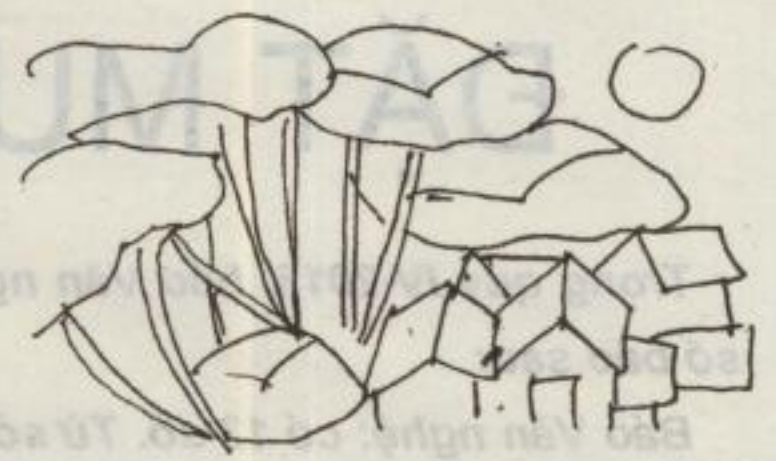
*Giàn trầu ủa ngọn chiều đông
Hoa cau trắng ngô chờ mong con về
Xóm nghèo kéo kẹt bờ tre
Khắc khiu bóng mẹ ven đê đầu làng
Ngóng nhìn đếm lá dò ngang
Mẹ tìm lại chuyển con sang ngày nào
Nắng xiên qua kẽ bờ rào
Có con chuẩn ột đậu vào lại thôi
Sông què lộng gió lở bồi
Rối tung tóc bạc, mây trời vẫn bay
Xòe bàn tay, bấm đốt tay
Lúa khoai mấy vụ, tình ngày tháng trôi
Tình xem bao tuổi ở đời
Mà mòn bậu cửa mẹ ngồi tàn canh
Và tàn ba cuộc chiến tranh
Tầm lưng dấu hỏi đã thành dấu than
Rừng rung mẹ thấp nén nhang
Tàn cong rơi xuống khói tan lên trời
Mẹ mong con được thành người
Nước non vọng mãi nghe lời mẹ ru!*

NGUYỄN THANH LONG

Rác

*Tình mơ
Đống rác chân cột đèn đầy ắp
Người bởi rác thứ nhất
Chọc, chọc - nhặt mấy vỏ lon bia
Người thứ hai
Bới, bới - cảm quyền sách
Người thứ ba
Gầy tử tung - vỏ "con chuột" nhựa...
Người thứ tư
Người thứ năm*

*...
Người nào cũng nhặt cho mình một thứ
Tích cốp
Tích cốp
Mang tới chỗ thu gom
Đầu đang thời suy thoái
Rác xuống giá
Họ vẫn kiếm được đồng tiền sạch.*



Thuôn xoay ngang xoay dọc trên giường, câu chuyện của lão Nhạc làm Thuôn không ngủ được. Chuyện chú Bồi Khoản, bạn cũ của bố Thuôn. Rằng chú ấy bị địch bắt, tra tấn rồi giết, ném xác vào vườn nhà dân bên đường, dân thôn rêu, chôn cất tử tế, không có gì để biết về nhân thân của người chiến sĩ đó ngoài bức ảnh chụp ba người được cất rất kĩ trong người...

Chú ấy bị giết, chứ không phải mất tích trong suốt mấy chục năm trời đã qua.

Buổi sáng, Thuôn vừa mở cửa đi làm thì gặp một đám người kéo nhau qua ngõ, về rất vội vàng. Thuôn tiện miệng thì hỏi có chuyện gì. Một người bảo lão Nhạc chết rồi. Đêm qua lão ngủ ở ngoài nghĩa trang liệt sĩ, trúng gió, chết rồi.

Thuôn thoáng buồn. Ừ thì không thân gì, nhưng cũng là một người trong làng, cũng là bạn cũ của bố, cũng là người vừa mới gặp hôm qua, không buồn sao được.

Thuôn dựng xe, chạy vào phòng bố.

"Bố ơi! Chú Nhạc chết rồi."

Bố Thuôn không trả lời. Ông đang ngồi trên giường, bắt động, trước mặt là bao nhiêu huân, huy chương, giấy khen, bằng khen và cả những bức ảnh cũ.

Ông không trả lời. Không bao giờ có thể trả lời được nữa.■

THƯ MỜI

TẠP CHÍ NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM

TAP chí **Nhà văn và Tác phẩm** là tờ tạp chí sáng tác, lý luận phê bình và dịch văn học của Hội Nhà văn Việt Nam, được hình thành từ sự sáp nhập của hai tờ tạp chí: Nhà văn và Văn học nước ngoài theo quyết định của Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa VIII.

Thông qua những sáng tác chọn lọc, đăng tải trên Tạp chí, Ban biên tập mong muốn giới thiệu được một phần diện mạo tinh hoa văn học trong nước và nước ngoài, góp phần gợi mở công việc sáng tạo của các nhà văn và định hướng thẩm mỹ cho công chúng yêu văn học cả nước.

Tạp chí dày 200 trang, khổ 20 x 28, xuất bản 2 tháng 1 kỳ, gồm 2 phần: Văn học trong nước và văn học nước ngoài, phát hành rộng rãi trên toàn quốc (giá bán 60.000đ/cuốn) - số 1 của tạp chí

(tháng 9 và tháng 10 năm 2013) trân trọng giới thiệu với bạn đọc những sáng tác mới nhất của các nhà văn: Ma Văn Kháng, Đỗ Chu, Nguyễn Khắc Trường, Khuất Quang Thụy, Vũ Quần Phương, Lê Văn Ngân, Phùng Khắc Bắc, Lữ Thị Mai, Phương Lưu, Hà Quảng, Khuất Bình Nguyên, Nguyễn Chí Hoan, Văn Chinh, Đỗ Bích Thủy, Phó Đức Tùng, Nguyễn Ngọc Tư, Đoàn Minh Phương... (Văn học trong nước), Todorov... 7 truyện ngắn mini Trung Quốc (Văn học nước ngoài).

Tạp chí **Nhà văn và Tác phẩm** mong muốn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các nhà văn, bạn đọc, các tổ chức doanh nghiệp và cá nhân để tờ Tạp chí có thể đứng vững trong cơ chế thị trường, làm sinh động và phong phú thêm đời sống văn học và văn hóa trong giai đoạn hội nhập và phát triển đất nước.

Nhà Văn & Tác phẩm

SỐ 01

MA VĂN KHÁNG NỖI NHỚ MÙA PHÙN, LÃO SIEN, THƠ HỌC VIỆN ĐỒ CHU ĐI TRÊN ĐƯỜNG HÀ NỘI KHUẤT QUANG THUY GIỮA CHUNG TÔI LA CÁI LẠNG VÀ... CHỮ VĂN QUYÊN VŨ QUẦN PHƯƠNG LÊ VĂN NGÂN PHÙNG KHẮC BẮC LỮ THỊ MAI THƠ NGUYỄN HIỆP PHÂN GIỀNG KHỎAN TAY NGUYỄN NGỌC TƯ CÁI GI ĐOÀN MINH PHƯƠNG TÔI LỜI BÓN NHIÊN HỒ ANH THAI CHỈ CHỨT VỚI CHÚ THÁNG TUỐT VỚI ĐÔI ĐANG HUY GIANG BẾN RƠI LOAN NHẢY CÁCH TRẦN NHUẬN MINH THỜI GIAN LÊN TIẾNG PHƯƠNG LƯU TRÊN ĐƯỜNG ĐI TÌM MỘT PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC THAY THẾ HÀ QUẢNG CÁN XÂY DỰNG MỘT LÝ THUYẾT VỀ PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC NHIỀU TÁC GIẢ CHÙM TRUYỆN CỤC NGÀN HAY NHẤT 2012 CỦA VĂN HỌC TRUNG QUỐC ALAN KIRBY CÁI CHẾT CỦA CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI VÀ XA HƠN JURIZHKOV SỰ THẤT VỆ NĂM 1917 TODOROV VĂN CHỜNG LAM NGUY SOKOLOV VĂN HỌC VIỆT NAM Ở HAI NGỌAI VĂN CHINH MỘT SỰ THẤT HUYỀN THOẠI NGUYỄN CHÍ HOAN MỘT CANH CỦA NHỎ MỘT TRẦN GIÂN NHỎ PV ĐƯ AM HỘI NGHỊ LÝ LUẬN PHÊ BÌNH LẦN THỨ III

Bạn đọc có nhu cầu mua dài hạn xin đặt tại bưu điện gần nhất hoặc liên hệ với tòa soạn:

TẠP CHÍ NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM
Địa chỉ: 65 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (04).3942 3111, Email: nhavanvatacpham@gmail.com

TM BAN BIÊN TẬP
TỔNG BIÊN TẬP
Nhà văn NGUYỄN TRÍ HUÂN

THÔNG BÁO

ĐẶT MUA BÁO QUÝ IV-2013

Trong quý IV-2013, báo Văn nghệ phát hành các số báo sau:

Báo Văn nghệ: có 13 số. Từ số 40 đến số 52.

Giá bán 9.800đồng/kỳ X 13 số = 127.400đồng.

(một trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Báo Văn nghệ trẻ: có 13 số. Từ số 40 đến số 52.

Giá bán 9.800đồng/kỳ X 13 số = 127.400đồng.

(một trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Tổng cộng tiền báo quý IV cho các ấn phẩm báo Văn nghệ là: 254.800 đồng (Hai trăm năm tư nghìn tám trăm đồng).

Bạn đọc và các tác giả có nhu cầu mua báo Văn nghệ đăng ký với bưu điện, các điểm phát hành báo gần nhất hoặc liên hệ trực tiếp với bộ phận phát hành của tòa soạn theo:

Điện thoại: (04)62 702 642.

Địa chỉ: Tòa soạn báo Văn nghệ. 17 Trần Quốc Toản – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Bưu điện Việt Nam xin trân trọng thông báo:

Cũng trong tháng 9-2013, Bưu điện Việt Nam tổ chức nhận đặt mua báo chí xuất bản quý IV-2013.

Kính mời các cơ quan, đoàn thể, trường học và độc giả trong cả nước đến các cơ sở Bưu điện nơi gần nhất để đặt mua.

Mọi chi tiết xin quý khách vui lòng liên hệ tại các cơ sở Bưu điện trên toàn quốc.

Rất hân hạnh được phục vụ!

THÔNG TIN - QUẢNG CÁO



VINASAT-1 132°E

Hãng sản xuất: Lockheed Martin (Mỹ)
Ngày phóng vệ tinh: 18/3/2008
Tên lửa đẩy: Ariane V (Pháp)
Trọng lượng: 2,6 tấn
Thời gian
cung cấp dịch vụ: ít nhất 15 năm
Bộ phát đáp: 8 bộ phát đáp băng C mở rộng
& 12 bộ phát đáp băng Ku
(36MHz/bộ phát đáp)
Vùng phủ băng Ku: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái
Lan, Myanmar, Singapore và
một phần của Malaysia
Vùng phủ băng C
mở rộng: Việt Nam, Đông Nam Á, Ấn Độ,
Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Hawaii



VINASAT-2 131.8°E

Hãng sản xuất: Lockheed Martin (Mỹ)
Ngày phóng vệ tinh: 16/5/2012
Tên lửa đẩy: Ariane V (Pháp)
Trọng lượng: 3 tấn
Thời gian
cung cấp dịch vụ: ít nhất 15 năm
Bộ phát đáp: 24 Ku band (36 MHz)
Vùng phủ băng Ku: Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái
Lan, Myanmar, Singapore và một
phần của Malaysia.



DẪN DẮT XU HƯỚNG THỜI TRANG VIỆT *September*

TP Hà Nội

34 Bà Triệu, Hoàn Kiếm
243 Cầu Giấy
303 Kim Mã, Ba Đình
98 Tôn Đức Thắng, Đống Đa
163 Thái Hà

Tel: 04.3934 8186
Tel: 04.3839 8369
Tel: 04.3726 3594
Tel: 04.6275 7005
Tel: 04.3514 8212

IVY moda Tầng 1 The Garden Mall, Mỹ Đình

Tel: 04.6672 9744

IVY Moda Tầng 1 Savico Mega Mall
7 – 9 Nguyễn Văn Linh, Long Biên

Tel: 04.6257 3525

IVY Moda B1 - R5 - 21 - 22 TTTM Royal City,
72A Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: 04.6262 0989

TP Hồ Chí Minh

142 Võ Thị Sáu, P8, Q.3
181C+181D Cách Mạng Tháng 8, P6, Q.3

Tel: 08.3827 5599
Tel: 08.3832 7779

TP. Vinh

147 Lê Lợi

Tel: 038.625 1756

TP Hải Phòng

51 Lạch Tray, Ngô Quyền

Tel: 031.626 0089

TP Quảng Ninh

30 Kênh Liềm

Tel: 033.381 3185

TP Đà Nẵng

136 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê

Tel: 0511.653 0333

www.ivy.com.vn

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập: KHUẤT QUANG THUY ● Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
● Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642
● Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; banngghethuatvn@gmail.com.
● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI ● Giá: 9.800 đồng.